

SANGTAO

THÁNG TÁM 1958

THÀNH LẬP BAN KỊCH "ĐÊM HÀ-NỘI"

KHẢO LUẬN :

LÊ HUY OANH Khảo về thơ Beaudelaire
LỮ HỒ Định mệnh văn học
PHAN VĂN DẬT . . . Bài thơ khóc thi Bàng không phải
của vua Nguyễn Dục Tông
THÁI BẠCH Nữ sĩ Trần Kim Phụng

SÁNG TÁC :

DOÃN QUỐC SỸ Khu vườn bên cửa sổ
THANH TÂM TUYỀN Tư
THAO TRƯỜNG Đàn Ông
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG Quyền Sách

THƠ TỰ DO :

TRẦN THANH HIỆP — TRẦN LÊ NGUYỄN
QUÁCH THOẠI — VƯƠNG TÂN
DUY THANH — HOÀNG BẢO VIỆT — MAI TRUNG TÍNH

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

MAI THẢO : ĐỌC SÁCH : TÌM VỀ SINH LỘ của KỶ VĂN NGUYÊN —
THÁI TUẤN : TRIỂN LÃM TRẦN ĐÌNH THỤY — TRIỂN LÃM của THUẬN
HỒ — VỊ XUYẾN : ĐỌC SÁCH : XÂY DỰNG MỘT VỞ KỊCH TUYỀN
TRUYỀN của NGUYỄN HOÀI VĂN — BÁ CÁO của VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 133B, KÝ CON - SAIGON

số 23

80 trang : Giá 10\$00

MỤC LỤC

	Trang
THÀNH LẬP BAN KỊCH " ĐÊM HÀ-NỘI "	1
THAO TRƯỜNG	4
PHAN VĂN DẬT	8
HOÀNG BẢO VIỆT	17
MAI TRUNG TĨNH	18
DUY THANH	19
NGƯỜI SỐNG THƯƠNG	20
THÁI BẠCH	27
THANH TÂM TUYỀN	33
LÊ HUY OANH	42
TRẦN LÊ NGUYỄN	51
VƯƠNG TÂN	55
TRẦN THANH HIỆP	56
QUÁCH THOẠI	57
LỮ HỒ	58
DOÃN QUỐC SỸ	65

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

BÁ CÁO CỦA VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ (trang 76) — MAI THẢO : TÌM VỀ SINH LỘ TRUYỆN DÀI CỦA KỶ VĂN NGUYÊN (trang 76) — THÁI TUẤN : TRIỀN LÂM CỦA THUẬN HỒ — TRIỀN LÂM TRẦN ĐÌNH THỤY (trang 77-78) — VỊ XUYỀN : XÂY DỰNG MỘT BAN KỊCH TUYÊN TRUYỀN CỦA NGUYỄN HOÀI VĂN (trang 79)

SÁNG TẠO TẬP BA : TỪ SỐ 13 ĐẾN SỐ 18

Thề theo lời yêu cầu của độc giả khắp nơi gửi về hỏi mua những số báo thiếu, chúng tôi sẽ cho đóng lại và phát hành vào trung tuần tháng 8 sắp tới : SÁNG TẠO TẬP BA (từ số 13 đến số 18).

Bìa cứng, giầy trên 400 trang, giá độc biệt : 40.000 Các bạn có thể đón mua ở các đại lý hoặc muốn gửi thẳng xin viết thư và gửi bưu phiếu cho Ty quản lý.

THƯ TỬ BÀI VỞ CỬI CHO : MAI THẢO
 TIỀN BẠC VÀ NGÂN PHIẾU : ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO
 133 B, đường Kỳ Con — SAIGON

CHÚNG TÔI THÀNH LẬP BAN KỊCH « ĐÊM HÀ NỘI »

CHÚNG tôi nghĩ rằng : nghệ thuật không thể triển khai trên một cơ sở thiếu hụt. Mỗi bộ môn nghệ thuật có những tinh thần, luật lệ và tác dụng riêng, chính vì đó, muốn có một sắc thái sinh hoạt quân bình và toàn diện, nghệ thuật luôn luôn đòi hỏi sự đóng góp và tác động hỗ tương của mỗi ngành.

Nhận định trên giúp chúng tôi khi cùng nhau nhận định toàn thể hiện tình nghệ thuật Việt-Nam, nhìn thấy sự tàn lụi và tình trạng bất động của một ngành thiết yếu : sân khấu.

Nhận xét không những chỉ thấy ở lãnh vực sân khấu cũ, chúng tôi muốn nói tới hát bội, tuồng chèo, mà còn hết sức xấu đậm ở lãnh vực sân khấu mới. Chúng tôi muốn nói tới kịch, hình thức thể hiện linh động trực tiếp nhất của sân khấu.

Thiếu ánh sáng nghệ thuật chiếu tới, sân khấu Việt-Nam mấy năm nay đã rơi chìm vào bóng tối. Nguyên nhân cũng dễ hiểu : Người ta đã mượn sân khấu để chiều những thị hiếu thấp kém của một số khán giả, và dùng nó để thỏa mãn những khuynh hướng du hý dung tục.

Nói một cách khác, sân khấu Việt-Nam trong đúng ý nghĩa của tiếng gọi, chưa thành hình.

Đã tới lúc nó phải được thành hình. Những vở kịch lớn ngoài đời đang khởi diễn. Sân khấu phải có mặt để thể hiện những vở kịch lớn ấy của đời sống và tư tưởng con người thời đại.



Chúng tôi một số văn gia, kịch sĩ, họa-sĩ, ý thức được những kịch tính của đời sống thế hệ mình và tha thiết với sân

khẩu Việt-Nam, thấy cần phải bắt tay xây dựng sân khấu ấy. Không cần phải minh xác rằng đây là một công việc tự nguyện, nhưng cần minh xác những ý nghĩ khởi đầu :

Chúng tôi quan niệm nghệ thuật là để khám phá bộ mặt siêu nhân của con người, để phiêu lưu tới những giới hạn cùng cực của chân lý. Nghĩa là để quy định cho sự sống một ý nghĩa.

Ngành sân khấu tất cũng sẽ không chọn một hướng đi nào khác hơn hướng đi kể trên. Cho nên nó cũng đòi hỏi một tinh thần trách nhiệm, dĩ nhiên trước nghệ thuật. Nếu nghệ thuật là một trong những thứ mà con người dùng để biểu hiện thời đại thì lúc này ngành sân khấu Việt-Nam cũng cần phải được tái tạo cho đủ khả năng diễn tả thực tại. Bởi thế việc đầu tiên là phải đoạn tuyệt với những tập quán văn nghệ lỗi thời, trong sáng tác cũng như trong thưởng ngoạn. Việc thứ hai là sẽ tiếp nhận đúng mực sự trợ lực của mọi bộ môn khác : văn, thơ, nhạc, họa, điện ảnh v.v... Việc thứ ba còn lại sẽ là việc tìm được những dạng thức riêng biệt cho ngành sân khấu Việt-Nam để diễn tả những màn kịch Việt-Nam trong vở kịch lớn nhân loại.

Trong ý nghĩa đó, chúng tôi thành lập một ban kịch. Nhìn vào hiện tại cũng như hướng về tương lai chúng tôi đã dự liệu sẽ phải vượt qua không ít trở ngại. Vì ban kịch đã chỉ được thành hình bằng những điều kiện thực tế eo hẹp. Nó không vượt khỏi lòng chân thành và tinh thần trách nhiệm của chúng tôi trước toàn thể vấn đề sân khấu. Chúng tôi đặt nền tảng ban kịch trên lòng chân thành và tinh thần trách nhiệm này.

Ban kịch sẽ mang tên : Ban Kịch *Đêm Hà-Nội* .

Chúng tôi tưởng chỉ riêng tên gọi ấy cũng đủ để chúng ta tiến bước không điều kiện. Những *Đêm Hà-Nội* sẽ là những đêm nghệ thuật làm sống lại hình ảnh một Hà-Nội đã từng ghi vào lịch sử nghệ thuật đất nước những mùa kịch lộng lẫy. Cố đô Hà-Nội phải sống bất tử trong lòng mỗi chúng ta.

Bởi thế chúng tôi chân thành kêu gọi sự liên kết của tất cả mọi người yêu sân khấu, muốn kéo nó ra khỏi tình trạng bế tắc bất động của chính nó. Ban kịch *Đêm Hà-Nội* không định là một tổ chức riêng tư của nhóm người xướng xuất thành lập nó, sẵn sàng đón nhận mọi hợp tác bằng mọi cách.



Chúng tôi tin rằng xây dựng sân khấu mới Việt-Nam có nghĩa là phải quan niệm lại vấn đề đó từ một quan niệm đúng đắn về nghệ thuật và thực hiện bằng một thái độ chân chính nghệ thuật.

Hôm nay, long trọng ký tên chung dưới bản tuyên bố thành lập ban kịch, và cho tới khi nào *Đêm Hà-Nội* còn được góp phần hiến dâng của nó cho sân khấu Việt-Nam, chúng tôi sẽ mãi mãi trung thành với quan niệm đó.

Những người bạn của sân khấu, những nhà soạn kịch, đạo diễn và diễn viên cũng sẽ thông cảm và đến với *Đêm Hà-Nội* trong tinh thần và ý thức nghệ thuật nói trên, đó là điều mà chúng tôi thiết tha tin tưởng.

DOÃN QUỐC SỸ — DUY THANH — MAI THẢO
MẶC ĐỒ — NGUYỄN SỸ TẾ — THANH NAM
THANH TÂM TUYÊN — TRẦN THANH HIỆP
TRẦN LÊ NGUYỄN — VŨ KHẮC KHOAN

BÀI THƠ KHỐC THỊ BẰNG KHÔNG PHẢI CỦA VUA NGUYỄN DỰC TỔNG

PHAN VĂN DẬT

N G A Y từ năm 1942, trong Thi văn bình chú, cuốn thứ nhất (Tủ sách Tao-Đàn, nhà xuất bản Tân Dân Hà-nội, trang 105), ông Ngô Tất-Tố dưới bài thơ « Khóc nàng Bằng », ở phần tham khảo, đã viết rằng : « Bài này nhiều người bảo là của vua Tự-đức. Nhưng các vị cố lão thi nói là của ông Nguyễn-gia-Thiều khóc nàng Bằng-Cơ, một người vợ lẽ của ông.

Xét ra vua Tự-Đức cũng ít khi làm thơ quốc âm. Coi tập Việt sử tông vịnh và những nhời phê của ngài ở bộ Việt-sử khâm-định thi biết tính ngài rất bệ vệ, lúc nào cũng muốn tỏ mình là đấng anh quân. Với cái tính kiêu sức ấy, chắc không khi nào ngài chịu dùng những chữ tình chữ duyên để khóc một người đàn bà. Huống chi thơ vua Tự Đức rất dở, cả tập Việt-sử tông - vịnh không mấy bài nghe được. Vậy mà bài này lại là một bài rất hay, có lẽ sức ngài không thể làm nổi

« Vậy nay theo lời các vị cố lão trả lại ông Nguyễn-gia-Thiều. »

Thơ vua Dực-tông có đến nỗi dở như nhà văn quá cố họ Ngô nói không, chúng tôi là kẻ hậu-học không dám lãnh trách vụ xét đoán lời phê bình ấy. Và ở đây chúng tôi cũng không nhắm mục đích phê bình.

Trong đặc san Vi Dân, số 26-27 ra ngày 8-11-1952, trang 9, ông Bửu Kế trong bài « Tập thi quốc-văn của vua Tự-đức » cũng viết rằng :

« Những thi văn tập của vua Tự-đức để lại rất nhiều, trước kia ai đã vào thư viện Huế để nghiên cứu chắc cũng rõ. Nhưng có một quyền rất quý cho tài liệu văn học sử Việt Nam mà không mấy ai được đọc đến là một tập thi bằng quốc văn của ta. Một tập thi gồm có hơn trăm bài, đủ cả các thể. Cảnh mỗi bài thơ đều có lời phê bình của bà Nguyễn-nhược thị Bích (tác giả tập Hạnh Thực ca) viết bằng thứ chữ son rất nhỏ. Ngoài ra lại có một xấp mong-mông của vua Tự-đức phê bình và sửa chữa truyện Kiều. Máy quyền sách này thuộc loại sách ngự-chế, cất kỹ trong Nội-các. Cho mãi đến tháng 9 năm 1945, những sách ấy mới chở ra thư viện nhưng cũng để riêng ra một nơi chưa kịp làm nhãn, vô thư-sách, trưng bày cho độc giả xem, thì tất cả sách của Thư viện đã phải tản cư ra Hiền-lương và bị mất sạch cả. Có một điều tôi nhớ rõ là trong tập thi quốc văn ấy không có bài « Khóc thị Bằng » và chỉ có bài « Than đời »

mà thôi. Bài này chính là bài người ta thường cho là bài vua làm ra lúc gần thăng hà. Bài « Than đời » mở đầu bằng những câu :

*Sự đời ngồi nghĩ, nghĩ mà ghê,
Sống gửi rồi ra lại thác về.*

Bài này có nhiều sách đã chép rồi, tưởng không cần lục ra đây làm gì nữa. Còn bài « Khốc thị Bằng » cũng có nhiều người vẫn nghi ngờ là không phải của vua Tự-Đức. »

Ông Bửu Kế là cựu nhân viên Viện Văn-hóa lại phụ trách phần thư khố, cho nên biết rõ việc này hơn ai cả. Bài « Than đời » ông nói đây, các sách thường theo Dương Quảng-Hàm đề là « Ngẫu cảm ». Trong tập thơ nôm của ông Kế nói, có nhiều bài từ-khúc và bài về « Giá ngự Thuận an ». (1) Như vậy các ông Ngô Tất-Tố và Bửu Kế đều có ý cho bài thơ « Khốc thị Bằng » không phải là của vua Dực-tông, duy hai ông còn chưa nói một cách quả quyết. Thế nhưng trong tất cả các sách giáo khoa ngày nay, cũng như trên các tờ tạp chí giáo dục và văn học, vua Dực-tông vẫn được coi như là tác giả của bài thơ ấy. Lại có người còn xét khuynh hướng văn nghệ và con người tinh cảm của nhà vua qua giọng điệu bài thơ đó.

Chúng tôi có bằng chứng đích xác rằng bài « Khốc thị Bằng » không phải của vua Dực-tông, như sẽ nói dưới đây. Nhưng cái làm trên bắt đầu từ đâu mà có và người làm trước nhất là ai ? Chúng tôi chưa tìm ra manh mối. Chỉ biết rằng trong mục « Năm âm thi thoại », bài thứ nhất đăng ở tạp chí Nam Phong số 8 tháng 2 năm 1918, trang 81 (loạt bài này sau đã góp lại thành sách lấy nhan là « Chương Dân thi thoại », nhà in Đắc-lập Huế, 1936, trang 8 và 9), ông Phan Khôi đã có viết một đoạn như sau : « Nghe truyền tụng có câu :

*Ngọn nước chảy xuôi trời lật ngửa,
Mảnh gương úp sấp đất nằm nghiêng.*

Ngài Tuy lý vương cũng có câu :

*Đất e biển cạn bù thêm nước,
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây.*

Hai câu ấy một câu thi rất vẻ tiêu xảo, một câu thi ngụ ý trầm hùng, mà đều là khắc hoạch cả. Đức Dực-tôn ngự chế điều một bà phi, có câu rằng :

*Đập cờ-kinh ra tìm lấy bóng,
Xếp làn-y lại để dành hơi.*

cũng là khắc hoạch, nhưng có cái chí tình ».

(1) Năm 1952, tôi có đem bài này đọc cho các anh chị em học sinh chép ở lớp Dự nhĩ Sinh ngữ trường Khải-Định cũ. Trong trận lụt tháng 9 năm 1953, bài này cùng nhiều tài liệu khác của tôi đã bị tiêu hủy. Vậy bạn nào còn giữ được vở cũ xin chép giùm lại và vui lòng gửi cho, tôi rất cảm ơn.

Thế là từ năm 1918, ông Phan Khôi đã yên trí rằng hai câu thơ trên là của vua Dục - tông, tức là cả bài cùng một tác giả. Như vậy sự nhận lầm ấy chắc đã có từ trước nữa. Đến năm 1926, ông Trần Trung Viên cho ra « Văn đàn bảo giám » quyền thứ nhất (Nam ký thư quán Hà-nội xuất bản, trang 68), dưới đầu đề « Khóc Bằng phi », cũng in trọn bài thơ như ta thường biết và đề tác giả là Dục-tôn Hoàng-đế. Từ đó về sau, sách nào cũng chép như vậy, kể cả hai quyển « Quốc văn trích diễm » và « Việt văn giáo khoa thư » năm thứ ba và thứ tư của Dương Quảng Hàm, một học-giả rất thận trọng và có nhiều uy tín. Cho đến hiện nay, trong các lớp học, ở đâu cũng cho bài « Khóc thị Bằng » là của vua Dục tông. Đối với một tác giả qua đời cách đây không đầy 80 năm, hơn nữa lại là một bậc đế vương trị vì những 36 năm, nhất cử nhất động đều có ghi chép mà còn có sự lầm lẫn như thế, thì nói chi đến các tác giả khác sống xa ta hơn, những điều mậu ngộ sẽ nhiều đến thế nào ?

Từ khi đọc những lời nhận xét của ông Ngô Tất-Tố, chúng tôi đã lấy làm ngờ. Vì xét cho kỹ, tại sao bài ấy lại thường lấy tên là « Khóc Bằng phi » ? Trong bài, tác giả chỉ gọi kẻ quá cố là Thị Bằng chứ có chữ gì bảo rằng người ấy là một bà phi đâu. Huống chi đối với một bà trong nội cung đã lên đến ngôi vị là nhất, nhị giai phi thì nhà vua lẽ nào lại khóc kẻ mình đã có bụng yêu mến bằng một tiếng gọi rõ ràng là « thị » ? Vua muốn giữ gìn thể thống cho mình, ít nhất cũng phải gọi là « ái phi » hoặc « ái khanh » mới phải. Vì vậy tôi đã có ý tìm tòi từ đó, nhưng vì thiếu ngày giờ và phương tiện nên đành gác lại một nơi.

Năm 1948, nhân đi khảo sát về các di tích lịch sử của cụ-đô Huế, và khi muốn tìm hiểu sự thật về Bình-an-đường (2) tôi đã gặp bà Tiếp-dư họ Trần, triều Khải-Định, và được cho biết rằng tất cả những người trong nội cung từ xưa đến nay, trừ Hoàng thái hậu cùng Hoàng quý phi, thì không ai được chết trong hoàng thành. Cho dầu là ai, đến lúc yếu gần mất cũng phải đưa ra nằm tại Bình-an-đường, phía sau hoàng thành. Bà ấy nghe nói chỉ có một người được cái ân huệ tất hơi thở cuối cùng ngay trong cung cấm, ấy là bà Bằng phi. Thật là rắc rối ! Lời nói của bà Tiếp-dư càng làm cho tôi thêm ngờ vực khó nghĩ. Không lẽ một người ở vào địa vị ấy và sống trong cung lâu ngày lại không rõ những việc có liên quan một thiết đến mình hoặc lại bịa ra cả một câu chuyện không từng có. Nhưng liền đó, tôi lại gặp cụ

(2) Bình-an-đường là một ngôi nhà nằm ngoài và phía sau hoàng thành, ở về mé đông-bắc. Dưới chế độ quân chủ chuyên chế, không một người đàn bà nào được phép chết trong khuôn viên hoàng thành. Ai đau nặng xem chứng không thể qua khỏi được thì phải đưa ra nằm tại đó để chờ lúc từ già cõi đời. Nhà ấy hiện nay đương còn, nhưng đã quá đời tẻ đẽ nát.

Thủ khoa Trần Trình-Cáp, trước làm ở Nội các, quả quyết bảo rằng vua Dục tông không có bà phi nào tên là Bằng phi cả. Thi ra bà Tiếp dư cũng như nhiều bà khác đều đã bị đánh lừa bởi bài thơ « Khóc thị Bằng » mà họ được đọc trên các sách báo. Họ đã nghĩ rằng một người được sủng hạnh như thế chắc là được chết trong cung. Sự phỏng đoán ban đầu dần dần đã biến thành một điều tin tưởng. Hỏi họ có biết gì hơn về Bằng phi, ngoài bài thơ trên, thì họ thú nhận rằng không biết gì hơn nữa.

Sau ngày chiến tranh bao nhiêu quốc thư đều tán lạc cả, cho đến những bộ Thực-lục, Liệt-truyền và nhất là bộ Ngọc-diệp rất khó tìm lại cho trọn bộ. Gần đây mới sưu tầm lại được và tôi mới có bằng cứ chắc chắn rằng không có bà nào là bà Bằng phi dưới triều Dục tông. Trước hết hãy xin nói về qui chế các bà trong nội cung triều Nguyễn.

Nếu các quan lại chia làm cửu phẩm, thì nội cung cũng chia làm cửu giai. Trên hết là nguyên phối của vua, tức Chánh cung là Hoàng quý phi và không thuộc về cửu giai. (Lộ triều Nguyễn trước không lập Hoàng hậu). Xuống dưới mới là cửu giai chia ra như sau :

Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai tiếp dư, Lục giai tiếp dư, Thất giai quý nhân, Bát giai mỹ nhân, Cửu giai tài nhân, và dưới nữa là các cung nhân. (Theo Hồ Đắc Hàm : Les Mystère de la Cour de Huế, V — Le harem, Thần kinh tạp chí quyển 4 năm 1927 phần pháp văn, trang 382).

Vua Dục tông đối với phái đẹp như thế nào ? Vì lên đậu mùa nên mang phải bi-tật, vua không thể có sự ân ái với đàn bà, vì vậy cảm tình đối với họ cũng không thể nồng nàn thắm đượm lắm. Sự thân mật giữa vua và bà Lê-tân Nguyễn nhược thị Bích có lẽ không vượt ra ngoài địa hạt văn chương hàn mặc. Mối liên hệ của các cung nhân đối với vua chỉ ở trong phạm vi phục dịch. Theo Thân trọng-Huê (có chép lại trong Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, Nhà in Vĩnh Thành, Hà nội, 1928, quyển hạ, trang 213), vua Dục tông thường làm việc ở chái đông điện Cần chánh « ngài ngồi làm việc một mình, vài tên thị nữ đứng hầu, đề mài son, thấp thuốc hay là đi truyền việc ». Vì vậy mà số cung tần vẫn rất nhiều.

Trong sách « L'Empire d'Annam » của Đại-ủy Ch. Gosselin (Perrin et Cie, Libraires-Editeurs, Paris, 1904, Trang 230), tác-giả có thuật lại rằng : « Vua Tự-Đức lúc mất năm 1883, có một trăm lẻ ba bà vợ, chia ra nhiều cấp bậc, theo qui chế của nội cung. Các bà ấy phần nhiều là con các thế gia vọng tộc, các quan đại thần mà bước công danh buộc phải có một trong những người con gái của họ bên cạnh nhà vua. Nhờ trí thông minh của mình, một người đàn bà vẫn thường chiếm được lòng sủng ái của nhà vua và làm cho ơn vũ-lộ tưới xuống nhà mình. Hơn

nữ, những người con khác mẹ vẫn là con chính thức ngang hàng với nhau, sự tình cờ có thể, khi một người con ấy được lên ngôi cửu ngũ, đưa một gia đình trước kia ở vào một địa vị tương đối thấp thỏi, lên đến cực phẩm triều đình.

Trong số một trăm lẻ ba bà được ở trong cung đó, tôi (lời của Gosselin) chưa kể đến vô số là những vũ nữ, ca nữ, nhạc nữ, cả những kẻ nữ tỳ nữa, họ đã được gọi nhàn quân ân trong suốt ba mươi sáu năm trị vì của vua Tự Đức».

(Le roi Tu Duc, au moment de sa mort en 1883, avait cent trois femmes, vivant au palais, et divisées en diverses classes, suivant la règle établie pour le harem royal. Elles étaient pour la plupart filles d'illustres familles, de grands mandarins, auquel leur intérêt impose d'avoir une de leurs filles auprès du souverain. Une femme, en effet, peut souvent, par son intelligence, prendre de l'empire sur son royal époux et alors les faveurs tombent sur sa famille. En outre, tous les enfants nés de diverses femmes étant légitimes au même titre, le hasard peut, un de ces enfants arrivant un jour au trône, faire parvenir au sommet de la hiérarchie une famille qui jusqu'à alors ne possédait qu'une situation relativement inférieure.

Parmi ces cent trois femmes entretenues au palais, nous ne comptons pas les innombrables danseuses, chanteuses, musiciennes, servantes même, qui furent pendant un règne de trente six ans, honorées des faveurs de Tu Duc).

Số cung tần sở dĩ nhiều như vậy còn vì lý do các quan thường đua nhau đưa con gái mình vào cung, hễ may con được lên làm bà phi thì cha cũng được ban tước Quận công vậy. Nhưng lên đến nhất, nhị giai phi thì có đâu chớ nhiều. Bởi thế, vua Tự Đức tổng, ngoài bà Hoàng qui phi ra, cũng chỉ có hai bà phi nữa thôi. Sau đây là tên ba bà ấy mà tôi đã tra cứu cùng đối chiếu được theo các sách Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện chánh biên, Ngọc Diệp và quyển « Thiên gia quý sách » là sách viết tay của ông Ưng Quán, nhân viên Văn hóa viện Huế cho xem :

— Bà Hoàng qui phi Võ thị Duyên-Hải, con của Ngự tiền đại thần, Đồng các đại học sĩ, sung Hoàng thân sự bảo Võ Xuân-Cân (Đại Nam nhất thống chí, Phan Kế-Bình dịch, Đồng dương tạp chí số 101 trang 4480), bà này sau được tấn phong làm Lệ Thiên Phụ Thánh Trang Ý Thuận Hiếu Cần Thứ Ôn Từ Hiền Minh Tĩnh Thọ Anh hoàng hậu, ta thường gọi tắt là bà Trang-Ý hay Lệ Thiên-Anh hoàng-hậu ;

— Bà Thiệp phi, nữ danh là Nguyễn-đình thị... (khuyết danh), con của Nguyễn đình Tào và là mẹ nuôi của vua Cảnh tông (tức Đồng khánh) (3) ;

— Bà Học phi, nữ danh là Nguyễn văn thị Hương (chưa rõ con ai), mẹ nuôi của vua Giản tông (tức Kiến phước).

Viết là Nguyễn đình thị và Nguyễn văn thị... là để phân biệt với họ Nguyễn phước là họ của nhà vua. Cũng như bà Nguyễn thị Bích, ta thường gọi là Nguyễn nhược thị Bích, vì bà này con của Nguyễn nhược Sơn. Không phải họ Nguyễn thì không phải thêm chữ lót.

Không có sách nào chép đến tên một bà Bằng phi chỉ vì lẽ không bao giờ có bà ấy.

Vậy bài thơ « Khóc thị Bằng » của ai làm ra ? Ông Ngô Tất-Tố, theo lời các cố lão ; đã cho là Nguyễn Gia-Thiều, và người được khóc đây là nàng Bằng cơ, ái thiếp của tác giả Cung oán ngâm khúc. Theo sách « Nam phong giải trào » (xem lời chú thích của Dương Quảng Hàm trong Việt văn giáo khoa thư, năm thứ ba và thứ tư, trang 138 và của Nguyễn văn Ngọc trong Nam thi hợp tuyển, Vĩnh-hưng-long thư quán, Hà nội 1927, trang 193) thì hai câu năm sáu, tức là hai câu luận đã thấy trong một bài thơ của Ôn như Hầu, nhưng có khác là hai chữ « cồ kính » thì đề là « mảnh gương » và hai chữ « tàn y » thì đề là « manh áo ». Hai câu ấy trong thơ Ôn như Hầu như sau :

*Đập mảnh gương ra tìm lấy bóng,
Xếp manh áo lại để dành hơi.*

Hai câu này sau ông Trần Danh-Án đã dịch ra chữ Hán :

*Đã phá lạng hoa làm cựu ảnh,
Trùng phong sam tử hộ dư hương.*

Ta thường ngờ rằng hai câu bằng tiếng Việt là dịch ở chữ Hán ra, nhưng sự thực thì trái lại. Và hai chữ « mảnh gương » và « manh áo » thì cố nhiên là không hay bằng hai chữ « cồ kính » và « tàn y », trong ấy hai chữ « cồ » và « tàn » bao hàm một ý tiếc thương những cái gì đã mất, có cái chí tình như lời ông Phan Khôi nói. Có lẽ vì thế mà một nhà thơ nào ở về thời sau đã đổi lại như câu ta thường truyền tụng chăng ? Hay chính người đổi đó lại là vua Dục tông, cho nên mới có sự nhận lầm xưa nay ? Vì ta thấy nhà vua cũng sinh việc chữa văn người và đã từng chữa cả văn Kiều vậy.

Chúng tôi rất tiếc chưa bao giờ được thấy bài thơ của Ôn như Hầu và cũng chưa hề được xem sách « Nam Phong giải trào » mà chúng

(3) Chúng tôi viết là Dục tông, Cảnh-tông và Giản tông theo miếu hiệu của các vua cho đúng, chứ không gọi theo niên hiệu như người Pháp đã gọi các vua Gia long, Minh mạng Thiệu trị, Tự Đức v.v... mà sau người Việt ta cũng bắt chước theo. Vì một ông vua chỉ có một miếu hiệu mà có khi có nhiều niên hiệu. Chúng ta nói là vua Lê Thành Tôn chẳng hạn chứ có nói là vua Quang - thuận hay Hồng-đức bao giờ.

tôi vẫn thường nghe các cụ xưa nói đến. Nhưng dù sao bài thơ « Khóc thị Bằng » cũng không phải của vua Dực tông vì làm sao lại có thể khóc cái chết của một người chưa từng sống ? Và từ đây, ta cũng nên đề cái đề là « Khóc thị Bằng » chứ đừng đề là « Khóc Bằng phi » nữa vì không có một lý do gì cho phép ta làm như thế.

Nếu chưa thể quyết bài thơ ấy là của Ôn như Hầu, ta cũng đã có rất nhiều lý lẽ đề tạm nhận nó là của Hầu. Ôn như Hầu có làm hai mươi bốn bài « Cung oán thi », theo thể thất ngôn bát cú (xem Thi pháp của Diên Hương, trang 262-270), lời văn tuy không đẹp bằng Cung oán ngâm khúc, nhưng bài nào cũng trang nhã chải chuốt, giọng điệu cũng thiết tha tình tứ, không khác với giọng trong bài « Khóc thị Bằng » mấy tí. Dưới đây, xin phụ chép một bài thơ của vua Dực tông, nhan đề là « Thuật hoài », tuy làm bằng chữ Hán, nhưng trong ấy nhà vua tự phê-bình mình, có thể giúp cho ta hiểu thêm được ít nhiều tâm lý của nhà vua :

*Tuy vô Đường-thái tài,
Diệc hữu Hán-văn chất,
Nan tử Nhan-tử ngu,
Cảm vị Bá-nguru tật.
Thậm qui Y - Xuyên dưong,
An đắc Vũ-hầu bật ?
Hạnh ngộ Tạ-Huyền hạc,
Hưu phùng Giản-Địch ất.
Miễn như Phi-tướng số,
Duy vọng linh y-thuật,
Thâm giới Lý-Quy ngôn,
Nguyện giám Thành Thang thất.*

(Theo Quốc triều chánh biên toát-yếu, trang 368)

nghĩa là :

Tuy không có tài như vua Thái tông nhà Đường,
Nhưng cũng được cái chất của vua Văn đế nhà Hán.
Không bị được cái ngu của thầy Nhan Hồi, (4)
Nhưng cũng khỏi cái bệnh ác nghiệt của thầy Nhiễm Cầu (5)

(4) Khổng tử nói : Ta cùng anh Hồi ngồi nói chuyện suốt ngày, anh Hồi không bao giờ hỏi lại cái gì, y như người ngu vậy, nhưng đến khi về nhà, cứ xét theo cách ăn ở thì cũng tỏ ra hiểu những điều ta nói. Anh Hồi chẳng ngu đâu. (Tử viết : Ngô dĩ Hồi ngôn chung nhật, bất vi như ngu. Thoái nhi tình ký tư, diệc túc dĩ phát, Hồi giả bất ngu - Luận ngữ).

(5) Ông Bá nguru (tên tự thầy Nhiễm Cầu) phải bệnh hủi. Khổng tử đến hỏi thăm,

Rất hồ thẹn với cái đức hàm dưỡng của thầy Trình Y-Xuyên.
Chỉ mong sao được người phụ bật như Vũ hầu Gịa cát Lượng
Được cái may như Tạ Huyền nhà Tấn nhờ tiếng hạc trợ uy để
phá một trăm vạn quân của Phù Kiên. (6)

Và cũng được cái may như bà Giản Dịch nuốt trứng chim én mà
mở nghiệp cho nhà Ân. (7)

Khỏi bị cái số phận hăm hiu của Phi tướng Lý Quảng nhà
Hán, bảy mươi trận thắng Hung nô mà vẫn không được phong hầu (8)

Chỉ cầu có được thuốc hay để chữa bệnh.

Hết sức răn mình, không dám chỉ mặt trời mà nói khoác như tên
Hạ Kiệt kia. (9)

Nguyện bắt chước vua Thành Thang tự trách mình để cầu
mưa cho dân nhờ. (10)



Mười hai câu thơ, mười hai cái điển, đại để trong ấy nói rằng
đầu mình không tài giỏi gì cho lắm nhưng cũng tránh được các gương
xấu đời xưa, nhờ hồng phúc trời ban cho cũng tránh được nhiều cái

từ cửa số cầm lấy tay ông Ngưu mà than rằng : số mạng người làm chết mất ! người
như thế mà có bệnh như thế ; người như thế mà có bệnh như thế ! (Bà ngưu hữu
tật. Tử vẫn chí, tự dư chấp ký thủ viết ; vong chí mệnh hi phù ! Tư nhân dã nhi hữu
tư tật dã ! Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã ! - Luận ngữ).

(6) Tạ Huyền : cháu Tạ An đời Tấn, có tài kinh quốc, giặc Phù Kiên vào quấy
nhiều, Huyền được cử làm Kiến-vũ tướng quân đem 8.000 quân tinh nhuệ phá một trăm
vạn quân của Phù Kiên ở Phi-thủy. Trong khi quân giặc bỏ chạy lại có tiếng hạc
kêu, tưởng là quân của Tạ Huyền, càng thêm hoảng sợ và dễ tan vỡ.

(7) Giản Dịch con gái họ Hữu-Nhung thời thượng cổ, vợ của vua Đế Cáo và
mẹ ông Khiết. Theo Liệt-nữ-truyện, dưới thời vua Nghiêu, bà cùng em gái đi tắm ở
sông Huyền Khâu chợt có con chim đen ngậm một quả trứng bay ngang qua và làm
rơi xuống, nắm sắc rất đẹp, bà lượm lấy và nuốt đi, sau thụ thai và sinh ra ông
Khiết là người sáng nghiệp của nhà Ân.

(8) Lý Quảng : tướng nhà Hán, dưới thời vua Văn-đế đánh giặc Hung nô có
công, được làm Vũ kỵ thường thị, qua đời Cảnh-đế được thăng làm tướng quân, cùng
Hung nô đánh hơn bảy mươi trận, giết được quân giặc rất nhiều, giặc sợ gọi là Phi
tướng quân. Dưới triều Vũ-đế lại theo Vệ-Thanh đánh Hung-nô, nhưng rút cục không
được phong hầu.

(9) Lý Qui : Tên vua Hạ Kiệt, một ông vua hung bạo hay tàn hại dân và thường
chỉ mặt trời khoe rằng bao giờ một trời ấy mất, và mới mất. Dân tình oán giận nói
rằng : Một trời kia, bao giờ mây mới mất cho, tao cũng mây cũng mất (Thời nhật hạt
táng, ngô dư nhi giai vong-Thư : Thang thệ).

(10) Đời nhà Thương, trời làm đại hạn bảy năm liền làm cho dân phải lâm vào
nạn đói rất kịch liệt. Vua Thành Thang bèn tự cắt tóc và móng tay vào trong rừng đầu
để tự chịu tội với trời đất. Trời liền mưa to và mùa màng năm ấy rất tốt.

may khỏi nhiều cái rủi và cuối cùng là nói mình cũng cố gắng học đòi các đấng anh quân thời cổ vậy. Nói tóm lại là vua muốn tỏ ra rằng mình vẫn có đức độ của một vị vua hiền.

Bài « Than đời » thì tưởng ai cũng đã có đọc rồi, không cần phải dẫn ra đây làm gì.

Viết bài này chúng tôi chỉ mong đính chính một mối sai lầm đã được công nhận gần một nửa thế kỷ nay, tuy thỉnh thoảng cũng có người nghĩ khác. Cũng trong mục này, chúng tôi hy vọng sẽ có dịp đề tiếp tục trình-chính những điểm mà chúng tôi tưởng là có sự thất thiệt trên lĩnh vực văn học.

PHAN VĂN DẬT

ĐÀN ÓNG

THAO TRƯỜNG

TÔI có cái thói quen hễ đặt bút viết là ca tụng đàn bà, nhất là khi viết thư cho bạn gái. Vì vậy người yêu nào của tôi cũng là những người đẹp và người đẹp nào cũng có một vẻ riêng. Có những người con gái không đẹp tí nào, nhưng tôi cũng nói với họ :
— Có đẹp lắm. Không có một ai đẹp thậm kìn như cô. Giá mà tôi được hôn. . .

Cũng có khi tôi không được thỏa mãn. Người nào từ chối thì tôi khổ sở như bị thất tình — Cũng có khi tôi được hôn lên môi rất lâu và rất thân nhiên. Thỏa mãn rồi, tự nhiên tôi thấy xa người ấy. Cũng vì thế mà tôi chẳng tha thiết với người nào. Tôi có thể đi chơi bên số chẵn đường Lê Lợi một mình suốt buổi chiều thứ bảy, mặc cho những người con gái yêu tôi chờ đợi ở những nơi hẹn hò tình tự.

Hôm rời Sài Gòn ra Trung Nguyên, tôi lần lượt đi từ già từng người. Những lúc chia tay tôi cũng làm ra vẻ đau buồn. Nhưng tôi không hứa hẹn với ai. Và tôi yên trí rằng rồi đây những người yêu sẽ đi lấy chồng. Bỏ tôi.

∴

Buổi sáng hôm đó, trên sân bay hầy còn lờ mờ sương sớm, ánh đèn điện nhân nhật trong khoảng không gian chưa sáng hẳn, tôi thân nhiên già từ Sài Gòn. Trên chuyến đi này cùng tôi có ba người con gái. Tôi phải chờ cho trời sáng rõ mới chọn được một người yêu. Nhìn ba người gái chụm đầu vào nhau nhìn qua khung cửa kính máy bay, tôi chợt nhận thấy rằng người ngồi phía bên trái có một vẻ đẹp thiên thần. Và tôi muốn hôn. Ít phút sau tôi đã làm quen và được biết: Hoa ra làm tại Huế, Lệ và Liên chỉ ở chơi Huế nửa tháng rồi trở lại Sài Gòn. Tôi đâm bối rối khi biết Lệ sẽ trở lại Sài Gòn. Và tôi nói thật rằng tôi ra ở hẳn ngoài Huế vì nghề nghiệp.

Từ lúc đó, tôi ngồi nhìn Lệ rất lâu. Lệ đẹp thật, không phải là « cái đẹp của đàn bà » mà tôi vẫn thường ca tụng. Lệ đẹp đáng hoàng. Nhất là đôi-mắt-to-và-đen buồn xa vời. Có lẽ Lệ biết rằng tôi nhìn nàng nên Lệ ngồi tựa thành ghế đầu hơi ngả về sau hai mắt nhắm lại như nhìn vào lòng tôi và tôi nghĩ rằng nàng làm như thế để tôi dễ đi vào hôn nàng. Nhìn mắt Lệ đẹp đến nỗi tôi không hề chú ý đến

thân hình nàng. Tôi chỉ nhìn vào đôi mắt. Hai đuôi mắt dài và nhọn mà tôi tưởng là đường về xa thẳm. . . . Tôi nghĩ thầm « chính là đôi mắt tôi mơ ước, chính là người tôi chờ đợi ».

Tới sân bay Đà Nẵng, chúng tôi chỉ gật đầu từ giã nhau, không thêm lời nào. Hai hôm sau tôi ra Huế. Thành kinh năm 1958 có những chiếc xe đạp tay lái chữ U và rất ít áo cao-bồi.

Bởi vì Huế chỉ có vài phố buôn bán ; bởi vì Huế cũng là một nơi hò hẹn, và cũng bởi chúng tôi đã trót đi vào hôn nhau bằng cái nhìn, bằng nhắm mắt nên tôi lại gặp Lệ ở một đường dọc bờ sông Hương. Buổi sáng hôm ấy tôi nói chuyện với Lệ rất lâu. Và không hiểu sao chúng tôi thân mật nhau như đã yêu nhau từ thuở nào. Đến nỗi lúc chia tay tôi và Lệ cũng cảm thấy ngỡ ngàng. Chúng tôi còn gặp nhau nhiều lần nữa. Có lần ở phố, có lần ở nhà Liên, có lần ở cửa Thuận.

Lệ rủ tôi :

— Lệ và Liên tối nay ra cửa Thuận đề ngắm trăng. Anh « đi theo » chứ ?

Tôi gật đầu, nhưng hẹn sáng hôm sau mới ra. Sáng chủ nhật ấy tôi sống trọn vẹn những giờ phút vui tươi. Lệ mặc một bộ đồ chèn đen rất đẹp. Và tôi ngỡ ý ấy cho Lệ hay, nàng nhìn ra biển cười.

Lúc gần trưa tôi kể cho Lệ nghe giấc mơ đêm trước của tôi : « . . . tôi lạc lõng trên một bãi biển vắng vẻ, ánh trăng bao trùm cảnh vật, buồn như đôi mắt người tôi yêu. Khi tôi nhìn xuống mặt nước, rõ ràng là bóng trăng mà nhìn lâu thì tôi lại tưởng là ánh mắt người ấy. Không ngần ngại, tôi nhảy tùm xuống biển định mò cho được vầng trăng lên để xem là trăng hay mắt. Và nếu là mắt thì tôi cất đi làm vốn liếng cho cuộc đời mà nếu là trăng thì tôi so sánh xem trăng hay mắt đẹp. Cứ như thế trăng và tôi nô đùa vụng vãi với nước biển trong mát. Trăng lóng lánh cười. Tôi cắn vào trăng. Trăng chảy máu xa dần tôi. Hoảng hốt tôi gọi âm ỉ, tiếng gọi vang lên khỏi mặt nước. Nhưng không còn trăng đâu nữa, hay mắt em thì cũng thế. Tôi buồn bã lên bờ trở về nhà. Quần áo ướt sũng. Nhìn những vì sao lấp lánh trên trời, tôi cố tìm lấy một đôi mắt. . . »

Kể đến đây tôi hỏi Lệ đột ngột :

— Bây giờ tôi có nên nhảy xuống biển vớt trăng không ?

Người con gái ấy trả lời tôi rằng, nàng không biết phải nói thế nào với tôi bây giờ. Bởi vì giấc mơ của tôi có lý.

Tôi bỏ cửa Thuận về Huế. Lệ tiễn chân tôi tới vườn thông nàng nói với theo nho nhỏ :

— Giá anh đừng nhảy xuống biển vớt trăng, có phải trăng ở với anh được lâu không !

Tôi chậm bước còn kịp thấy mắt nàng chớp mau và hơi thở dồn dập :

— Mai em về Sài Gòn. Rồi nàng trở gót.

Tôi không còn nhìn thấy mắt nàng nữa, nhưng tôi biết chắc lúc đó mắt nàng không có đuôi. Nghĩa là buồn lắm! Từ đó tôi đề nhiều thi giờ nghĩ tới Lệ. Tôi nhớ mãi cái hình ảnh người con gái tung tăng trên bãi cát, rờn với sóng và cười với tôi.

..

Khi Lệ rời Huế về Sài Gòn tôi không đưa tiễn. Và tôi mới sực nghĩ ra rằng tôi buồn lắm. Buồn như chưa bao giờ buồn thế. Hình như có một cái gì qua đi và mất hẳn trong đời mình. Có những đêm tôi đề trọn thi giờ viết thư cho nàng, những lá thư tôi chưa bao giờ viết cho ai. Tôi thú nhận rằng lần này tôi yêu thật. Có lúc tôi muốn khóc lên. Tôi cũng cho Lệ biết điều đó.

Trong nhật ký tôi ghi :

19 - 4

« Thế là Lệ về Sài-Gòn mất rồi ! Định đi tiễn chân Lệ nhưng lại thôi. Vì muốn Lệ phải ghen ngào khi xa Huế. Ít ra lúc máy bay cất cánh Lệ cũng phải đặt những câu hỏi về tôi.

Viết một lá thư cho Lệ, trong đó có những câu :

... Lệ mang theo tất cả những cái đẹp của Huế, nên sông Hương bây giờ buồn lắm. Lệ có biết rằng, Lệ đi như vậy là vội vã lắm không ? »

21 - 4

« Suốt hai ngày, không lúc nào không nghĩ tới Lệ. »

25 - 4

« Nhận được thư Lệ viết trả lời. Đầu lá thư Lệ viết rất dài về đàn bà. Và tình yêu. Lệ nhất định rằng « Đàn bà thì phải chung thủy ». Chỉ nên chọn một người đàn ông và chỉ hứa hẹn với một người đàn ông.

Lệ viết : « Lệ đã trót hứa hẹn với một người trước khi gặp anh. Thế cho nên Lệ không gắn bó gì với anh được. Lệ rất buồn khi xa anh và Lệ biết rằng anh cũng rất buồn khi xa Lệ. Nhưng Lệ phải giữ lý luận của Lệ. Lệ muốn khóc lên được . . . »

26 - 4

« Lại nhận được thêm một thư nữa :

... Anh có bằng lòng nhận Lệ là bạn không ? Anh có bằng lòng nhận Lệ là em không ? Lệ chỉ muốn biên thư cho anh và gọi anh suốt ngày. Bây giờ Lệ đã xuống ở Trúc giang. Dừa ở đây rất ngọt và trái cây ăn rất ngon. Anh có thèm không ? Nàng rục rỡ . . . »

Tôi viết cho nàng : ... tôi rất thèm nhưng buồn lắm .. »

30 - 4

« Hôm nay phải đi Đông Hà một tuần. Qua nhiều làng mạc có thóc gạo và tình yêu. Trời cũng xanh nữa. Những ngày di chuyển này tôi đã dành rất nhiều thời giờ cho hình ảnh Lệ ngự trị trong lòng tôi. Tôi cảm tưởng xa Huế là tôi xa Lệ, và tôi muốn được chóng trở về để gần Lệ thêm chút nữa. »

7 - 7

« Hôm nay trở về Huế. O Mai con gái bà chủ nhà cười và đưa tôi hai lá thư. O còn tò mò :

— Cô Lệ nào thế. Anh ?

— À, em gái tôi.

Nói rồi tôi nhìn rất nhanh vào môi và ngực Mai.

Bóc thư ra đọc :

« . . . trong hai, ba thư trước, Lệ đã nói với anh là Lệ phải giữ lời hứa; Lệ phải tôn trọng lý luận của Lệ. Lệ không biết làm thế nào để « trả nợ » anh. Thế mà anh cứ viết thư khen mãi Lệ đẹp. Ở Huế thiếu gì những đôi-mắt-thiên-thần hơn nhiều. Rồi anh sẽ quen mới và quên cũ. Đàn ông thi phần nhiều như thế. Từ nay anh không được chê Lệ đẹp nữa nhé và anh không được viết là « anh nhớ em vô cùng » ở mỗi cuối thư. Vì như thế giả dối lắm ! Trúc Giang mấy hôm nay mưa và mát. Ở Huế chắc nóng lắm. Tội nghiệp cho những người ở bờ sông Hương. Có thấy khổ không ? . . . »

Lá thư còn dài, nhưng tôi không chép hết ra đây đâu ! Chỉ biết rằng sau khi đọc xong hai thư của Lệ thì o Mai không còn đứng đấy nữa. Nhớ ngày còn nhỏ, đã có lần tôi « thề » với chị tôi : « không thèm chơi với đàn bà » chỉ vì chị chế tôi « vợ chồng » với một cô bé hàng xóm. « Lời thề » này tôi đã quên trước khi thề.

∴

« Đàn bà thi phải chung thủy » và đàn ông thi nên ngoại tình, như thế, để trả thù Lệ, tôi xuống nhà dưới với o Mai.

THĂM HIỂU

Mặt trời vừa lên
Loài người mới thức
Cây gì không tên
Trái chín thơm phức
Mặt đất vừa nứt
Hạt vàng vụt rơi
Nắng hè thêm sức
Mưa mùa giúp hơi.

Em bé mở mắt
Sớm khóc chào đời
Láng giềng cô bác
Nàng niu nói cười
Tập tễnh từng bước
Lớn khôn lớn khôn
Con tôi : Hạnh phúc
Mẹ ghi Mẹ hơn.

Đêm nào nổi gió
Mầm chưa nên cây
Chân ai đành nữ
Giẫm lên đất này !
Đêm nào khói lửa
Bé còn ấu thơ
Roi vọt nguyên rùa
Thân gãy xác xơ.

Ngày tháng trôi đưa
Còn nắng còn mưa
Còn trời còn đất
Còn mầm Bất khuất
Còn trái Tự do
Còn nghe tiếng hát.

KHI ANH ĐẾN

Này là những ngày tàn xuống rồi
Giấc ngủ trên lùm cây
Hay màu chiều và mắt tôi sâu quá
Lúc này tôi lạnh mặt mọi người
Cho tôi tìm nẻo đi nhiều bằng giá
Lạnh tận phổi cuối tâm hồn
Cho huyết quản đứng động đậy
Ó cánh qua và sa mạc cát đầy
Có phải tôi sẽ phải ôm đầu gục xuống đấy
Đoàn xe nào qua được khỏi đêm nay
Xin cứ tắt cả đèn soi tìm kẻ lạc
Này anh, bước chân anh đã đến
Tay tôi vừa rụng xuống
Biên cát bay mù mãi lên

TẮT BỆNH

Anh chưa uống một viên nào
Thuốc như những tia lửa quấy rầy trong đêm rừng
Mà người phiêu lưu lên cơn mê sáng
trên dọc đường
Và tiếng sói hú ngoài chân núi lạnh
Anh chưa uống một viên nào
Biết rằng chiều xuống lạnh lùng tê cóng như đã chết
Anh còn thềm nằm đọc sách trong màn
Đề nghe hồn mình đứng thẹn thùng
Dù anh chẳng còn mắt nào xem tỏ được
Tiếng phản cung quan tòa anh không muốn
Anh còn bệnh anh sẽ còn phải uống
(những căn bệnh nào có phải tại mình !)
Cho anh ra ngoài công viên

Nơi anh thở khi trời và hôn em
 Anh chỉ sợ chẳng còn mắt nào xem cho tỏ
 Ó sao quá buồn như người vào bệnh viện nửa đêm.

BỜ I VẬ Y

Bấy giờ thành phố đã ngủ hết
 Chỉ còn những ngọn đèn rất nhỏ
 Và tiếng gió thềm nửa đêm
 Anh thức không chờ đợi
 Cùng ngàn khối nhà như miếng bìa gấp lại
 Nơi ngàn hơi thở giao thoa
 Bấy giờ thành phố không còn ai hát
 Cuộc đời chết chìm theo cốc rượu mạnh
 Anh hát lên
 Mặc dù nửa đêm trăng đang ủa
 Tiếng hát nhắc nhở cho anh tin
 Rằng anh còn sống sót

MAI TRUNG TỈNH

ĐI Ệ U B U O N

Buồn mãi đi thôi
 Sao thơ bỗng khóc
 Mưa mãi không thôi
 Cho tình u hoài

Nhớ nhung nhớ nhung
 Mười phương xa vắng
 Nhớ nhung nhớ nhung
 Nghìn thu qua rồi

Mưa ngoài không gian
 Lệ sâu mai mãi
 Tới sâu miền man
 Nhớ người mai mãi

DUY THANH

QUYỀN SÁCH

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

CON Hiên nằm tênh hênh trên chiếc ghế bố, nhìn lên mái nhà. Nó biết giờ này mẹ nó đang cúi húi giặt giũ quần áo ở trong bếp. Thăng Bảo, em trai nó, ngủ trong cái nôi mây cũ kê ở xó nhà. Thăng bé thế mà sung sướng. Chỉ ăn rồi ngủ suốt ngày. Bố mẹ Hiên cũng chẳng có thì giờ mà bế nó. Đôi lúc Hiên đòi mẹ cho ẵm em, nhưng chỉ nhận được một câu mắng : « Cái thứ mày vác thân chưa nổi còn đòi bế ai ». Hiên nghĩ có lẽ mẹ nó xét đoán nó lắm. Cả bố nó nữa. Bố nó thường bảo với bà con nó là đứa trẻ « thiên tiên bất túc ». Nó chẳng hiểu thiên tiên bất túc là gì, song đoán chừng đó là một điều không hay vì khi nói thế bố nó thường thở dài. Có những buổi tối, quây quần chung quanh một nồi cháo, nó thường được nghe bố mẹ nó nhắc nhở với nhau về những ngày qua. Họ lấy nhau chưa đầy một tháng thì phải tản cư khỏi đô thị vì chiến tranh phát động. Họ đã phiêu bạt hết đồng ruộng đến núi đồi. Chỉ riêng trong lúc mang thai nó, mẹ nó cũng phải chạy Tây xuyt chết ba lần. Và nó sinh ra một ngày đông trong một cái điểm lạnh, bên đống lửa gốc tre bố nó nhóm lên và trong tiếng sùng đại bác rền cách đó không xa.

Một tia nắng xuyên qua mái nhà dội xuống mắt Hiên. Nó ngoẹo đầu tránh. Nó thấy đầu nó còn vàng vọt và thái dương nó như có kim châm dưới làn báng dính và bông gòn. Đồng thời, đầu gối chân phải nó như muốn rời ra. Nó biết nó đã thành tật, nghĩa là que hần, đúng ngay vào cái chân yếu của nó. « Cái chân đó từ nay, — lời bác sĩ, — tuy không chết nhưng cũng thành vô dụng ». Thôi thế cũng là may. Còn hơn mất trí. Bố nó lo mãi điều này từ lúc nó mắc nạn. Nó mừng vì thế. Nhưng nó còn mừng hơn vì thoát khỏi cái cảnh nhà thương với những cô y tá làm lì, những mũi kim tiêm đau nhức đến xương, những tiếng người rên la kinh khủng, bầu không khí phảng phất tử thần. Qua một ngày một đêm bất tỉnh, từ đêm thứ hai trở đi là những khoảng thời gian âm u bất tặc. Nó thấy nhớ nhà một cách lạ. Nó mong chóng đến sáng để được gặp lại bố nó. Tại sao bố nó lại chỉ ở lại đêm đầu là cái đêm nó mê man không biết gì ? Nó biết bố nó còn nhiều việc phải làm. Tiếng chân người đi trong đêm kheya vang dội. Ánh đèn hơi điện chỉ càng làm tăng cái huyền ảo trong những hình dáng người nằm, ngồi hay cử động bất thường. Nó nhớ tới những câu chuyện ma quái mẹ kể cho nghe. Ngoài xa, tiếng đồng cơ bành trên đường phố làm nó bứt sự

một phần nào. Nó có thể đòi tất cả để lấy một giấc ngủ trên chiếc ghế bố quen thuộc trong xó nhà gia đình. Không phải là nó không biết so sánh. Ở nhà, nó cũng khổ lắm. Nhưng có ở nhà thương nó mới hay rằng cái mùi đất ẩm với rêu mốc vẫn còn hơn cái mùi khó chịu đến ngạt người của các thứ thuốc. Và lại dưới mái nhà gia đình có một thứ không đâu có thể có được : nó bắt thấy cô độc trong sự hiện diện có tác dụng nhiệm màu của những người thân.

Nó biết lắm : Thực ra thì từ lúc nó sinh ra đến nay cũng ít khi nó thấy bố mẹ nó vui. Nhất là từ ngày thất nghiệp thì bố nó lại càng buồn hơn. Sáu tháng trời nay rồi còn gì. Gia đình nó đành sinh sống bằng cửa hàng chạp phở của mẹ nó. Đó là một cái chõng thi đúng hơn, một cái chõng đặt ở đầu ngõ, sớm vác ra tối dọn về, một cái chõng trên bày loáng thoáng mấy đồ thực phẩm để dành, một ít đồ vật vĩnh khác. Trước kia, khi bố nó còn đi làm, mẹ nó đôi lúc còn mua quà cho nó. Từ ngày bố nó mất việc, tuyệt nhiên nó không thấy mẹ nó mua bán, sắm sửa gì cho nó nữa. Thế rồi đã hơn một tháng nay cái chõng hàng đó cũng dẹp đi nốt. Bố mẹ nó dần vật, cãi cọ nhau luôn. Bố nó vác chiếc xe đạp với chiếc áo tơi mưa đi suốt ngày.

Buổi sáng tại khu nhà Hiền ở, sau giờ đi làm của tư dân lao động, có một sắc thái hoang liêu như tại một xóm quê hay một huyện lỵ vắng. Tiếng sẻ kêu chim chirp ở nóc nhà. Một vài người qua lại thưa thớt. Một chiếc xe ba bánh lọc sọc đi vào hẻm. Yên tĩnh trở lại giả về tiếng văng đưa và tiếng ru em rã rời. Bóng nắng chuyển dịch trên những vòm cây thấp bên những hàng đậu gỗ.

..

Có tiếng người nói oang oang, rồi tiếng kẹt cửa. Con Hiền kéo vôi cái mền chân phủ kín đầu, đỡ mình một cách khó khăn trên chiếc ghế bố, quay mặt vào vách. Nó biết bố nó đã về. Không phải chỉ có một mình bố nó, mà có thêm một người khách. Nó không nhớ người khách là ai, nhưng biết rằng không phải khách lạ. Hai người đã bước vào trong nhà và còn mãi chuyện. Mẹ Hiền vừa ở bếp lên thấy có khách, chào hỏi qua loa rồi lại trở vào. Hiền nghe thấy bố nó vứt chiếc áo tơi mưa xuống sập. Tay mân mé cái lỗ thủng ở lần vải bố bên hông, nó lắng nghe câu chuyện của hai người.

Tiếng ông khách :

— Thế rồi việc đưa đến cảnh sát cuộc ?

Tiếng bố Hiền :

— Vâng. Việc đưa đến cảnh sát cuộc mới lại tức cười hơn nữa.

Con bé, - nói là con bé song nó cũng đến 16, 17 tuổi đầu, - ấy nữa nó cũng ở xóm này chứ đâu, - cứ tóm lấy áo tơi mà van xin : « Em van

thầy đó. Thật là em vô tình. Em mãi tránh cái xe hơi ở tay mặt, em qua phía trái nên mới cán phải em nhà. Em xin lỗi thầy.» Trông mặt mày con bé lúc đó mới thiều não làm sao !

Bố Hiền ngừng kể chuyện kéo cái điếu thuốc lao hút sòng sọc. Ông khách hỏi :

— Thế họ phân xử ra làm sao ?

Bố Hiền vừa thở khói vừa trả lời :

— Nào họ có xử ra làm sao. Một viên thư ký mới quay lại hỏi tôi: « Con bé đi nhà thương rồi?— Dạ, đi rồi — Cháu không mệnh hệ nào chứ? — Dạ, cháu không chết ». Một lúc sau, ông ta hỏi: « Bây giờ ông định thế nào? Nếu muốn kiện cáo thì chúng tôi tư biên bản và hồ sơ ra tòa ». Minh cũng chẳng biết tính sao cứ thực tình nói: « Tôi thì tôi cũng chẳng biết thế nào mà định cả. Có điều đưa nhau ra tòa án thì tôi không muốn. Vả tôi cũng chẳng có thì giờ mà đi lại cửa công. Con bé nhà tôi không chết cũng là may rồi. Sự thế thế nào các ông đã biết rồi. Xin để các ông tùy nghi định đoạt, sao không để thiệt cho tôi là được » Trước ông ta còn lừng chừng: « Chúng tôi cũng chẳng biết định đoạt ra sao cả. Chúng tôi chỉ là cơ quan giữ trật tự. . . , còn mọi việc phải do tòa án . . . ». Sau ông ta điều giải: « Hay là thế này nhé! Các người hãy đưa nhau về dàn xếp với nhau đi. Đợi bao giờ con bé cháu ở nhà thương về bệnh tình ra sao sẽ hay. Rồi không xong thì trở lại đây. »

— Thế là việc xếp lại? Ông khách hỏi.

— Cũng gần như thế. Lúc ở cảnh sát cuộc ra về, con bé cùng sớm cảm ơn tôi rồi rit và hẹn đi hẹn lại là thế nào, chỉ trong một vài hôm thôi, nó cũng xin đem đến nộp tôi bốn trăm bạc gọi là thêm vào tiền thuốc men cho con bé cháu.

— Thế nó đã đền bác ?

— Nào có đền ! Ban đầu nó cũng vào nhà thương thăm hỏi con bé cháu mấy lần, sau thấy cháu cũng chẳng quá quất đến mệnh hệ nào, nó cũng lờ đi chẳng lai vãng nữa. Cũng may mà có bệnh viện nhà nước, mình chỉ có mất tiền xe pháo và mấy hôm nay mất một ít thuốc « cũng gọi là bỏ » cho con. Tôi đã bảo cháu chịu khó ở nhà thương cho lành mạnh hẳn, nhưng cháu cứ nằng nặc đòi về thành ra thương con mà phải chiều nó.

Mẹ Hiền bưng nước ra mời khách. Câu chuyện của bố nó dừng lại một hồi lâu. Con Hiền đã biết rõ những gì liên can tới nó, từ sau lúc xảy ra tai nạn. Lại thêm một mối lo toan và một món chi tiêu cho cha mẹ nó. Nó dẫu một tiếng thở dài nhẹ trong chân, toan dờ mình trên ghế bố lại thôi như sợ có người đoán ra ý nghĩ của nó.

Bây giờ câu chuyện giữa bố nó và ông khách lại cất lên, chuyện sang đề tài khác.

Tiếng ông khách :

— Hai bác di cư vào đây năm nào nhỉ ?

Tiếng bố Hiên :

— Chúng tôi về thành rồi di cư vào đây ngay, trước Genève cơ mà.

Hiên không lắng nghe câu chuyện nữa. Nó đã thuộc lòng cái điệp khúc ấy của cha nó : nào cảnh tản cư, chạy giặc; nào về thành, nào không thể làm ăn được phải bồng bế nhau vào Nam; trước đây bố nó làm tại một công sở hỗn hợp; một năm sau đình chiến bố nó thất nghiệp, ít lâu sau vào làm cho một tư sở lương lậu chẳng là bao; rồi cái chân làm việc ấy cũng mất nốt trước đây sáu tháng...

∴

Khi con Hiên chợt tỉnh khỏi dòng ý nghĩ của nó thì bố nó và ông khách đã đi khỏi tự lúc nào không hay. Căn nhà trở nên vắng lặng như không có chuyện gì xảy ra. Tiếng một con thạch sùng chạch lưỡi ở mái nhà. Và tia nắng bây giờ đậu trên nền đất ẩm.

Hiên tưởng chừng vừa qua một cơn mộng. Đầu nó hầy còn vàng và chân nó buốt hơn lúc nào hết. Nó bắt đầu suy nghĩ về mối đại họa của nó. Nó nghĩ tới những ngày mai hậu. Hình ảnh một chiếc nạng mà đôi lúc nó nhìn thấy dưới nách một người thương binh hay một người hành khất làm nó thấy rợn người. Thời thế là đời nó bỏ đi. Chừng nào bố mẹ nó còn sống nó còn là một gánh nặng cho gia đình. Một mai bố mẹ nó qua đời thân phận nó sẽ ra sao? Nó thấy điếng người trong một nỗi khổ tâm bất tuyền. Đã có lúc những ý nghĩ đen tối đến với nó. Nước mắt nó trào ra dàn dụa và nó cố hết sức cắn răng ngậm miệng lại để khỏi bật nên tiếng khóc.

Hiên là một đứa trẻ hay nghĩ ngợi. Nó không hiểu là mẹ nó khen hay chê khi người nói : « Sao mà nó giống ông ngoại nó thế! » Là vì con Hiên cũng chưa hề biết ông bà nội ngoại. Về phần bố nó, nó tin rằng người thương nó lắm. Nó còn nhớ nhiều lần bố nó an ủi mẹ nó : « Ấy cái đứa trẻ nào sớm tật nguyên thì thế nào cũng có cái bù lại là thông minh, tài hoa ». Và mơ màng : « Chưa biết chừng tôi sẽ cho nó viết văn hay học vẽ ». Nó cảm ơn bố nó vô ngần. Nó sinh ra kính nể bố nó đặc biệt. Chẳng thế mà chỉ có bốn, năm tháng giời nay, nhân không có việc làm phải ở nhà, bố nó dạy nó đọc xong thông lâu lâu chữ quốc ngữ. Bố nó cứ trách mẹ nó mãi rằng dạy con bao lâu mà nó chẳng biết một chữ gì.

Hiên thấy vui vui khi gợi lại những kỷ niệm êm đềm với cha nó. Bỗng nhiên nó giật mình nghĩ tới một điều buồn bã. Ấy cũng vì nó kính nể bố nó mà rồi lãng ý trong một lúc nó đã để xảy ra tai nạn. Bố nó hằng căn dặn nó không được rời khỏi căn nhà mà không có

người dẫn dắt. Thử hỏi còn ai dẫn dắt nó ngoài bố mẹ nó ra? Nó chỉ được quyền ra đến hàng đậu gỗ ngoài hiên là cùng. Nó còn nhớ đúng từng lời bố nó nói: « Ngoài đường phố nhiều xe cộ lắm. Con đã chặn đi chẳng vững thì chớ có đại dột lần mò ra ngoài mà nguy khốn đó con ạ. » Lời nói đó, Hiền tuân theo trọn vẹn, thuận tình tuân theo, từ ngày cũng gọi là nó biết đi. Thực ra thì nó cũng không ham ra ngoài hay đàn đúm với trẻ con hàng xóm. Thế giới một căn nhà tối vách ván chia làm hai ngăn đôi lúc thêm cái hiên nhà cũng đủ cho nó rồi. Tính nó vốn cô độc. Nó lại khéo biết tự bày lấy trò chơi một mình.

Thế rồi không hiểu ma đưa lối quỷ dẫn đường làm sao mà buổi sáng hôm thứ hai tuần trước nó tần vắn rút cái then cửa hiên ra. Nó nghĩ: hẻm vắng tanh vắng ngắt như thế kia thì nguy hiểm nỗi gì. Có lẽ bố nó quá cẩn thận. Giá mà có một bọn trẻ chơi cầu, chơi bóng, chơi sùng lục, dao găm với nhau thì chắc hẳn nó đã đóng cửa thụt vào. Nó bước chân xuống đường hẻm. Nó không lạ mấy cái hẻm khu nhà nó. Trước kia cũng đã có nhiều lần nó theo mẹ ra đầu hẻm, nơi mẹ nó bán hàng. Con đường đá dăm đất đỏ làm nó xuýt ngã. Một chiếc guốc văng ra. Nó thấy chân nó cũng không yếu lắm. Nó vẫn đi được, có điều chậm và phải lê chân mà thôi. Một ý nghĩ xúi dục nó đi ra xa để nhìn lại căn nhà của nó. Nó vẫn thắc mắc mãi là không biết mái nhà nó lợp bằng cái gì mà có nhiều lỗ thủng thế. Nó chịu không khám phá ra điều gì mới mẻ cả. Mái nhà nó cũng hệt như mái nhà hàng xóm. Bây giờ Hiền đề ý tới cây trứng cá căn nhà bên. Nó nhớ đến những đứa trẻ chọc trộm trứng cá bị người láng giềng la lối om xòm. Nó muốn đi xa hơn nữa trong hẻm để có thể nhìn thấy cả ngọn cây khuất sau mái hiên nhà nó. Hiền đã ra đến đầu hẻm chỗ mẹ bán hàng khi trước và quên cây trứng cá rồi. Nó nhìn chỗ cũ lòng tiếc hận vắn vơ. Nó bỏ ra đi dọc theo đường phố. Muốn tới cửa hàng tạp hóa có bán nhiều kẹo bánh và tranh ảnh nó phải qua một cái máy nước. Nó thấy ngại ngần. Lề đường ở chỗ này không còn lối đi nữa. Người đứng đợi nước chặt ních và thùng xếp từng đôi một ra đến sát mép hè đường. Nó mon men đi vòng xuống đường. Nó đã vượt qua cái máy nước đến trước cửa hiệu tạp hóa. Nó nhìn dán mắt vào những tủ kính thấp. Nó mơ ước. Rồi nó quay đi thờ dãi. Những chiếc xe không biết từ đâu kéo ào ào tới. Giờ tan sở chẳng? Trưa rồi. Giờ này cũng là giờ bố Hiền về mặc dầu giao này bố nó không đi làm. Nghĩ tới bố, nó hoảng hốt vô cùng. Nó bỗng nhận ra cái tội tày đình của nó. Nó phải về ngay kéo bố nó bắt gặp thì nguy. Lại cái máy nước phải vượt. Nó nhìn trước nhìn sau rồi đặt chân xuống đường. Một luồng gió nóng bốc thiêu trong toàn thân nó. Chân nó khuyu xuống và trán nó đập mạnh vào bậc gạch xi-măng lề đường. Nó không biết gì nữa...

Con Hiền kêu lên một tiếng thất thanh hất tung chiếc mền chăn. Mẹ nó từ bếp chạy ra :

— Cái con này lại nằm mê rồi !

Mẹ nó đến bên ấn vai nó xuống dịu dàng hơn :

— Con có sao không ?

Hiền không trả lời thẳng vào câu hỏi của mẹ :

— Bố có giận con không mẹ ? Lỗi tại con cả. Thôi đừng bắt cái chị gì chị ấy đền tiền nữa mẹ nhé !

Mẹ nó không trả lời. Cánh cửa mở toang. Bố Hiền vào như một luồng gió. Mẹ nó quay ra :

— Minh lại đi đâu về đó ?

— Tôi đi tiễn ông khách ra đầu ngõ.

Bố nó đến đầu ghế bố, nhìn con, cúi xuống hôn nó âu yếm rồi hỏi vợ :

— Nó không sao chứ ?

— Nó ngủ từ sáng đến giờ. Vừa rồi chẳng biết cô à nằm mê thấy gì mà kêu rống lên, rồi mới tỉnh dậy.

Nói xong mẹ nó quay vào ấm thẳng Bảo. Bố Hiền nhìn nó. Trong câu hỏi của bố, nó thấy vẻ trêu mến, lo lắng và thắc mắc :

— Con có sao không ?

Nó trả lời mơ hồ :

— Con không sao cả. Con nằm mê đấy thôi.

Nó biết nó đã nói dối. Bố nó cũng có vẻ an tâm. Nó ngập ngừng nói tiếp :

— Con xin lỗi bố. Lỗi tại con cả. Con đã không nghe lời bố. Thôi bố đừng bắt người ta đền tiền nữa bố nhé !

Bố nó phì cười :

— Có người ta đền cái cóc khô ấy !

Con Hiền thấy bố nó cười cũng mừng. Bỗng mẹ nó quay ra hỏi bố nó :

— À, còn công việc thế nào hở mình ?

Bố nó tiến lại phía mẹ nó nói vội vàng :

— Quên khuấy đi mất. Xong việc rồi. May quá. Có thằng bạn cũ dắt vào làm cho một cái xưởng đồng hồ mới thành lập ở ngoại châu thành.

— Lương lậu thế nào ?

— Vài ngàn. Làm tạm. Còn hơn không. Phải cái đi hơi xa. Thôi chịu vậy. Đã có xe đạp. Thật cũng may mà mình còn cố giữ được cái xe đạp không bán đi.

Hiền xen vào :

— Thế bắt đầu từ bao giờ hở bố ?

— Mai.

Hiên reo lên :

— Mai. A thích ghê.

Bố Hiên bứt đầu bứt tai đi ra :

— Hôm nay tôi làm sao thế này. Đến lú gan lú ruột mất thôi. Bão rãng có cái này đem về làm quà cho con bé mà mãi chuyện quá quên bằng ngay đi.

Bố nó lại bèn sập, cúi lấy cái áo tơi mưa hầy còn gấp nguyên. Con Hiên cố nghèn cổ lên nhòm rồi lại buông đầu xuống. Mẹ nó ẵm thằng Bão đi ra. Bố nó nhẹ nhàng mở cái áo gấp, lấy ra một quyển sách nhỏ, chạy lại đưa cho nó :

— Đây đây đề tập đọc. Lại khối tranh ảnh nhé !

Mẹ nó nói :

— Gớm, tưởng là cái gì.

Con Hiên hai tay cầm quyển sách ngang tầm con mắt đọc to, nhanh và rõ ràng :

— Thế giới tự do. Tập IV. Số 3.

Rồi nó òa lên khóc. Không hiểu vì sung sướng hay tủi thân.

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

NỮ SĨ TRẦN KIM PHỤNG

THÁI BẠCH

TRƯỚC đây trong số Sáng-Tạo phát hành tháng 4 năm 1958, tôi đã có dịp giới thiệu cùng quý bạn đọc nữ sĩ Sương nguyệt Anh, con gái thứ năm của cụ Nguyễn đình Chiều, tác giả Lục Vân Tiên. Nhưng có phải trong văn học sử ở Đồng Nai, Bến Nghé chỉ có một Sương nguyệt Anh là nữ sĩ để góp mặt cùng chiếu với các nữ sĩ Trung, Bắc : Đoàn thị Điểm, Hồ xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan và Nguyễn nhược Thị không ? Không, trong văn học sử miền Nam còn có nhiều nữ sĩ khác nữa như bà Bảy Khánh, vợ nhà thơ trào phúng Học Lạc, bà Trần kim Phụng, bà Trần ngọc Lầu, bà Nguyễn thị Dư và bà Đặng thị Hồi v.v... Ngoài bà Sương nguyệt Anh, nữ sĩ thượng thặng ở miền Nam, trong các nữ-sĩ trên đây còn có hai người được nhiều người biết đến là Trần kim Phụng và Trần ngọc Lầu. Số này lại xin giới thiệu với các bạn về nữ sĩ Trần kim Phụng.

Nếu nữ sĩ Sương nguyệt Anh được nổi tiếng là một nhà thơ trang nghiêm sâu sắc thì nữ sĩ Trần kim Phụng cũng là người nổi tiếng về tài hoa bóng bẩy.

Nếu nữ sĩ Sương nguyệt Anh đã có một trình độ Hán học uyên thâm và nổi tiếng với đời bằng bài « Chinh phụ thi », tả nỗi người trai Việt bị dồn xuống tàu để sang Pháp làm vật hy sinh cho trận thế giới chiến tranh lần thứ nhất, thì nữ sĩ Trần kim Phụng về phương diện Hán học, khi sinh thời cũng được lừng danh với đôi câu đối làm đùm cho một người đàn bà xin phép chồng sau, về điếu tang cha chồng trước, vì ông cha chồng này vẫn thương bà ta lắm, mặc dù con trai ông với bà đã không thể ở được cùng nhau vì cơm chẳng lành canh chẳng ngọt. Đôi câu đối này bà Trần kim Phụng viết :

Bất hạnh chi, nhi hạnh chi, quân-tử ố phẫn, vi quân tử ái,

Kị ai dã, diệc ai dã, cố nhân thân phi vị cố nhân tình.

Nghĩa là :

Không may mà, lại may mà, ghét bởi quân-tử, trái lại được yêu vì quân tử.

Thấy thương vậy, cũng thương vậy, vì cha cố nhân, chứ không phải vì cố nhân.

Giải ra văn xuôi có nghĩa là « nghĩ đời đã không may, nhưng rồi lại gặp may, vì người này ghét bỏ thì lại được người khác yêu đương (nguyên bà này cả hai người chồng trước và sau đều làm chức cai tổng).

Hôm nay thấy có tang về diếu, nghĩ cũng thương xót vô cùng, nhưng là vì nghĩa của thân sinh ra cố-nhân (tức chồng cũ) chứ không phải nghĩ đến mối tình duyên cũ của cố nhân đâu. »

Về Phương diện thơ quốc âm, nếu bà Sương nguyệt Anh được nổi danh trong thi-giới đương thời với bài thơ tức cảnh khi vua Thành Thái ngự giá vào Nam, như chúng tôi đã có đề cập đến, thì nữ sĩ Trần kim Phụng, sinh thời cũng được nhiều người chú ý đến bài thơ « *Tiệc rượu Nam Thành* ». Nội dung bao hàm nhiều ẩn ý về một bữa ăn uống no say quên cả trời đất và xung quanh mà trong đó Tây có, Ta có, Tàu có, thật là một bữa nhậu nhẹt be bét ở trong cảnh Pháp Nam giao thời, và riêng ở miền Nam bấy giờ mấy ông Hoa Kiều cũng đã đóng một vai trò quan trọng, nghĩa là bất cứ một câu chuyện làm ăn nào cũng có các ông len lỏi, chạy chọt, nhúng tay vào :

*Tiệc rượu Nam-Thành thật rất vui,
Trộm xem ai nấy cũng say vui
Anh Tây xuyên xoảng tu be ngược :
Chú Khách khề khà ném chén suôi
Giận đất lung lay không vững bước ;
Cười trời liêng đưng bóng dần lui
Đừng ngồi chẳng liện lời thôi cả ;
Tiệc rượu Nam Thành thật rất vui.*

Nữ sĩ cho là một tiệc rất vui, nhưng vui đến nỗi kẻ cầm be tu ngược, người cầm chén không nổi, chân không bước được, mắt không thấy gì, đứng ngồi ai nấy đều lờ lỏi thôi lộp thộp, phải chăng cái vui ấy là cái vui mĩa mai chua chát « vui ấy bao nhiêu, nhục bấy nhiêu ».

Cùng thời với nữ-sĩ Sương nguyệt Anh nhưng nữ sĩ Trần kim Phụng sanh năm nào, mất năm nào, quê quán ở đâu, hiện nay không mấy ai nhớ rõ và chỉ biết mang máng rằng bà tạ thế cách đây khoảng ba chục năm. Lẽ ấy cũng không gì làm lạ vì đương thời hẳn nhiên người ta chú ý đến thi văn của bà hơn là với những cái thuộc về đời tư, mà có hay không, vốn dĩ không phải là những việc quan hệ. Song có điều chắc chắn là với trình độ Hán-học như thế, tất nhiên bà nếu không xuất thân ở trong một gia-đình phong lưu khá giả thì cũng ở trong một môn gia nghiên bút tiếng tăm.

Theo một vài bực văn-hữu lão thành ở trong Nam kể lại thì nữ sĩ gốc người ở Sa-đéc, đến tuổi trưởng thành có kết duyên với một người ở miền này cũng con nhà danh giá, nhưng nira chừng, cuộc tình duyên bị xây ra ngang trái. Rồi bà lại kết duyên với một người nữa làm quan, bà theo chồng lên Nam vang, chẳng bao lâu ông này tạ thế, bà vào tu ở một ngôi chùa trên đó, và sau lại trở về gặp tri kỷ trong làng thơ là ông Nguyễn quốc Biều ở Dakao rồi tái giá một lần nữa. Cuộc hôn nhân

này được đảm ấm, nhưng cũng chẳng bao lâu ông Biều mất, bà lại thế phát quy y, mượn cửa từ bi để khuấy nếm trần tục. Nhưng lần này bà không tu ở chùa Nam vang mà trụ trì ở Điện bà—Tây ninh, bà lấy hiệu là Hương Thanh, sau cũng mất ở nơi này.

Bà là người thông minh và biết làm thơ văn rất sớm; kỹ thuật điều luyện chải chuốt, nội dung có nhiều ý thâm trầm hóm hỉnh, nên đương thời văn thơ của bà rất được nhiều người ưa thích truyền tụng, cũng như thanh danh của bà rất được các tao nhân mặc khách đương thời chú ý. Những tác phẩm của bà còn lại phần nhiều là những bài thơ làm theo lối Đường luật, đặc sắc nhất là những bài : Hoài cảm, Tống biệt, Tự ngôn và Phi long Công Chúa.

Bài « Hoài cảm », nữ sĩ làm để nhớ các bạn bè xa cách :

*Kể từ xa cách bạn lương tri,
Đề nhớ lòng đầy những nặng nề.
Ngơ ngẩn cảm lo âu không trời ngón ;
Dật dờ bút ngọc biếng đề thi.
Cảm tình sông núi đau đòi đoạn ;
Chạnh nghĩa kim băng thấm siết chi.
Nam Bắc chia trời sâu ngắt ngắt ;
Ngẫm duyên bèo nước hợp tan kỳ!*

Bài « Tống biệt », nữ sĩ làm tiễn chân một người bạn làng thơ :

*Cá nhạn từ ngày rẽ nước mây ;
Ngành nhìn non nước những chau mây.
Cỏi roi giục khách lời tan hiệp ;
Rượu rót đưa người lúc tỉnh say,
Trăng đợi nhấp nhò làn sóng bạc ;
Mưa phùn phơ phất giọt sầu xáy.
Cái mùi ly biệt ai từng nếm ;
Nếm thử rồi ai cũng thế này.*

Bài « Tự ngôn », nữ sĩ thuật sơ đời sống của mình :

*Kể từ năm ngoài đến năm nay ;
Bận bịu gia-đình chẳng hở tay.
Thơ bỏ luống tuồng không cất bút ;
Đàn treo vắng vẻ chẳng khua dây.
Cuộc cờ Lý-Bạch đã quên loán ;
Chén rượu Huế-Quỳnh cũng biếng say.
Chộn rộn với con ngày lẫn tối ;
Tài linh chi đặng đó mà hay.*

« Phi long công chúa » là bài nữ sĩ vịnh nàng công chúa Phi long trong truyện Ngũ hổ bình Tây :

Chiếc thân qua Tống biệt trời Liêu ;
 Vì chữ non sông phải đánh Liêu.
 Ơn chúa mong đền công dễ nại ;
 Thù chồng lo trả chí không xiêu.
 Tắm gương bạch tuyết ngàn thu rạng ;
 Giấc mộng hoàng-lương một chốc liêu.
 Số mạng chẳng qua cơ tạo hóa ;
 Ngậm cười chín suối tiếng còn biêu.

Qua mấy bài thơ trên, chúng ta thấy nữ sĩ chẳng những là một nhà thơ nổi tiếng mà còn thạo cả về cầm kỳ, nhất là ở trong bài « Tự ngôn ». Tục truyền khi nữ sĩ còn ở Nam vang, có một nhà thơ ở miền Hậu giang là ông Tú Lan lên viếng cảnh có làm một bài thơ nhan đề : « Nhập cảnh vô nhân » :

Nam vang phong cảnh có gì hay ?
 Tài tử giai nhân chưa mấy tài.
 Nhấp rượu xuân tình e thiếu bợm ;
 Khảy đàn lưu thủy chẳng siêng tay.
 Nghe ma đọc phủ thêm buồn mãi,
 Mời quý chơi cờ giải muộn đây.
 Thất xứ Cao-miền người khác tục,
 Nhọc lòng Gia-Cát bấy lâu nay.

Ông Tú viết bài đó, ngụ ý khoe tài học và văn chương của mình, đồng thời cho tất cả những người Miên, Việt trên đó hết thấy đều là những phàm phu tục tử, không ai là người tương xứng với mình. Nhưng bài thơ ấy khi truyền ra đến tai bà, tức thì ông Tú được bà cảnh cáo ngay bằng một bài họa vắn :

Thoạt nghe tiếng thốt, úi chà hay !
 Nẻo tắt đường quanh cũng gọi tài.
 Chưa hẳn đại khôn hầu nề mặt ;
 Cho tường cao thấp sẽ nhường tay.
 Văn chương lối Hán kia ai đó ?
 Thao lược bên Đường sẵn kẻ đây.
 Mưa chớ khoe khoang tài trí ẻ,
 Cửa Ban thường tại thế xưa nay !

Bà cho ông Tú là người học còn tầm thường, văn thơ còn kém, hãy im đi, chớ đừng « múa riu qua mắt Lỗ Ban ». Nhất là chữ « Hán » ở câu thứ năm lại còn có nghĩa « xô ngằm » trong đó, vì chữ « Hán » theo lối phát âm của đồng bào miền Nam cũng cùng một giọng đọc với « háng ».

Nghe tiếng bà là một nhân vật nổi danh trên thi đàn, thường giao du xướng họa với các bạn nam giới, và cuộc tình duyên của bà đã

nhiều lần thay đổi, nên có người gửi đến bà một bài thơ vừa khen vừa đả kích, nhưng khen thì ít mà đả kích thì nhiều :

*Rằng hẳn rằng cô gái có tài,
Cầm kỳ thi họa chẳng nhường ai.
Chẳng hay tuổi Á bao năm đấy ?
Mà kết duyên Âu đã bấy chầy.
Nét vẽ dung nhan còn đượm thề ;
Hương đưa phấn nhụy khắp cùng bay.
Thuyền xưa gặp gỡ còn mờ mịt ;
Rằng hẳn rằng cô gái có tài !*

Khi đọc xong, bà làm bài họa lại để thanh minh cho biết về cảnh ngộ nhi nữ của mình đồng thời chê tác giả trên sao đã biết thốt ra những lời ấy, mà thân nam tử « sức rộng vai dài » vẫn ngồi trơ ra đó khi đất nước đã thuộc về tay kẻ khác. Sắc với tài hay là tài với sắc mà như vậy trong lúc này thì cũng chẳng hơn nhau thá gì :

*Thói chớ đon ren chữ sắc tài,
Giang san này đã thuộc về ai ?
Sá chi bồ liễu âu thân phận ;
Đề then mây rêu đã bấy chầy.
Gan óc dễ đâu nong nả thề !
Cánh hồng sao chẳng vẫy vùng bay ?
Ngắm trong nhân đạo không chi lạ ;
Thói chớ đon ren chữ sắc tài.*

Đọc hai câu thơ « Chẳng hay tuổi Á bao năm đấy ? Mà kết duyên Âu đã bấy chầy. » ở trong bài nguyên xướng, có người căn cứ vào đó bảo đời bà đã có một người chồng phương Tây. Nhưng đó cũng chỉ là một sự phỏng đoán, chớ chưa lấy gì làm xác thật vì những chữ như « tuổi Á » hay « duyên Âu » cũng có thể dùng để chỉ bóng vào một sự khác trong thời thế bấy giờ, như « gió Á mưa Âu » là có ý nói vào buổi Pháp Nam giao thời. Và chuyện ấy có hay không, chúng ta cũng nên gác lại ở đây, mà chỉ cần biết đến thi văn của bà mà thôi.

Sinh thời, bà chẳng những sành về thơ phú mà còn họa thơ rất là tài tình. Do đó tiếng tăm của bà chẳng những đồn vang trong sáu tỉnh miền Nam mà còn lây lừng ngay cả trên kinh đô xứ Tháp vàng—Chùa bạc. Bà tới đâu cũng được những tao nhân mặc khách xa gần tới thăm hoặc là làm thơ thách họa gửi đến đề kết duyên văn tự. Và bất cứ bài nào đưa lại, khó khăn và lắt léo đến đâu, bà cũng trả lời được rất hóm hỉnh tự nhiên, ý nghĩa và kỹ thuật hoặc bằng hay là vượt hẳn bên nguyên xướng chớ không chịu thua kém. Như có lần, một văn hữu là ông Nguyễn ngọc Minh viết đưa hỏi bà khi còn ở Cao-miền :

*Nam-Vang phong cảnh có chi cả ?
Nhà nước năm nay lập mấy tòa ?*

Buồn bán món gì lời lỗ hử ?
 Thơ thầy nghề ấy khá không à ?
 Người nông thuở trước còn đông chớ ?
 Nghiệp sĩ bây giờ thế bọn đa ?
 Nhà nước bốn phương khi thanh đó,
 Chẳng hay quý quyển lạc như hà ?

Bà họa lại :

Châu thành Chùa Tháp rộng thênh ca ;
 Đất chử trời che biết mấy tòa.
 Chúa trị tán trào dư đức cả ;
 Dân cư lạc nghiệp đủ công à .
 Gái toàn bốn đức tài tình lắm ;
 Trai vẹn ba giếng sự nghiệp đa.
 Phong cảnh bốn mùa phong cảnh toại ;
 Còn nhiều thú vị nổi sơn hà.

Và có lần một người bạn trong văn giới là ông Hoàng văn Toàn
 gọi lên thăm nữ sĩ :

Cổ-nhạc năm ba chén sật sừ ;
 Tao đàn vắng bạn ruột đường như.
 Nhìn non nước nhớ đường xa xất ;
 Hừng gió trăng trông lúc bấy chừ.
 Hỏi đó cơ sao thơ chẳng gửi ?
 Buồn này nhờ có rượu làm nư.
 Giang sơn ngàn dặm nhàn mai viếng ;
 Phải phải không không cũng cứ ư.

Ông Toàn muốn mượn chén say để buông tiếng bông lơ đãng
 giả mù xa mưa. Nhưng bà đâu phải người tầm thường nên đã trả lời
 bảo ông Toàn hãy bỏ cái tánh say sưa, cái thói kiêu hãnh và
 tầm phào :

Bỏ thói say sưa nhà nhà sừ !
 Tao đàn đường ấy thú hà như ?
 Giọng thơ kiêu hãnh dành khen đó ;
 Tinh rượu hoang mang cũng lạ chừ.
 Cá nhạn dầu đây khi có vắng ;
 Giận hờn chi đó lại mần nư ?
 Hỏi thăm Hoàng-hữu linh bao nữ ;
 Mà mãi trông mong những tiếng ư ?

Thi văn của bà còn nhiều bài để lại. Nhưng trong phạm vi bài này
 chỉ xin trích ra những gì là đặc sắc, và bấy nhiêu thôi, thiết tưởng
 các bạn cũng hiểu bà là một người có địa vị thế nào trước đây trong thi
 đàn văn giới ở Đồng nai Bến nghé.

TU

THANH TÂM TUYỀN

THIỆT cất tiếng ca : « Đêm đông gió bắc lạnh lùng, người viễn khách dừng chân nơi quán trọ nhìn cây trút lá trên hè vắng và lòng buồn mơ quay về dĩ vãng. Ôi những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa... »

Thiệt ca vừa nở như những tiếng nấc nghẹn ngào. Đầu Thiệt nghiêng nghiêng bên tay đàn, những ngón tay buông bắt hớp tấp trên hàng phím trắng. Hết một câu, Thiệt gõ nhịp xuống mặt cây « ghi ta » đã tróc sơn. Gian nhà trần, nền đất đập âm mốc. Ngọn đèn dầu lung lay treo ở cột trên đầu Thiệt. Trên cái ghế bố, ngoài Thiệt còn ba người khác : con Lai, chị Sáu và Tư. Lai nằm co gối đầu lên đùi Thiệt, chị Sáu hút thuốc lá, Tư ngồi thu ở đầu ghế. Xóm khuya dần và trận mưa tới. Bài ca dứt thì Tư cũng đã khóc. Con Lai cười :

— Anh làm tiếp bản nữa nghe chơi.

Chị Sáu nói :

— Rầu thấy mẹ lại mưa rồi.

Tiếng hát của Thiệt lẫn trong tiếng mưa hiu hắt, khuôn mặt Thiệt xa lác. Tư ghét con Lai, nó lớn tuổi hơn Tư, ngộ hơn Tư, lão luyện hơn Tư. Con mắt nó xanh, tóc nó hoe vàng, nó có phần máu Tây trong người. Chị Sáu đã già ứa không còn ngực, mặt ghềnh nặng. Tư muốn không còn hai người ấy để được một mình ngồi gần nghe Thiệt ca, những bài vọng cổ ấy thấm tặn vào lòng Tư. Câu ca nào nung đưa tư vào nơi đầy những kỷ niệm mà Tư không bao giờ có được. Tư cũng muốn bắt chước « viễn khách » quay về tìm dĩ vãng nhưng dĩ vãng của Tư ở đâu ? Ai biết ? Năm nay Tư mới mười bảy tuổi. Tư mồ côi cha mẹ năm được bảy tám tuổi gì đó. Ở với cha mẹ nuôi rồi trốn đi năm mười lăm tuổi để làm điếm. Dĩ vãng đâu phải là những hình ảnh mà người ta không muốn nhớ. Tư ở ruột cho vợ chồng chị Sáu — cả hai người này đều ghềnh — đi khách về đưa tiền cho chị Sáu, chị nuôi cho Tư ăn mặc. Khi Tư bị bắt vợ chồng chị lo lắng cho Tư, còn hơn là có thân trong trường hợp hoạn nạn. Lâu lâu chị Sáu cũng biết điệu mua cho Tư chỉ vàng lúc dư dật. Chị Sáu cũng thương Tư, thỉnh thoảng chị an ủi hứa hẹn với Tư sẽ lấy Tư cho thằng con trai độc nhất của chị khi nó lớn lên. Năm nay nó mới có mười ba tuổi, giữ việc canh gác cửa ngõ. Tư chẳng có một ý nghĩ nào.

Thiệt không ca nữa ngồi yên. Anh chẳng ngó ! Lai cũng chẳng

ngó Tư. Bốn người không biết nói gì với nhau. Đầu xóm không có lấy một tiếng chân người. Lát sau chị Sáu nói :

— Tư này, con Phương chết rồi mà mày biết không ?

Tư lắc đầu. Con Lai lên giọng :

— Ho ra huyết mà không chết sao được.

— Chị Sáu chép miệng :

— Tội nghiệp, nó lấy được thằng chồng tốt mà trời không cho hưởng.

Chồng của Phương là một anh chàng khách trú làm thợ sửa xe hơi, đã ngủ với Tư một lần và có cho thêm Tư mười đồng bạc.

— Anh ca nữa đi anh Thiệt. Con Lai kéo tay Thiệt ngồi xuống vì Thiệt muốn đứng lên.

— Thôi mày ơi, ca cho mày nghe hoài tao ngán lắm.

Thiệt lấy tấm áo mưa trùm lên người. Chị Sáu hỏi :

— Đi đâu thế mày ?

— Đi kiếm chồng cho mấy con này.

Con Lai bảo :

— Nè em bảo anh lên xin ca trên đài phát thanh được đó nghe.

Thiệt mò mẫm tránh những vũng xình lội. Mưa giở giọt gianh. Trời có ánh sáng màu sương đục. Thiệt lách hàng rào của trại cura vào trong. Cả cái xưởng lớn chỉ treo một ngọn điện nhỏ. Máy móc nín thình và gõ sễ nằm ngửa trên đất. Thiệt kiếm một cây gậy cầm tay chống rồi lại theo khe hở ra ngoài. Những khóm nhà lá nhấp nhô làm ngõ không thành lối. Ra đến lộ Thiệt đứng dựa núp sau một gốc cây. Tiệm cà phê của chệt ở đầu phố còn đông người. Thiệt đứng chờ đợi và chửi rủa trời đất.

Còn lại ba người đàn bà trong gian nhà, Lai nằm dài chiếm cả cái ghế bố, Tư vẫn ngồi dưới chân Lai. Chị Sáu ra đứng tựa cửa hút thuốc lá.

Chị Sáu hỏi Tư :

— Hồi chiều mày có mua thuốc uống không Tư ?

— Dạ, rồi.

— Đúng tên thuốc không mày ?

— Dạ đúng.

— Phải coi chừng bệnh, khổ nghe con.

...Những giòng nước mắt cứ lừ con tìm đau khổ dâng lên nghẹn lời...

Phải Tư đang cảm thấy đúng như câu ca của Thiệt hồi nãy. Con Lai ngêu ngao một mình :

*Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bóng thiệp trả đôi vàng thiệp xin.*

Rồi nó kêu lớn :

— Rầu thúi ruột chị Sáu ơi !

Chị Sáu gắt :

— Mà mà cũng biết rầu sao mà ?

— Trời ơi ! Bộ tôi không là người sao chị.

Con Lai ngồi nhồm nựa người nói xong lại ngã xuống. Nó trêu Tư, nhái một câu « chuẩn chuẩn » trong tuồng Hoa rơi cửa Phật: « Em Tư ơi ! Ôi chưa đầy hai năm mà một vẻ đẹp, thùy mị kín đáo đáng yêu trước kia nay đã biến thành hình dạng một nạn nhân khốn khổ. Em Tư ôi ! Tội tình chi mà... em phải... σ... σ... đọa... đầy... »

Con Lai khoát chỉ cười ngất. Tư khóc òa. Chị Sáu la :

— Tư, bộ mà điên sao Tư ?

Tư vẫn khóc, nước mắt ám cả cổ họng. Con Lai cười, mắt nó nhắm hết lại :

— Đờ quỷ có im đi không, khuya rồi.

Một lát chỉ còn tiếng thút thít của Tư, và Lai chuyển sang ca bản vọng cổ « Đêm đông gió bắc lạnh lùng » của Thiệt.

Từ xa một người đàn ông đi lại, dáng thiếu nã. Đến ngang chỗ Thiệt núp, người ấy bật quẹt châm thuốc không trông thấy Thiệt. Thiệt rút thuốc đến gần nói :

— Thầy cho em xin chút lửa.

Người khách bật cây quẹt khác cho Thiệt. Trông về mặt khách dữ, Thiệt hỏi :

— Có phải hồi hôm thầy dặn em đón thầy không ?

Khách không trả lời, Thiệt tiếp :

— Món này ngon lành lắm, em cam đoan thầy phải ưng. Lai mà.

Khách ngần ngừ một phút khẽ gật đầu và theo chân Thiệt. Thiệt bắt đầu ngán sự im lặng của khách, nói :

— Thầy coi chừng lộn.

Thiệt bỗng nghe được tiếng hỏi ở sau lưng :

— Phương còn ở đây không ?

Giọng nói người miền ngoài, Thiệt yên bụng đáp :

— Món này ngon hơn Phương mà thầy.

Khách hỏi sang chuyện khác :

— Xóm này chưa bị rữ ?

— Đông thêm thầy ơi ! Dễ gì mà đi.

Đất của xóm là đất của một hãng cửa máy nghiền mài xuống mé sông. Trại cửa bị xóm nhà lá vây bọc xâm lấn trông cũng tiêu tụy. Chị Sáu ra cửa nghe ngóng. Chị nghe tiếng chân người lạ và tiếng nói chuyện. Thiệt và khách vào đến nơi đứng ở cửa. Con Lai ngồi dậy sửa lại đầu tóc. Tư cúi gằm đầu, mắt còn cay. Chị Sáu vẫn vờ :

— Mời thầy vô.

Khách vẫn đứng yên giữa cửa, người dong dỏng cao khoác áo mưa xám nhà binh, đầu không chải da mặt nhờn mồ hôi. Thiet ra hiệu chỉ Lai cho khách. Khách không nói và nhìn chăm chăm vào Tư. Tư không cựa cựa. Chị Sáu vội thúc :

— Kla Tư.

Khi Tư đứng lên thì người khách đã ra ngoài. Lai nhìn Tư cảm tức. Lần thứ nhất Tư không ngờ đã thắng Lai, Tư thấy sung sướng. Chị Sáu đi trước dẫn lối, Tư đi gần khách phía sau. Tư hết khoe tinh táo, thỉnh thoảng liếc nhìn khách. Tư chẳng phân biệt được nét mặt. Càng vào sâu xóm càng tối càng yên tĩnh. Người khách phải cúi đầu qua những mái thấp. Căn nhà của chị Sáu gần mé sông. Thắng con chị Sáu đang ngủ trên bộ ván sát cửa vào. Nó choàng dậy khi nghe chị Sáu kêu :

— Dậy mày, ra ngoài trông cửa.

Gian ngoài hẹp thông sang nhà bếp chỗ chứa nước, kê bộ tủ thờ và một bộ ván. Gian trong vuông vức kê một cái giường — của anh chị Sáu — kéo một tấm « ri đô » bần thiu. Khách ném cái áo mưa lên trên ván, Tư đi thẳng vào trong giường. Chị Sáu khóa trái cửa và cùng thằng con trai ra ngoài ngõ.

Tư thấy ngọn đèn được vắn sáng lên và hình như khách ngồi xuống bộ ván ở ngoài. Không hiểu sao Tư không dám lên tiếng kêu. Tư nằm xuống giường, lăn vào trong quay mặt vô vách. Nước lên cao đập vào những chân cừ ở dưới, mùi bùn nồng nồng. Tư ngủ quên trong vài phút ngắn. Tư tỉnh dậy nhẹ nhàng, người đàn ông nằm bên cạnh. Hấn ngửa mặt nhìn mái nhà im lặng. Tư e dè sán lại gần cúi đầu vào vai hẳn. Người đàn ông quay lại với Tư, hỏi :

— Em sợ anh phải không ?

Tư gật đầu.

— Việc gì mà sợ ? Anh hiền không.

Người đàn ông ôm lấy Tư hỏi tiếp :

— Em biết Phương không ? Lần trước anh gặp Phương. Em hỏi Phương thì biết.

Rồi người đàn ông hỏi tên của Tư, Tư đáp, Tư tin giọng nói ngọt ngào của người ấy. Mưa rào xuống trên sông, gió thổi tắt ngọn đèn, nhà tối thui. Người đàn ông hôn rất lâu trên môi Tư. Tư thở nhiều trong mũi. Khi Tư đã quên với hơi của người đàn ông, hẳn bỗng nằm im và vuốt tóc Tư, nói :

— Em giống em gái của anh.

— Hay em là em gái của anh. Tư nói rõn.

— Nếu em là em của anh thì anh đánh đòn.

Tự dưng Tư thấy buồn. Tư hỏi :

— Em gái của anh đâu ?

— Ở ngoài Bắc với mẹ anh.

— Anh vô đây một mình ?

Người đàn ông gật đầu.

— Hồi nào ?

— Di cư.

Người đàn ông kể cho Tư nghe chuyện gia đình :

— Em gái của anh ngoan lắm, anh hay ăn cắp tiền của nó, nó khóc. Nhưng khi nào anh không có tiền hỏi vay nó lại cho, chẳng bao giờ anh trả cả.

— Đến bao giờ anh tính về ngoài ấy ?

— Anh tính về — Người đàn ông cười gằn : Anh tính sao được, phải đợi thống nhất chứ.

Tư không hiểu thống nhất là gì. Người đàn ông tiếp :

— Nhưng anh không sống đến ngày ấy.

— Anh chỉ nói bậy nào.

Tư hôn vội lên mỗi người đàn ông vì không muốn nghe người ấy nói nữa. Khi Tư buông môi dựa tai vào ngực, Tư nghe giọng nói ở trong ấy :

— Mai anh chết mất rồi.

— Anh nói em sợ lắm.

Người đàn ông ôm ghì lấy Tư và người Tư thu nhỏ lại.

— Em ngoan lắm. Em ngoan như Phương vậy.

Tư gỡ tay bạn, hỏi :

— Anh biết Phương nhiều không ?

— Một lần.

— Phương lấy chồng rồi.

— Tốt, rồi em cũng sẽ lấy chồng như Phương.

— Phương vừa mới chết. Ho ra huyết.

Người đàn ông nín thính. Tư hỏi :

— Anh có hôn Phương không ?

— Sao lại không ?

Tư thành thật bảo :

— Vậy mai anh phải về uống thuốc ngừa bịnh đi.

Người đàn ông bỗng cười dài, cười lớn vang động cả đêm khuya tĩnh mịch :

— Cảm ơn em, nhưng mai anh chết rồi còn đâu.

Tư rùng mình sợ hãi.

— Em biết anh đã hôn Phương, em còn dám hôn anh nữa không ?

Tư choàng riết lấy lưng người đàn ông và hôn say đắm. Rồi Tư

quờ tay sờ lên mái tóc ướt sũng của chàng. Những ngón tay của Tư lần theo viền mắt chàng đong lệ.

— Em thương anh.

Tư thấy yêu đương bằng bột.

— Thật sao ? Tư.

— Dạ

Đó là tiếng nói tự con tim của Tư. Giờ phút trôi qua và người yêu của Tư vẫn chưa trở về làm người khách. Chàng vẫn ôm ấp Tư như ôm đứa em gái. Mưa đã ngớt một cơn và bắt đầu cơn mới. Tư hỏi :

— Hồi nãy sao anh không đi với cô kia ? Cô ấy đẹp hơn em.

— Anh không cần đẹp, và anh trông thấy em khóc.

Tư nhõng nhẽo áp má vào má người yêu.

— Anh muốn ở lại suốt đêm nay với em nhưng anh không có tiền để trả.

Tư tủi lắm đáp :

— Bốn trăm.

— Anh còn trăm bạc cuối cùng.

— Anh biết là em muốn anh ở lại với em, em thế nào cũng được. Nhưng em ở ruột cho chị Sáu, tiền chị ấy lấy em chẳng có quyền gì hết.

Tư kể lể tình cảnh với người yêu và Tư khóc :

— Giả tỷ em có tiền...

Người đàn ông vỗ về an ủi Tư, lấy tay lau nước mắt cho Tư, sờ trán Tư chàng bỗng kêu lên :

— Em đau ?

— Không sao đâu anh. Tư sợ chàng sẽ hết yêu vội nói.

— Không phải, anh nghĩ là em phải uống thuốc cảm.

— Em không có tiền.

— Em biết là anh nghèo. Anh có bao nhiêu anh đưa hết cho em. Chàng trở dậy đốt đèn mang vào giường. Chàng dử ví soi lên. Cái ví da đen già cũ rách bươm không có một tấm ảnh nào. Chàng mỉm cười hỏi Tư :

— Ví cũ quá hả ? Của cha anh để lại cho anh, mấy chục năm đó. Chàng lục hết các ngăn dưới mắt Tư, chàng nói :

— Một trăm độc nhất này để trả chị Sáu, còn lại của em tất cả là bao nhiêu, em đoán xem nào ?

— Em không biết.

— Sáu đồng, sáu đồng đủ mua thuốc cảm.

Tư cất sáu đồng bạc vào túi, chàng nằm xuống dặn :

— Mai sáng em nhớ mua thuốc ngay nghe không ?

— Dạ.

Chàng bỗng ngồi dậy nói :

— A ! Anh còn để gia tài lại cho em. Em có thích không ?

Tư ngỡ ngác.

— Một tấm vé số. Hy vọng là trúng.

Tấm vé số gấp làm tư giấu trong một ngăn kín. Chàng bảo Tư :

— Tất cả hy vọng của anh đó. Anh cho em cái hy vọng của anh. Em sẽ trúng nghe không. Chỉ cần độ một trăm ngàn thôi. Em trả nợ độ mười ngàn, còn lại em ra mở tiệm làm ăn, lấy chồng, đẻ con và sung sướng.

Tư hỏi lại :

— Biết bao giờ em được sung sướng như vậy ?

— Được chứ, mai anh chết rồi. Cái hy vọng của người chết cộng với cái hy vọng của em to lớn biết bao nhiêu. Anh chết để cho em trúng số. Em phải trúng nghe không ?

Tư hỏi ngây thơ :

— Anh chết thật ? Tại sao anh lại chết ?

Chàng cười :

— Anh chết chứ. Chết cho em trúng số mà. Nếu anh không chết làm sao em trúng được.

Tư không biết làm gì hơn là ôm người đàn ông vào gần mình. Tư nói :

— Em nhớ mặt anh. Trúng số em sẽ đi kiếm anh.

— Không thấy đâu em ơi !

Tư khóc nức bất ngờ :

— Anh chết thật sao anh ?

— Anh chết thì em có mất gì đâu, đừng khóc nào, Tư.

— Nhưng em muốn anh sống.

— Ừ thì anh sống nhưng anh không bao giờ gặp em nữa cũng thế.

Tư cứ muốn được nằm mãi, mặt úp vào cổ người yêu và mặt người yêu áp vào tóc Tư. Ngoài cửa tiếng chỉ Sáu kêu :

— Xong chưa Tư, sao lâu dữ ?

Tư đáp :

— Chưa, một chút nữa.

Chàng bảo :

— Thôi người ta đuổi anh đi rồi. Em có đuổi anh không ?

Mắt Tư mờ đi sau màng lệ :

— Không, em không đuổi anh. Em muốn giữ anh ở lại mà không được.

Chàng mỉm cười :

— Em gái anh ngoan lắm. Đến ngày mở số em nhớ dò cho kỹ nghe. Em phải trúng số.

Tư níu lấy tay người yêu :

— Anh nằm nói chuyện với em thêm một lát nữa.

Tiếng thằng con chị Sáu nói dóng bên ngoài :

— Này, nó đang ruồng ở ngoài nghen.

Có cả tiếng con Lai nói :

— Du dương lâu vậy.

Chị Sáu bảo Thiệt :

— Màỵ đờn ca lên một khúc đề chúng khỏi nghĩ màỵ.

Thiệt dạo mấy cung trầm nhất, lên giọng : « *Ói những ngày thơ mộng đã qua không bao giờ tìm thấy nữa, người viễn khách sau cuộc giang hồ phiêu bạt đêm nay chỉ còn biết than khóc cho bao mộng đẹp tan vỡ . . .* »

Người đàn ông bảo :

— Thôi cho xong đi.

Tư nhìn trần trần người đàn ông cởi quần áo, nằm im không nhúc nhích. Chàng âu yếm cúi xuống cởi nút áo cho Tư. Tư vui sướng thấy mình không còn là gái điếm vì Tư không phải tự mình làm lửa thề mình. Nhưng khi người đàn ông ôm lấy Tư thì Tư cố gắng nói :

— Em có bệnh anh à.

Chàng mỉm cười tha thứ nhìn vào mắt Tư, trong mắt chàng có tất cả sự âu yếm đủ cho một đời người.

Chàng trở dậy chưa kịp nói thêm lời nào với Tư thì chị Sáu đã mở khóa lảng vảng ở gian ngoài. Chàng mặc quần áo đi ra, hình như chàng có nhìn Tư lần cuối nhưng Tư không trông rõ mặt chàng. Tư theo ra đứng nép bên cửa. Chàng đứng ngoài sân giữa chị Sáu và Thiệt, móc ví trả tiền cho chị Sáu. Tư bước vội ra ngoài vòng sau lưng chàng đi ra ngõ. Tư nghe chị Sáu nói :

— Lần sau thầy đến chơi, đây là nhà của tôi.

Tư ãn vào ngách tối giữa hai căn nhà thấp. Tư nghe tiếng giày của chàng bước tới gần mình. Khi chàng đi ngang qua chỗ núp, chàng dừng lại chằm thuốc lá, Tư khẽ gọi :

— Anh.

Que diêm chộp chờn. Tư thấy chàng mỉm cười. Tư vẫn không rời chỗ núp sợ chị Sáu bắt gặp. Tiếng chị Sáu kêu ở nhà :

— Tư ơi ! Con quý đi đâu mất rồi.

Thiệt cũng kêu :

— Tư ơi !

Chàng tiến lại gần ôm lấy Tư mà hôn, Tư tựa cả người vào vách nhà, muốn ngã quỵ vì yếu đuối. Chàng đặt vào tay Tư cái ví da đen :

— Anh để nốt cho em cái gia tài của cha anh, trong ấy không có gì hết, chỉ có thẻ kiểm tra của anh. Em giữ đề cất tấm vé số cho chắc. Nhớ nghe không, em phải trúng số nghe.

Cái ví da đã mủn lép kẹp. Chàng bỏ đi không nhìn lại, dáng người cao cúi xuống. Khi tiếng chân của chàng đã khuất Tư linh cảm chàng chết thật. Chàng không nói rõn. Tư cố gắng nhớ lại khuôn mặt chàng nhưng không được, hình ảnh mờ mờ tan thành khói. Tư cố gắng nhớ lại giọng nói của chàng nhưng chỉ còn văng vẳng hơi gió trên sông. Tư nhét cái ví da vào bụng rùng mình lo lắng. Đến mai Tư sẽ không thể nhớ ra chàng được nữa. Tư khóc, không dám khóc thành tiếng.

Nhưng một điều chắc chắn là từ bây giờ Tư đã có kỷ niệm, Tư đã có dĩ vãng để mỗi lần muốn nhớ Tư có thể gọi ra được.

Chúc em may mắn, Tư ơi! Anh từ biệt.

THANH TÂM TUYỀN

KHẢO VỀ THƠ BAUDELAIRE

LÊ HUY OANH

*Je suis la plaie et le couteau !
Je suis le soufflet et la joue !
Je suis les membres et la roue,
Et la victime et le bourreau !*

Je suis de mon cœur le vampire...

VÀO khoảng hậu bán thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, ở Pháp có ba thi phái chĩa nhau làm bá chủ trên đài thơ. Đó là các phái Lãng mạn (Ecole Romantique), Thi sơn (Ecole Parnassienne) và Tượng Trưng (Ecole Symboliste).

Chủ trương của phái Lãng Mạn là gạt bỏ sự mô phỏng văn chương Hi-La của phái Cổ điển. Nhà thơ Lãng Mạn không tìm cảm hứng trong những truyện thần thoại cũ, nhưng trở về tìm cảm hứng ngay trong tâm hồn mình và trong cảnh sắc thiên nhiên. Thơ của họ phần nhiều thiên về bản ngã cho nên cái « tôi » đã được họ đề cao. Bằng óc tưởng tượng phong phú, bằng tình cảm vĩ kỷ, họ ca ngợi những mối tình say đắm, những nỗi sầu đau, hoài cảm.

Nhóm Thi Sơn trái lại đã hô hào diệt trừ tính chất chủ quan và đừng quá nặng lòng với cái « tôi » như các thi sĩ Lãng mạn. Họ cho rằng nhà thơ cần phải khách quan. Đối với họ, ngoại cảnh và tâm hồn hầu như không có liên lạc gì hết nên họ không ứa phải nỗi lòng vào ngoại cảnh mà chỉ nhĩa thẳng vào thực thể của nó để diễn tả nó bằng những lời thơ chải chuốt, đầy nét nhịp nhàng tựa như một công trình kiến trúc trên cẩm thạch.

Còn các nhà thơ phái Tượng Trưng lại đã kích các thi sĩ nhóm Thi Sơn là quá lệ vào sự gọt rửa câu văn đến nỗi bỏ* rơi cả tình cảm khiến cho thi ca bất lực, không gây được rung động. Theo phái Tượng-Trưng, cái đẹp trong thơ của phái Thi Sơn thật là vô hồn, thoát nhìn thi ứa nhưng nhìn kỹ thi chán.

Tuy nhiên, họ cũng không phục phái Lãng-Mạn, cho rằng thơ của phái này chỉ là những tình cảm hơi hợt lỏng trong một hình thức lệ thể, nặng nề. Vì thế, các nhà thơ Tượng Trưng hô hào vứt bỏ những lối thơ thiên về tả cảnh hoặc những lối thơ trữ tình hơi hợt, nông nổi. Theo ý họ, thơ cần phải chứa đựng những sự rung cảm, sâu kín, thành thật phát ra tận đáy tâm linh, tận trong tiềm thức. Tuy ba thi phái trên đã kích, chê bai lẫn nhau, nhưng người ta nhận thấy rằng mỗi thi phái đều có cái vẻ đặc sắc riêng, một lối gây rung động riêng. Vì nghệ thuật tựa như một ống kính vạn hoa

(Kaléidoscope) có nhiều màu sắc, nhiều vẻ đẹp khác nhau nên rút cục lại, độc giả vẫn được thưởng thức những cái hay, cái đẹp khác biệt nhau của cả ba phái.

Giữa lúc đó, một quái kiệt của làng thơ Pháp là Charles Baudelaire (1) xuất hiện. Trong lãnh vực nghệ thuật, ông đã đến cùng mọi người như một làn gió lạ. Thi phẩm của ông (2) nằm giữa ngã ba nghệ thuật và ta có thể đặt ông vào cả ba thi phái nói trên. Thơ của ông có những tình cảm sôi nổi, thiết tha của phái Lãng-Mạn, có cái vẻ óng ả, nhịp nhàng, cân đối của phái Thi-Sơn, và nhiều chỗ đã diễn tả được những nổi linh động sâu kín nhất của tâm hồn, mở một lối đi cho phái Tượng Trưng sau này. Có một vài nhà phê bình khác, chẳng hạn như Paul Valéry, còn cho rằng đôi khi người ta có thể đặt Baudelaire vào hàng ngũ các nhà thơ Cổ điển vì thơ ông thường có mục thước và được bố cục rất chặt chẽ theo lối cổ điển...

Hôm nay, xin mời các bạn hãy cùng tôi đến thăm nhà thi sĩ này. Chúng ta sắp sửa bước vào một khu vườn nghệ thuật đầy hương hoa kỳ lạ. Đây là lãnh vực giàu sang, phong phú của một đấng Thiên tài đã được nhiều người tôn làm « Vị Hoàng-đế của các Thi-sĩ ».



Chủ đích của Baudelaire trên lãnh vực sáng tạo nghệ thuật là đi tìm cái Đẹp và cái Thực hoàn toàn đúng với bản thể của chúng. Ông thả tư tưởng vào mọi ngã của cuộc đời, cốt để tìm những ý nghĩa chính xác của nó mà phổ vào thơ. Thiên tài sáng tạo của con người can đảm ấy đã như một cánh chim thần, bay lên khỏi tất cả những cái tầm thường, hẹp hòi của thế nhân để tìm đến một cõi tự do cao đẹp. Trong khi có nhiều kẻ cãi nhau về mục đích của thi ca với những luận điệu hết sức hẹp hòi và thiển cận thì Baudelaire lại coi thơ như một phương tiện phổ quát, dùng để tìm cái cứu cánh của sự sinh tồn, để bước vào lãnh vực bao la, vô cùng

(1) Charles Pierre Baudelaire, sinh ngày 9-4-1821 tại Paris, là con ông François Baudelaire và bà Caroline Dufays. Ông chết ngày 31-8-1867 cũng ở Paris.

(2) Tác phẩm độc sắc hơn cả của Baudelaire là một tập văn vần độc nhất nhan đề *Les Fleurs du Mal* (Ác-Hoa); xuất bản lần đầu tiên vào tháng 6 năm 1857, tập thơ này gồm có 101 bài. Lần tái bản thứ hai, lên tới 127 bài. Sau khi ông mất, các bạn ông cho tái bản lần thứ ba, in thêm vào đó 25 bài nữa của ông.

Trong số các tác phẩm của Baudelaire, ngoài tập thơ trên, ta còn phải kể đến những cuốn sau đây :

- *Curiosités Esthétiques* (loại phê bình)
- *L'Art Romantique* (loại phê bình và khảo luận)
- *Petits Poèmes en Prose* (Thơ xuôi)
- *Journaux Intimes* (loại thư từ)
- *Les Paradis Artificiels* (loại có tính cách Triết học) v...v...

tận của tư tưởng, để trình bày bộ mặt thực của cuộc sống, dầu bộ mặt đó xấu xa hay tốt đẹp. Thơ của Baudelaire không chịu khuất phục dưới một quan điểm hẹp hòi nào hết ; nó không chú trọng tới việc xây dựng hoặc phá hoại, không vị nhân sinh cũng chẳng vị nghệ thuật theo lối phân loại thông thường mà người ta vẫn nói đến ; nó đã phát hiện từ một khối óc thêm khát Chân lý, đã biết rời bỏ những phạm vi nhỏ bé, nông cạn để bay vào cõi Vô Cùng của một thứ nghệ thuật toàn diện. Ta hãy nghe Baudelaire lên tiếng trong bài *Elevation* :

*Au dessus des étangs, au dessus des vallées,
Des montagnes, des bois, des nuages, des mers,
Par delà le soleil, par delà les éthers,
Par delà les confins des sphères étoilées,*

*Mon esprit, tu te meus avec agilité,
Et, comme un bon nageur qui se pâme dans l'onde
Tu sillonnes gaiement l'immensité profonde
Avec une indicible et mâle volupté.*

*Heureux celui qui peut d'une aile vigoureuse
S'élancer vers les champs lumineux et sereins !*

*Celui dont les penses, comme des alouettes,
Vers les cieux le matin prennent un libre essor,
— Qui plane sur la vie, et comprend sans effort
Le langage des fleurs et des choses muettes !*

(Tâm hồn ta ơi, người đã di chuyển tài tình, vượt khỏi những hồ ao thung lũng, núi non, rừng rú, mây trời và biển khơi để lời tận bên kia mặt trời, bên kia cõi thinh không, bên kia giới hạn những vũ trụ đầy ánh sao.

Và, như một nhà bơi lội tài giỏi ngậy ngất trong làn sóng biển, người vui vẻ mở lối trong cõi bao la sâu rộng với sự khoái lạc để mê không kể xiết.

... Sung sướng thay những người có thể dùng đôi cánh mạnh mẽ mà bay vào những cánh đồng thanh quang sản lạn !

Sung sướng thay những người thả cho tư tưởng tự do bay lên những giải trời buổi sớm giống như những cánh chim sơn ca — Tư tưởng họ lượn trên cuộc đời, và nó có thể hiểu tiếng nói của các loài hoa cùng những vật cảm lộng một cách không khó khăn !)

Hiểu được tiếng nói của loài hoa và những vật cảm lộng có nghĩa là hiểu được sự bí mật của vũ trụ ; còn đôi cánh mạnh mẽ có thể đưa người ta lên đến cõi tuyệt vời kia chính là Nghệ Thuật thuần túy, một thứ Nghệ Thuật có muôn ngàn màu sắc khác nhau. Nó có thể sáng sủa, rực rỡ, diễm ảo mà cũng có thể đen tối, âm u. Nó có thể tới tự bất cứ nơi nào, từ Thiên đường cũng như

từ Địa Ngục. Nghệ Thuật đó đánh đổ hết những chương ngại tâm thường, những công thức hẹp hòi của xã hội. Nó không cần phân biệt luân-lý hay vô luân-lý và có thể tự do khiến cho nhà Thơ biến thành con cháu của Thần minh hay của Ác quỷ. Sự mệnh của nó là giúp cho loài người khám phá cái chân lý của sự sống, cái thú ngây ngất của Rung cảm. Trong bài *Hymne à la Beauté*, Baudelaire viết :

*Que tu viennes du ciel ou de l'enfer, qu'importe,
O Beauté ! monstre énorme, effrayant, ingénu !
Si ton œil, ton souris, ton pied m'ouvrent la porte
D'un Infini que j'aime et n'ai jamais connu ?*

*De Satan ou de Dieu, qu'importe ? Ange ou Sirène,
Qu'importe, si tu rends, — fée aux yeux de velours,
Rythme, parfum, lueur, ô mon unique reine ! —
L'univers moins hideux et les instants moins lourds ?*

(Hỡi cái Đẹp ! Hỡi con quái vật kễch sù, khủng khiếp và thuần phác !
dầu người đến từ trời cao hay từ địa ngục, điều đó có hề chi; miễn sao con mắt, nụ cười và bàn chân của người mở ra cho ta chiếc cửa của sự vô cùng mà ta mãi yêu và chưa hề biết đến.)

Hỡi Nàng Tiên có cặp mắt nhung ! Hỡi nhịp điệu, hương thơm và ánh sáng ! Hỡi bà Hoàng độc nhất của lòng ta ! dầu em đến từ quý Sa lăng hay đến từ Thượng đế, dầu em là Thiên thần hay là Ngư nhân, điều đó có hề chi ; miễn sao em khiến cho vũ trụ bớt xấu xa và những thời khắc bớt nặng nề hơn)

Cái Đẹp đó, nàng Tiên có mắt nhung đó đã tượng trưng cho nghệ thuật vậy. Sở dĩ Baudelaire không đặt một giới hạn cố định nào cho việc sáng tác nghệ thuật vì ông quan niệm rằng một khi có vượt khỏi sự câu thúc của những quăng không gian và thời gian, vượt khỏi sự kiềm tỏa của các công thức xã hội, nghệ thuật mới có đủ mãnh lực làm thỏa mãn những khát vọng và đủ yếu tố nuôi dưỡng tư tưởng của loài người. Tại sao ? Phải chăng vì tư tưởng của loài người chứa đựng đầy mâu thuẫn còn những khát vọng của loài người vốn không đồng tính. Tâm hồn chúng ta không phải lúc nào cũng thanh cao cũng như không phải lúc nào cũng tội lỗi. Có khi ta ưa điều thiện, có khi lại muốn điều ác. Và đời chúng ta đâu có phải chỉ được dệt bằng toàn nỗi vui vẻ hay toàn sự buồn bã. Sáng nay ta than khóc vì sầu thương, nhưng buổi chiều có thể là ta vui cười vì sung sướng. Chung qui lại, Thiện và Ác không thể đứng lẻ loi cô độc, cũng như Khóc hay Cười đều cần thiết cho sự sống. Chúng tồn tại trong cuộc đời ta có khác gì nắng mưa tồn tại trong vũ trụ. Nắng đầy rồi mưa đầy. Có khi lại vừa nắng vừa mưa.

Từ chỗ định định về sự mâu thuẫn của tư tưởng và sự đa thể của khát vọng, Baudelaire suy ra sự đa-hình-trạng của nghệ thuật.

Ông muốn bảo chúng ta rằng vấn đề sáng tác thi ca, cũng như mọi hình thức nghệ thuật khác, không thể được đặt vào một khuôn khổ nào hết. Điều cốt yếu là người nghệ sĩ phải có thiện-ý hoàn toàn trong việc tìm cứu cánh của nghệ thuật, phải hết sức thành thật với lòng mình và có đủ trí thức tạo cho tác phẩm một sức truyền cảm càng mạnh càng hay.

Trong việc thi hành sứ mệnh cao cả của một thi sĩ, Baudelaire đã thành công rực rỡ và nguyên do sự thành công đó thật rất dễ hiểu: ông đã dùng một hình thức đúng mức truyền cảm (3) để giải bày những ý tưởng và cảm xúc hết sức thành thật của lòng ông. Cái hình thức đúng mức và sự thành thật đó đã được ông coi như hai yếu tố không có không được của việc sáng tạo thi ca. Riêng về sự thành thật, ta thấy Baudelaire đã biết tôn trọng nó hơn ai hết. Ông là người lúc nào cũng cúi xuống mà ngó vào tâm hồn mình để khám phá tất cả những điều u-ẩn, để tìm tòi cái giá trị vĩnh cửu của nó. Đối với ông, tâm hồn con người là một tiêu-vũ-trụ có thể phản ảnh được đại-vũ-trụ. Biết được lòng mình tức là tìm thấy cái ý nghĩa thâm trầm của sự sinh tồn và cái cứu cánh của đời sống. Cho nên, trong khi diễn tả, nghệ sĩ cần phải nói thật đúng những điều mà họ biết về lòng họ; nếu nói sai đi, cái chân giá trị của tác phẩm nghệ thuật tất nhiên phải sụp đổ vì nó không còn mang trong nó cái ý nghĩa chính xác của sự sống.

Trong khi sáng tác, Baudelaire ít khi bỏ quên ông. Như một tấm gương thần diệu, lòng ông đã phản chiếu lại lòng ông. Tấm gương đó như một vì sao sáng hay như một ngọn hải đăng chiếu đường cho con thuyền sáng tạo vượt biển khơi bát ngát, mờ mịt mà về tới bến vinh quang. Baudelaire ghét nhất những người có lối sáng tác hoàn toàn giả tạo, trái ngược với sự rung cảm chân thành của lòng họ. Ông coi họ như những tên thợ thợ vụng về, ngồi gò thơ một cách thiếu nỗ lực nhưng đầu gò đi gò lại mà những vần thơ của họ cũng chẳng cảm được ai hết. Tuy nhiên, sự thành thật của Baudelaire đã khiến cho nhiều nhà đạo đức phải cau mày, lên án ông là một nhà thơ vô luân lý. Qua lời thơ ông, cũng như qua tiểu sử của đời ông, người ta thấy cả linh hồn lẫn thể xác Baudelaire luôn luôn bị xâu xé vì dục vọng. Ông đã sống cuộc đời đầy giông tố của tình cảm. Ông mê say đàn bà một cách gần như điên dại trong nhiều cuộc tình duyên bất chính. Lúc nào ông cũng cần có những kích thích mạnh để giúp ông quên cái sầu của một nghệ sĩ đầy đam mê. Biết rằng sa xuống hố truy lạc là điều mà xã hội chỉ trích nhưng ông không cưỡng nổi hoặc có khi không cần cưỡng lại sự sa ngã đó. Đôi khi, ông đã biết tỏ ra hối hận

(3) Chúng tôi sẽ dành một chương để trình bày về Nghệ thuật diễn tả của Baudelaire.

vi những hành động của mình. Nhưng sự hối hận đó hình như không gây được phản ứng; nó chỉ là một vài vốc nước nhỏ bé đổ vào đồng lửa tội lỗi đang bùng cháy một cách mãnh liệt.

Ấy thế mà Baudelaire đã không ngần ngại kể hết những sự sa đọa của đời ông trong thơ. Ông kể với một giọng thẳng thắn tự nhiên, không chút ngập ngừng e lệ, vì ông quan niệm rằng loài người vốn chỉ là một vật yếu hèn, tham lam, ích kỷ mà lại thường hay có thái độ giả đạo đức. Đa số con người chỉ là cái mồi ngon của tội lỗi, là cái bung xung của quỷ Sa-tăng. Mỗi ngày người ta lại bước thêm một chút xuống Địa ngục; vừa đi vừa khóc nhưng khóc mà vẫn đi vì những giọt lệ bất lực, không sao gội rửa được những sự nhơ nhuốc của tâm hồn. Trong bài *Au Lecteur* ở đầu cuốn *Fleurs du Mal*, Baudelaire viết:

*La sottise, l'erreur, le péché, la lésine
Occupent nos esprits et travaillent nos corps,
Et nous alimentons nos aimables remords,
Comme les mendiants nourrissent leur vermine.*

*Nos péchés sont lésés, nos repentirs sont lâches;
Nous nous faisons payer grossement nos aveux,
Et nous rentrons galement dans le chemise bourbeux.
Croyant par de vils pleurs laver toutes nos taches.*

*C'est le Diable qui tient les fils qui nous remuent!
Aux objets répugnants nous trouvons des appas;
Chaque jour vers l'Enfer nous descendons d'un pas,
Sans horreur, à travers des ténèbres qui puent.*

(Sự điên cuồng, lầm lạc, tội lỗi, biển lận xâm chiếm tâm hồn ta và hành hạ thể xác ta. Mỗi ngày chúng ta nuôi lớn thêm những sự hối hận đáng yêu như một lũ ăn mày nuôi nấng ròi bọ trong người).

Tội lỗi thì bường bình còn sự hối hận lại hèn nhát. Chúng ta đã phải trả giá thật đắt để có thể thú nhận tội lỗi nhưng rồi lại vui vẻ quay trở về con đường lầy, tưởng có thể dùng những giọt lệ bất lực mà rửa sạch mọi sự nhơ nhuốc.

Chính Quỷ sứ đã giật dây chúng ta. Chúng ta tìm thấy mồi ngon trong những vật dơ bẩn. Mỗi ngày ta tiến thêm một bước xuống Địa ngục, qua những bóng tối thối tha mà chẳng hải hừng)

Hối hận càng ngày càng nhiều vì tội lỗi càng ngày càng chững chắt. Không phải lũ quỷ sứ chỉ giật dây cho chúng ta nhảy múa, quay cuồng mà thôi, chúng còn xâm chiếm linh hồn ta. Trợ lực chúng lại có cả một bầy thú vật độc ác, hung dữ tượng trưng cho những thói xấu: nào là rắn, rết, bọ cạp, diều hâu, hổ, báo... chúng gào thét, rên rỉ, giãy dụa, cắn xé, cào dọc, vả ngang để làm loạn bất cứ lúc nào. Lòng ta là một cái chuông bản thiêu, xiêu vẹo, dễ gãy, xác xơ (*Au Lecteur*).

Các câu thơ mê cuồng năm đây đây trong thi phẩm *Flours du Mal*. Chúng đã diễn tả lại những tình cảm hoang hốt bất loạn, vẽ ra những hình ảnh ngược ngược, nói lên những lời táo bạo khiến cho như luôn lý phát đồ mật, kẻ muốn sống hiền lương phải giết mình, uxor ngác. Baudelaire dường như cũng đã đoán trước được cái phản ứng mãnh liệt của một số người nghiêm khắc hoặc tuấn cậu khi họ đọc thơ ông nhưng ông vẫn cứ làm theo ý ông, vẫn giữ cái cốt cách của một nghệ sĩ can đảm, lúc nào cũng thấy cần phải thành thật với chính mình; ông đã tỏ vẻ hơi kiêu hãnh — nhưng thành thật — khi lên tiếng yêu cầu những kẻ ưa sống hiền lương, đừng đi đứng đọc thơ ông. Ông cho rằng, muốn thưởng thức nó, người đọc của phải là kẻ biết đi tìm bộ mặt sự sống ngay cả trong những vực thẳm đen tối của cuộc đời. Ta hãy nghe lời nhắn nhủ của ông trong bài *Épigramme pour un livre comblant* :

*Lecteur paisible et bucolique,
Sobre naïf homme de bien,
Jette ce livre saturnien,
Orgiaque et mélancolique.*

*Si tu n'as fait la rhétorique
Chez Satan, le rusé doyen,
Jette ! tu n'y comprendras rien,
Ou tu me croistras hystérique.*

*Mais si, sans se laisser charmer,
Ton œil sait plonger dans les gouffres,
Lis-moi, pour apprendre à m'aimer . . .*

(Hỡi người bạn đọc có tâm hồn bình dị, thật thà chất phác, thuần hậu, bạn là kẻ hiền lương, xin hãy vứt cuốn thư thô kệch đầy những ý tưởng ham hố và buồn rầu này đi. Nếu bạn không học theo những tư tưởng của bậc đàn anh đây nhưu kẻ là quý Sa tăng xin bạn hãy vứt nó đi, vì bạn sẽ không hiểu gì hết hoặc có lẽ sẽ cho tôi là một kẻ thần kinh rối loạn.

Nhưng nếu một bạn biết vọng xuống những vực thẳm mà không dể cho mình bị mê hoặc, bạn hãy đọc thư tôi để học cách yêu mến tôi...)

Học cách yêu mến ông tức là tìm hiểu tâm trạng ông, tâm trạng của một người thường dùng tội lỗi để làm đề tài cho thơ. Hành động đó của Baudelaire không phải chỉ do ở sự yếu đuối, đam mê của nghệ sĩ mà thôi, nó còn có một nguyên nhân khác : đó là cái thái độ mà Baudelaire muốn cho nó có (*attitude voulue*). Tuy có lúc ông hối hận vì cuộc sống tội lỗi đấy, nhưng ngay cả trong lúc hối hận ông vẫn chủ trương rằng trong cuộc đời nghệ sĩ, tội lỗi không phải là không cần thiết. Ông vừa ghét nó vừa yêu nó ; và ghét nó bao nhiêu thì ông lại yêu nó bấy nhiêu.

Sở dĩ trong tâm hồn Baudelaire có một tình trạng mâu thuẫn như vậy vì ông muốn thi hành đúng sứ mệnh cao cả của nghệ sĩ là khám phá để sáng tạo: ông muốn khám phá sự thực trong những cái mà người đời cho là xấu xa như bản.

Do đó, Baudelaire thường yêu bất kể ai. Người yêu của ông có khi là một con đĩ đầu bù tóc rối, da dẻ nhợt nhạt vì trác táng và bệnh hoạn, có khi là một bà góa phụ vùng trán để nhìn nhều vì thời gian. Có lúc ông còn ca tụng cả những đứa con gái ăn mày, vì dưới mắt ông, chúng có những vẻ đẹp và quyến rũ riêng. Cái đẹp cứ gì phải tìm trên những đôi môi hồng chín mọng hay trên những làn da trắng trẻo mịn màng. Nó có thể nằm cả trong những cái mà người ta ghê tởm nữa chứ. Những cặp mắt đỏ ngầu, những làn da đen đù, sần sùi, những cánh tay khẳng khiu, những làn môi tái nhợt kia đâu chỉ phải là những cái xấu xa. Đối với nghệ sĩ, nó có cái vẻ đẹp riêng mà thế nhân không thể thấy một cách trực tiếp mà chỉ có thể thấy gián tiếp qua các tác phẩm của nghệ sĩ mà thôi. Có một dạo người ta thấy Baudelaire điếm rất sang, chông « con » đi tìm cảm hứng tại các vùng ngoại ô Paris. Ông đến với những cô gái tầng tốt bệnh hoạn. Ông ngồi bên họ, tâm sự với họ, âu yếm vuốt ve họ và cố tìm trong cái « bất hạnh » của họ những nguồn hứng cảm. Ta hãy nghe ông tả một cô gái Do Thái vừa ở nhà thương ra, tóc đã rụng hết vì bệnh hoạn và bộ ngực gầy gò thường căng lên một cách tội nghiệp vì những cơn ho :

*Vice beaucoup plus grave, elle porte perruque,
Tous ses beaux cheveux noirs ont fui sa blanche nuque :
Ce qui n'empêche pas les balseurs amoureux
De pleuvrer sur son front plus pelé qu'un lépreux.*

*Elle n'a que vingt ans ; la gorge déjà basse
Pend de chaque côté comme une calabasse
Et pourtant, me traînant chaque nuit sur son corps
Ainsi qu'un nouveau-né, je la tette et la mords*

*Et, bien qu'elle n'ait pas souvent même une obole
Pour se frotter la chair et pour s'oindre l'épaule,
Je la lèche en silence...*

*La pauvre créature, au plaisir essoufflée,
A de rauques hoquets la poitrine gonflée
Et je devine, au bruit de son souffle brutal,
Qu'elle a souvent mordu le pain de l'hôpital. (5)*

(5) Baudelaire viết bài thơ này hồi ông còn trẻ và cho đăng trong báo *La Jeune France*. Eugène Crépet đã trích bài đó vào tập *Baudelaire et Aristote* và Jean Paul Sartre trích lại vào tập *Baudelaire* của ông do nhà Gallimard ấn hành. Chúng tôi trích lại của Sartre. Vì một lý do nghệ thuật, chúng tôi không dịch bài này ra tiếng Việt.

Rút cục lại Baudelaire đã ca tụng cả cái xấu lẫn cái đẹp (xấu và đẹp theo nghĩa thông thường của người đời). Ông quan niệm rằng dầu đối tượng xấu hay đẹp, một khi được đặt vào nghệ phẩm, nó có thể có một mãnh lực gây rung động ngang nhau : Vì quan niệm như vậy, nên Baudelaire thường không muốn rằng sự sáng tác của nghệ sĩ chỉ vì những ý niệm luân lý công thức mà hư hỏng. Đối với ông, muốn sáng tác theo đúng nghĩa danh từ sáng tác, nghệ sĩ nhiều lúc phải biết tạm quên luân lý đi. Tạm quên nó thôi, vì, tuy nhiên, luân lý có thể lại là nguồn cảm của nghệ sĩ, tùy theo tâm hồn mỗi người, hoặc tùy theo trạng thái thay đổi của mỗi tâm hồn. Nếu Tội lỗi là một nguồn thơ thì Đạo đức cũng có thể là nguồn hứng cảm của nghệ sĩ chứ sao. Ngoài giới hạn truyền cảm, nghệ thuật không thể bị hạn định bằng một nguyên nhân nào khác hết.

Do đấy, đôi khi Baudelaire còn đã biết hướng lòng ông về với Thượng đế. Ông cho rằng con người còn có một yếu tố duy nhất để tự chuộc tội : Đó là sự đau khổ mà Thiên Chúa ban cho họ. Chúa thương tất cả thế nhân và đặc biệt thương những kẻ tội lỗi. Ngài há đã chẳng dạy loài người hãy yêu cả những kẻ thù nghịch của họ đó hay sao. Sự đau khổ ở đời thật là liều thuốc linh nghiệm mà Chúa ban cho nhưng đưa con hư hỏng. Tuy làm bạn với quỷ Sa-tăng, nhưng có lúc ông đã biết vọng lên trời cao mà khen ngợi Đấng Nhân từ. Những lúc đó lời lẽ của ông cũng rất thiết tha :

*Soyez béni, Mon Dieu, qui donnez la souffrance
Comme un divin remède à nos impuretés
Et comme la meilleure et la plus pure essence
Qui prépare les forts aux saintes voluptés !
Je sais que vous gardez une place au Poète
Dans les rangs bienheureux des Saintes Légions...*

(Bénédiction, F.D.M.)

(Lạy Chúa, xin cảm tạ Ngài vì Ngài đã ban sự đau khổ cho chúng tôi để dùng làm liều thuốc thần diệu chữa khỏi mọi sự xấu xa như nhuốc. Đó là chất tinh túy tốt đẹp, trong sạch nhất sửa soạn cho chúng tôi đủ mạnh mẽ mà hưởng sự khoái lạc lành thánh.

(Tôi biết là Ngài đã dành cho thi sĩ một chỗ ngồi giữa hàng các bậc thánh thiện đầy ơn phước trên thiên cung.)

Nếu con quỷ đã nắm mỗi giây kéo ông vào tội ác thì thần minh cũng có thể cầm lấy tay ông mà dắt ông vào cõi thanh cao. Baudelaire cho rằng cũng như tư tưởng ông tư tưởng loài người có hai hướng : một hướng thiên về sức mạnh của tội lỗi (Satanisme) còn một hướng thiên về sức mạnh của sự thiện (Spiritualisme). Chúng là hai động lực tiến về hai ngã ngược chiều nhau, một ngã đi xuống (transdescendance) và một

ngã đi lên (transascendance). Chúng đã dang co nhau để khiến cho con người nằm đúng giới hạn của con người, nghĩa là không phải thần minh cũng không phải súc vật.

Tuy nhiên, trong Baudelaire, cái sức mạnh của hương thứ nhất (tội lỗi) thường ở trạng thái hiển hiện còn sức mạnh của hương thứ hai (đạo đức) lại thường ở trạng thái tiềm tàng. Do đó, đọc thơ ông người ta có cảm tưởng như đối với ông, sức hút của hương thứ nhất đã lấn át sức hút của hương thứ hai.



Charles Baudelaire vốn là một con người đau khổ. Cuộc đời ông có đầy những điều ngang trái khiến ông luôn luôn cảm thấy bất mãn cả về tinh thần lẫn vật chất. Cha ông chết vào năm 1827, lúc ông mới chưa đầy 7 tuổi và đến năm sau, mẹ ông tái giá với một vị sĩ quan tên là Aupick. Sống dưới quyền của dượng mình, cậu bé Charles cảm thấy tủi hổ và cô độc. Tinh phụ tử của cậu không còn nữa trong khi tinh mẫu tử dần phai nhạt đi.

Năm 21 tuổi, mối liên lạc của ông với gia đình nhất là với bố dượng hầu như bị cắt đứt. Vì mãi mê đuổi theo nghệ thuật và có lối sống hoàn toàn phóng khoáng của một nghệ sĩ, ông bị gia đình coi như một đứa con hư hỏng. Để quên nỗi phiền muộn, ông đi tìm nguồn an ủi trong những chất ma túy và trong tình ái. Nhưng hồi ơi, những chất ma túy chỉ khiến cho thần kinh ông càng ngày càng mệt mỏi, rối loạn, và ái tình đã giống như một Ác thần luôn luôn giơ cao ngọn roi của đục vọng mà vút mạnh vào ông. Trong khi nhiều thi sĩ khác ca ngợi ái tình, cho nó là nguồn an ủi của cuộc đời thì ông thấy nó giống như một chiếc giường đẹp đẽ nhưng có đầy kim nhọn, hoặc như một cảnh chiến trường man rợ trong đó hai kẻ « yêu » nhau đã lăn xả vào mà đánh đập nhau dữ dội. Giữa cảnh « ái ân », người ta chỉ nghe thấy tiếng khí giới va chạm nhau, chỉ nhìn thấy những lưỡi thép sắc nhuộm đầy máu loang loáng vung lên. Khi khí giới của hai bên đều gãy, họ liền tay không vờ lấy nhau mà cần xé, mà cào cào bằng răng nhọn, bằng móng sắc. Rút cục lại, cả hai bên đều bị tử thương rồi đè ôm nhau lăn xuống vực thẳm của cuộc đời mà không thêm hối hận. (*Duellum*, F.D.M.) (6)

Như tôi đã viết, Baudelaire có rất nhiều cuộc tình duyên bất chánh. Vốn là kẻ cô độc và khao khát tình thương nên ông yêu bất kể ai. Người đàn bà mà ông yêu nhất trong đời và thường tìm thấy ở nàng những cảm hứng đặc biệt để làm thơ là Jeanne Duval, một cô gái đa

(6) F.D.M. *Les Fleurs du Mal*.

đến lại Pháp, không có gia đình, sống cuộc đời phóng đãng tại Paris. Vốn là hai kẻ « lạc loài » trong xã hội, họ vừa gặp nhau đã cảm thấy cần phải có nhau. Baudelaire yêu nàng say đắm và nhiều khi rất cay cực vì nàng. Jeanne vốn là một người đàn bà đầy đam mê, đầy thú tính. Nàng đòi hỏi người yêu rất nhiều về vật chất, nàng muốn được tiêu xài hoang phí trong khi đức lang quân chỉ là một anh thi sĩ kiết xác kiết xơ. Tuy cũng yêu Baudelaire nhưng Jeanne vẫn có thể phẫn bội chàng một cách dễ dàng. Có gì lạ đâu, nàng vốn là một người hư hỏng và dâm đãng. Những nguyên nhân khác khiến cho Baudelaire đau khổ là bệnh tật và nghèo túng. Khi mới ra chào đời, chàng đã là một đứa bé yếu ớt hay ốm đau, quặt quẹo. Nguyên nhân của sự yếu ớt này một phần đã do ảnh hưởng cuộc tình duyên so le của bố mẹ. Vào năm họ lấy nhau, mẹ chàng mới có 26 tuổi còn cha chàng đã 60 tuổi và đã có một đời vợ trước. 60 tuổi ! Cái tuổi của kẻ đã gần đất xa trời, của kẻ mà khí huyết phương cương không còn nữa.

Bẩm sinh vốn yếu ớt mà sau này lớn lên, Baudelaire lại lấn mình vào cuộc sống trác táng. Sức khỏe cứ suy dần, bệnh hoạn mỗi ngày một nhiều mà tiền không có. Baudelaire phải trông nhờ vào sự trợ cấp của gia đình nhưng số trợ cấp đó có nhiều nhận là bao. Dượng chàng vốn coi chàng như một người hư hỏng nên ông nghĩ rằng: « để nó khổ sở, thiếu thốn cho nó biết thân mà tu tỉnh lại ». Thiếu tiền chi dụng cho biết bao nhu cầu cấp thiết hàng ngày như vậy, Baudelaire lại chạy đến cầu cứu các nhà xuất bản. Buồn một điều là lúc bấy giờ thơ văn của chàng chưa được độc giả chuộng như về sau này khi chàng đã chết đi, nên các nhà xuất bản cũng không « mặn mà » với chàng. Tác phẩm của chàng thường chỉ được họ trả bằng giá rẻ mạt. Thân hoặc có nhà cho chàng vay trước ít tiền, nhưng mỗi ngày họ cho người đến năm lần bày lượt thúc dục chàng viết theo lối kéo cây đề trả nợ.

Sống giữa những cảnh ngang trái, xót xa như vậy nên Baudelaire hình như lúc nào cũng ghê sợ hiện tại. Ông tự cảm thấy như một chiến sĩ bị thương bị người ta quên lãng đang nằm quằn quại rên la búa hồ máu tanh nồng của hiện tại. Tiếng kêu thê thảm nhưng yếu ớt như một tiếng chuông nứt rạn đang rên rỉ giữa một đêm đông đen tối và lạnh giá (*La cloche fêlée*, F.D.M). Những bài thơ diễn tả hiện tại của ông nhiều khi có giọng vô cùng thê lương ảo não khiến cho người đọc uể oải chán chường dường như muốn khóc theo ông. Hãy lắng mà nghe lời ông than thở vào những lúc mà đất trời mờ mịt trong cảnh mưa bay gió lạnh hoặc đắm chìm trong những đêm đen tối, những buổi hoàng hôn vàng vọt, tàn úa giống như cảnh sắc trong cõi tha ma. Cảnh đã buồn mà chuyện lòng lại buồn hơn nữa. Chúng đã phù hợp, quán quít lấy nhau như bóng

vời hình. Khi mùa thu tới là khi mà tâm hồn ông đau đớn nhất. Lúc ấy trái tim ông giống như một vầng mặt trời đỏ loè nhưng giá lạnh của một miền cực địa cầu tiêu sái, điu hiu. Ông vừa thả nỗi lòng chết chóc vào cảnh vật tê tái vừa nhớ lại những kỷ niệm êm ái, rực rỡ của dĩ vãng. Thế rồi cả tâm hồn ông đột nhiên biến thành nơi trú ngụ của bao nỗi đau đớn đến tức giận, đến sợ hãi, đến điên cuồng (*Chant d'Automne*).

Tuy nhiên, khi mùa Xuân tới, khi cảnh vật chung quanh hồi sinh lại, lòng ông cũng vẫn thấy u uất, hờn tủi. Ông ghét ánh mặt trời rực rỡ vì tưởng như nó muốn chế nhạo cuộc đời đơn độc, tăm tối của ông; ông đi trên đám cỏ xanh mà ngỡ như mình đang lạc loài giữa vạn vật; và nhà thơ của chúng ta đã phũ phàng dơ cao tay mà đập xuống những cánh hoa tươi để trừng phạt sự « hỗn xược » của chúng (*A celle qui est trop gale, F.D.M*).

(kì sau sẽ tiếp)

LÊ HUY OANH

PHƯƠNG 2

Anh yêu em không ngủ đêm nay
Từ có em
người đàn bà một đêm trở nên vô nghĩa
Hành động của yêu
qua không gian
tiếp nối thời gian
như hơi thở có ngưng không bao giờ dứt
của phút sống ngập đầy
ý nghĩa lựa đời tìm thấy
khi em không còn trong tay

Anh đã yêu cùng cực
đến không còn em
sống với màu xanh quá khừ
sương sớm nắng chiều
bóng hoa nở giữa hai ngành héo buổi em đi
hơi thở nghẹn ngào
mi khép ứa giòng nước mắt
Anh ôm thật chặt khoảng trống căn nhà hoang
như thấy em cả đời trọn vẹn
nửa đêm nào thức giấc

Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có bốn mắt nhìn nhau một chiều súng đạn
em có nhớ ra anh
anh có nhớ ra em
đường nắng không bóng dĩa
một ngã ba hoang vắng
Anh chẳng bao giờ có em
chỉ có một đêm chớm lạnh
mưa trên sông
Nghe tiếng thở dài của kẻ chung đời
cùng tiếng thở dài của người có độc

Anh chẳng có em nụ cười
chỉ có em nước mắt

Anh muốn giết em để đừng thấy lệ em rơi
 để đừng bao giờ em bỏ đi
 đừng bao giờ em tìm tới
 Tiếng em kêu thất thanh đêm nào
 anh nghe chính lời anh hấp hối

Tại sao anh yêu em
 Tại sao em yêu anh
 Tình yêu rất hiếm một con đường xanh
 rất nhiều những con đường lộn
 Em có nhớ những chiều ngoại ô
 buổi sáng ngồi xe thồ mộ
 tiệm nước bên giầy quan tài
 hàng cây trong nghĩa địa
 Anh nhớ em gục vào vai anh ướt
 nước mắt mặn của môi
 chua chua miếng thơm em đem qua nhà giữa trưa
 rất nắng

Có một hôm anh khen em đẹp
 người ta sung sướng nép đầu vào ngực tôi

Em ơi em ơi em ơi em ơi
 anh yêu em không thể nào ngủ được

TRẦN LÊ NGUYỄN

CÓ LIÊU

Hết tiền đi lang thang
 Chiều chủ nhật trời mưa
 Mái hiên và hè phố,
 Con chim nhỏ bơ vơ

Chiếc tàu sấu cập bến
 Bâng khuâng chiều xir lả
 Người thủy thủ cúi đầu
 Bờ sông không người qua

Dưới mái hiên tình cờ
 Mắt ai buồn có quạnh

Bữa cơm chiều ngóng đợi
Trời mưa, trời mưa nhanh

Cuộc đời, ôi bóng tối
Bụi chiều đèn thành phố
Người đi và tôi đi
Chia ly không chờ đợi

Con đường nhỏ bùn lầy
Chiếc cầu gỗ lung lay
Bước trở về đau khổ
Nhịn đói chờ ngày mai

VƯƠNG TÂN

SÁN KHÁU

Một ngày chia tay không khóc
Lên lời những vì sao
Đám tang đi trong đêm nhịp lá
Ngõ mòn hoa dại ướt mắt cười
Băng qua thành phố đèn màu
Nhạc hối hả trăm ngàn vũ điệu
Mãi xa xa những vì sao.

Màn buông rũ rượi mở tóc
Giọng hát tắt rồi
Người nằm giữa hậu trường
Đỏ máu máu
Ai mang lời một vòng hoa
Thoáng hương mùa xuân
Những ngón tay hội họa
Quàng lên cổ
Khép mắt đã nhìn thấy nắm mồ.

Bên vĩ tuyến ngập oán hờn
Cửa trại giam vàng chuông tù tắt nghẹn
Trao gửi tâm tư
Đau đớn linh hồn giữa hình hài không xiềng xích
Tự do ôi tự do

Đẹp giấc mộng người thơ
 Sống trọn vẹn thâm kịch
 Căn nhà cháy khách sạn dưỡng đường
 Tập bản thảo run trên tay
 Vĩnh biệt
 Em ơi em ơi
 (Tiếng tay vỗ gào như sóng)

TRẦN THANH HIỆP

HƯƠNG GIANG DẠ NGUYỆT

Áo mờ sương bạc gieo mơ mộng
 Lấp lánh giồng xanh gậy nhớ nhung
 Im lìm mặt nước không xao động
 Mơ màng sóng rộng trái mộng lung

Trăng buồn soi nước như rơi lệ
 Hương khói mơ màng vắng thở than
 Ai đầy thuyền ta lên mãi thế
 Cho hồn phiêu lạc giữa không gian

Tiếng chuông muôn thuở hồn Vũ Trụ
 Thoảng gọi trần gian đêm đã khuya
 Cảnh vật lắng chìm trong giấc ngủ
 Riêng còn thao thức ánh sao khuya

Áo mỏng thân tiên trăng phủ xuống
 Rèm tơ huyền diệu lớp sương mơ
 Bức màn thực tại ai vừa cuốn
 Hiện hiện mơ hồ giảng ý thơ

Ai đầy giọng hò lên xir nguyệt
 Nghe chừng vương vãi lối không trung
 Lung linh ánh sáng làm bất tuyệt
 Ta ôm ảo mộng nhập vô cùng.

QUÁCH THOẠI

ĐỊNH MỆNH VĂN HỌC

LỮ HỒ

TRONG một bài khảo luận về phê bình, Hemingway đã than thở: « Trong tôi, có một nhà văn và một nhà phê bình luôn luôn gáy gờ nhau, tôi mệt quá ». Lời nói tha thiết trên chứng tỏ sự áp bức của lý trí đối với nguồn cảm hứng của tác giả. Một nhà văn, khi cầm bút, thường bị xâu xé bởi những lý luận khắt khe do ý-thức-hệ cấu thành. Một điều đau khổ mà không một nhà văn nào đã có ý thức mà lại muốn bỏ qua. Đó là những đau khổ thiết yếu. Một tác phẩm hình thành bao giờ cũng là kết quả của một quá trình dang co giữa lý trí và tình cảm. Nhà phê bình Trung hoa Hồ hoai Thâm đã viết trong : « Trung Quốc Văn Học Sử Khái Yếu (trang 2). »... Những tình cảm chất chứa trong lòng người, sau lúc đã theo phương pháp Nghệ-Thuật-Hóa, hay là phương pháp Tự-Nhiên-Hóa mà biểu hiện ra tức là Văn học.

1.) Thực Chất văn học là tình cảm. Nhưng tình cảm chỉ ở trong lòng, người ta không có thể nghe thấy được ? Phải biểu hiện ra thành hình, thành tiếng, thì mới gọi là một tác phẩm.

2.) Muốn phát biểu tình cảm ; cần phải có Khi-Cụ và Phương-Pháp. Khi cụ của văn học bất tất phải là văn tự. Ví như : văn thơ ; câu ca, ngâm đầu miệng thì không phải dùng văn tự. Thi ca có thể nói là dùng tiếng nói, kịch hát có thể nói là cần tiếng nói và động tác. Khi đã có khi cụ để ứng dụng, sự phát biểu tình cảm cũng không phải muốn nói gì thì nói, viết thế nào thì viết, là có thể thành tác phẩm văn học. Vậy nên xét đến vấn đề Phương-Pháp nữa.

3.) Có hai phương tiện để phát biểu tình cảm. Một là nghệ thuật hóa, nghĩa là tác phẩm đã trải qua công trình trang sức (của tác-giả). Hai là tự nhiên hóa, nghĩa là câu thơ thuần theo tự nhiên, không thể mượn sức trang điểm của người mà đi tới cõi tuyệt diệu, đồng hóa với cái khéo tự nhiên (Thơ tự do).

4.) Cái uẩn súc trong lòng ta hãy gọi là thực chất. Sự trạng phát biểu ra ngoài gọi là hình thức... Nhưng thực chất của văn học cũng không phải nhất định là tình cảm. Có lúc nhà văn cũng xen vào trong tác phẩm cả tưởng tượng của mình hoặc của sự vật ngoại giới nữa. Tuy vậy mặc dầu, thế nào cũng phải có ít nhiều tình cảm. Nếu không có chút ít tình cảm thì không còn phải là Văn nữa. »

Xem đó thì sự hình thành cảm hứng từ tình cảm sang tác phẩm, lý trí đã ngăn đón, thúc bách nguồn cảm hứng của tác giả không ít. Cho

tới khi ra đời thì tác phẩm lại chịu chính đốn một lần thứ hai nữa. Đó là Phê Bình, tức vấn đề Phương pháp, tức là sự cố gắng của các nhà phê bình để tạo ra những quy luật chặt chẽ cho văn học, gò theo kiến thức chủ quan, theo thời trang mà lập nên những chiếc khung cứng rắn, lồng cả mọi tác phẩm vào những Định Mệnh Văn Học.

Văn học có định mệnh hay không ? Trả lời ngay : Không bao giờ có. Nếu có chẳng nữa thì cũng chỉ là sức cố gắng say sưa của các học giả có lập trường mà thôi.

Ở nước ta, phê bình thường có nghĩa đơn phương là Chỉ trích hay Ca tụng có chủ trương. Mặc dù văn học quốc ngữ xuất hiện đã lâu, ảnh hưởng của văn chương duy lý cũng khá sâu đậm và cũng đã có những nhà văn, những nhà chính trị, những nhà giáo nhẩy ra đóng vai Ngự Sử trên văn đàn. Tiếng nói của họ cũng đã nhiều phen đánh lạc cảm quan của thực giả. Người này theo lý luận của Brunetiere, người kia theo phương pháp 3W của người Anh, người nọ lấy một chút H. Taine pha thêm tí duy vật của Plékhanof, rồi đứng trên những nguyên tắc « nhập cảng » đó mà phê phán văn tài, kiểm thảo tổ tiên một cách vũ đoán, vôi vàng. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề đặt duyệt qua đoạn đường dài hơn 50 năm của các tác phẩm quốc ngữ để xem nó đã được các phê-bình-gia của ta quét dọn ra sao và luôn đó đề cập tới một phương pháp phê bình độc đoán mà hiện nay vẫn còn có kẻ si mê : đó là lối làm việc của nhà phê bình duy vật Nguyễn bách Khoa.



Không như ở Pháp, mỗi văn phái ra đời là có ngay những Định Luật phê bình để đánh ngã văn-phái cũ và tuyên dương bảo vệ cho văn phái mình. Từ Sainte Beuve qua Villemain tới Taine về Brunetiere, Hennequin, Bourget v.v... Các phê bình gia đã cố tạo tác cho mình một chiếc khung để giảng giải văn phẩm. Trái lại ở nước ta, từ xưa vốn « Văn Dĩ Tài Đạo », cho tới khi văn phái, khuynh hướng Thái tây đặt ủa vào thi đường lối phê bình cũng theo đó mà dựng lên một lúc. Không khí huyền ảo thật đáng mừng nhưng thực trạng bất nhất không đủ làm cho ta tin tưởng.

Trước tiên xin hãy nói tới những kẻ tiên phong, những người có nhiều thiện chí lẫn át dụng tâm. Họ phê bình là vì tha thiết với văn quốc ngữ, với nền văn nghệ phôi thai mà có lẽ họ biết là quá non, chưa dùng được việc gì !

Xin hãy nhắc đến Phạm Quỳnh, người đầu tiên làm cái công việc phê bình theo lối Tây. Tuyên ngôn : « ... Cái nghĩa vụ làm văn ở nước ta bây giờ rất là trọng. Ta là bọn phá đường mở lối, là quân tiên phong của đội binh những nhà văn về sau này, ta đi vào đường nào thì người sau tất

cũng theo ta vào đường ấy. Như thế thì ta há không chọn đường cho cần thận ư? Các cụ ta ngày xưa, học vấn tư tưởng đều bằng chữ nho cả, phàm điều gì cần trọng đều đem gửi vào chữ nho cả. Cụ nào có tài ngoại hay nôm thì lấy văn nôm mà diễn những sự nực cười.. Đ.D.T.C.—trang 711 số 121» Hồ hào không phải là phê bình, điều đó chỉ để cho đám đông mà không nhắm vào một tác giả hay tác phẩm. Ông chỉ muốn nâng cao giá trị văn Quốc ngữ lên ngang với văn Hán ngày trước. Lý luận lại rất Luân lý cho nên ông đã phê Tân Đà như sau : « ... Tôi phục ông Hiếu là người làm văn có tài. Gãy cái đàn độc huyền tiếng nôm ta mà khéo nên được làm giọng... » và phát biểu ý kiến về tác phẩm « ... Vậy nên tạm bỏ con mắt nhà bình phẩm lấy cái tình cảm người bạn mà xét thân thể ông trong giấc mộng, thực có lắm nỗi đáng thương mà đáng yêu ». Phê bình theo lối thương hại như thế thì sáng tỏ sao được chứ? Lăn lộn tình cảm vào phương pháp, Phạm Quỳnh luôn luôn ca tụng các tác phẩm của Beaudelaire, Pierre Loti, Anatole France, Guy de Maupassant... với cái lối phê bình sùng mộ Thái tây cổ hữu của ông.

Sang đến Phê bình và Cáo luận của Thiếu Sơn (1933) vẫn chưa có gì lạ. Tới Trương Chính trong « Dưới Mắt Tôi » phê bình 25 tác phẩm tiểu thuyết của 13 tác giả Việt nam, ông đã theo phương pháp 3W của người Anh (What ? Why ? How ?) nên đã sáng sửa hơn mấy vị trước nhưng lại đã thoảng màu độc đoán. Khi hỏi Cái gì ? Tại sao ? Thế nào ? nhà phê bình thường chú trọng vào lối phân tích tâm lý nhân vật và cứ thắc mắc, đòi hỏi nhân vật trong truyện phải nghĩ, nói, làm, thế này mới đúng, thế kia mới phải, không phải theo tác phẩm, theo tác giả mà lại theo ý riêng của mình. Ta không lạ lòng khi thấy Trương Chính chỉ chộ ta thấy cái Vô Lý của tác phẩm (l) của nhân vật một cách rất chủ quan. Chẳng hạn như ông bắt mẫn khi Nhất Linh để cho cô Loan giết Thân trong Đoạn-Tuyệt, lý luận của ông rất đơn sơ là : đồ máu không phải là một việc có Mỹ Thuật.

Tuy nhiên lối phê bình này cũng chưa làm ai kính nể. Các nhà văn vẫn làm theo con đường của mình không một bản khoản. Và chẳng cái thế của Trương Chính là độc lập, ông chỉ theo phương pháp mà lại không ở trong một nhóm nào, trong một phái nào.

Năm 1941 Vũ ngọc Phan dựa vào phương pháp của Brunetiere thủ vai quân-trò giới thiệu một lúc hơn 70 nhà văn hiện đại sau khi tóm tắt những điều cốt yếu trong những tác phẩm đã xuất bản. Với vai trò khách quan (l) ông «...hoan nghênh cái lý thuyết phê bình của Brunetiere về luật tiến hóa... phê bình tức là dẫn đường cho độc giả, tức là vạch chỗ hay chỗ dở của tác giả, nghĩa là chỉ cho tác giả con đường nên theo ». Quan niệm này quá suy tôn cá nhân. Nhà phê bình muốn đặt mình lên địa vị bực thầy của mọi người « dạy đọc cho độc giả » và « dạy viết cho tác giả ».

Nhưng có lẽ vì lựa chọn chưa đúng, dẫn đường chưa hay, vạch chỗ hay, chỗ dở không được xác đáng hay không rõ mà hầu hết các nhà văn được phê bình cũng như không được chỉ đường đều chẳng kiêng nề gì nhà phê bình họ Vũ cả. Đặc biệt cũng trong tác phẩm trên ông lại phê bình luôn các nhà phê bình khác nữa. Tham vọng quá cao nhưng thời thế không gặp nên khi Nhà Văn Hiện Đại ra đời thì một số các nhà văn đương sự đã say mùi mác-xít mà sẵn tay đốt cả quá khứ của mình rồi (sau 1945). Trong làng văn bỗng xảy ra những biến tướng Nguyễn Tuân cũ với Nguyễn Tuân mới, Nhất Linh cũ và Nhất Linh tái sinh v.v.

Nhân đây, cũng nên nhắc tới những ý kiến phê phán của Thạch Lam, nhà bình văn tài tử trong Ngược Giòng. «...Ai nói rằng: Sáng tác khó, phê bình dễ? Không, phê bình cũng khó như sáng tác. Một nhà phê bình giỏi cũng hiếm như một nhà viết tiểu thuyết giỏi. Nhà phê bình còn cần đến những đức tính không phải là có nhiều trong lòng người, nhà phê bình lừ đừ hết phải công bình và phải hiểu được người khác... Nhiệm vụ của phê bình có lẽ không phải là tìm tòi những tài năng mới. Nhưng trong công việc, nhà phê bình phải lưu ý hơn đến những tác phẩm đầu tiên của một nhà văn. Phải cúi mình xuống những tác phẩm có biểu lộ một tâm hồn rung động, một ý chí sôi sảng... Không có gì cảm động hơn những bước chân hãy còn chập chững của những người mới mẻ, bắt đầu đi vào các đường lối của tri thức, của tâm hồn. (Ngược Giòng — trang 8) và theo đó là một loạt bài dạy khôn cho các nhà làm văn.

Và những ý kiến trên cũng vì tính cách linh động và phiến diện nên lại được quần chúng bỏ quên, như thường lệ. Đến đây cũng chưa có quy thức nào tàn ác đối với văn nhân.



Nhưng từ khi nhóm Hàn Thuyên ra đời, mở đầu cho một giai đoạn tri thức thực nghiệm. (sẽ xin nói tới trong một bài khác) thì văn giới Việt-nam đứng hẳn lại như một chiếc xe đang chạy nhanh bị hãm lại bất ngờ. Trong phần kết của Văn Học Khái Luận, Đặng Thái Mai quả quyết: «... không có một tác phẩm nào có thể gọi là độc đáo mà không chan chứa những tinh cách điển hình của xã hội.» Khẩu hiệu này nổi bật lên ngay vì cái yếu tố xã hội lâu ngày bị bỏ quên nay mới lại biết đến. Thế là các nhà văn đua nhau ném mình ra xã hội. Bất đúng mạch của quần chúng nhóm này mới từ từ thời cái bong bóng xã hội lên và có lẽ vì quan điểm: « với quần chúng thì quá đi một chút là vira », nên không may, với hơi rạo quá đà của Nguyễn Bách Khoa bong bóng Hàn-thuyên đã nổ cái đùng, khiến cho những kẻ có lòng phải chán chường ngao ngán.

Vậy thì xin nói tới lối phê bình văn học độc đoán của Nguyễn Bách Khoa.

Cũng nên biết rằng ông ta không phê bình vu vơ mà theo những công thức có sẵn của lý thuyết duy-vật. Có thể tóm tắt theo tác giả như sau :

Chấp nhận nguyên tắc nội dung chỉ huy bình thức mà nội dung mang nặng cá tính của tác giả, của thời đại; ông giải thích *thiên tài* (một việc mà xưa nay chưa ai đề ý tới) theo những nguyên tắc sau :

1.) *Khảo sát kỹ hoàn cảnh xã hội trong đó cá nhân ấy sinh trưởng và hành động.* Điều này H. Taine đã giải bày như sau: « Những sản phẩm trí tuệ loài người cũng như những sản phẩm thiên nhiên chỉ có thể giải thích được bằng hoàn cảnh. Muốn hiểu một tác phẩm nghệ thuật, một nghệ sĩ, một nhóm nghệ sĩ, phải khảo cứu tường tận tình trạng đại cương của trí thức và của phong tục trong cái thời đại đã đẻ ra chúng. Chỉ ở tình trạng đại cương đó ta mới khám phá ra được những lý do, để cắt nghĩa chúng một cách quyết định. Chỉ ở đó mới thấy được cái nguyên nhân sơ thủy nó quyết định mọi cái khác ». Quan điểm của Taine rất đúng, có thể nói là tiến bộ vì Taine chỉ nhấn mạnh vào sự tương quan giữa Thời Đại, Tác Giả và Tác Phẩm, nhưng trong khi lợi dụng cái công thức trên, Nguyễn Bách Khoa lại muốn đòi giải thích cả những thuộc tính của tâm lý, của hoàn cảnh, vì Taine đã không quá khích như Marx : « Trong khi hành động để xử trí thế giới, tự nhiên bên ngoài, con người cũng biến đổi luôn cả bản chất của mình nữa » và Ribot : « sự sáng tác cá nhân chỉ là một hàm số xã hội » và Jacques Picard : « Một phát kiến hay một sáng tác phải nảy nở và tiến triển một cách gần như là Tiền Định ». Hệ thống giải thích quyết định theo những công thức có sẵn như vậy khiến cho Nguyễn Bách Khoa đã :

2.) *Khảo xét kỹ nguyên vọng, tâm lý, tư tưởng, xu hướng cùng vai trò lịch sử của đảng cấp cá nhân.*

3.) *Khảo xét xem những ảnh hưởng của cuộc xung đột đảng cấp trong xã hội đã tác động đến cá nhân ra sao và đã chịu sức phản động của cá nhân ấy tới chừng nào.*

Thêm đó ông đã ca tụng giáo điều của Plékhanof : « Người ta thường nói văn chương là phản ảnh của xã hội. Câu nói tuy có đúng nhưng vẫn còn mơ hồ lắm. Muốn biết văn nghệ phản chiếu đời sống xã hội cách nào ít ra cũng phải hiểu then máy của đời sống này đã. Trong các xã hội văn minh thì một trong những nguyên động lực của then máy ấy là sự xung đột giữa các đảng cấp. Bởi vậy chỉ khi nào đã khảo xét nguyên động lực ấy, khi nào đã nhận thức được sự xung đột của các đảng cấp và khi nào đã nghiên cứu mọi hình thức tiến triển, mọi sắc thái phức tạp của cuộc xung đột ấy thì mới có thể giải thích được gọi là chu đáo một chút sự tiến

hóa tinh thần của một xã hội. Sự tiến triển của tinh thần xã hội chỉ ánh hải quang của lịch sử. Các đảng cấp của lịch sử tranh đấu của các đảng cấp ấy trong xã hội».

Xin đề phần phê phán chủ nghĩa đấu tranh giai cấp cho các học giả chuyên môn. Ở đây chúng tôi chỉ nhận định sự thất bại của cái thuyết đảng cấp trong văn học mà người ta dựa vào đó để lập nên cái Định Mệnh, Tiền Định trong văn học, những tai hại mê mờ mà chính phải thực nghiệm đã khổ công đánh đổ. Phá bỏ Định mệnh siêu hình để thiết lập Định mệnh nông cạn thì phỏng có lợi ích gì?

Bản chất của văn học là tâm hồn cộng theo những tương quan của xã hội. Nhưng ta không thể quyết nhiên đoán bất buộc sự kiện đi theo ý muốn của lý thuyết gia, của đảng cấp hay của xã hội cũng vậy. Nếu chú ý khảo cứu về sự kiện xã hội chúng ta sẽ thấy bất cứ sự kiện nào cũng có cái phần thối nát của nó. Nguyên tắc căn bản của sự tiến bộ là áp bức, bất công, bạo tàn. Và có phải khi con người đã văn minh lên thì lại bỏ được hết mọi thứ tính, dục vọng? Hay là sống trong xã hội man sơ thì người ta lại đạo đức cả sao? Hiện tại chẳng ai còn dám bàn tới cái tính cách xây dựng lành mạnh hay sa đọa mà nhận nó chỉ là sản phẩm của người: Con Người có Thú tính và Dục vọng.

Cũng may là Nguyễn Bách Khoa chỉ mới thỏa mạ tờ tiên mà chưa đụng tới anh em đồng thời. Trong khi phê bình những tác phẩm của T.L.V.Đ. trong báo «Loa» thì ông lại có giọng điệu khác hẳn những tác phẩm nằm trong khung duy vật của Hàn Thuyên.

Vì nhận định phương pháp một cách máy móc như vậy cho nên ông không ngần ngại phân tách những tác giả, tác phẩm, trong cổ văn trước. Qua những tác phẩm: Nguyễn công Trứ, Nguyễn Du với truyện Kiều, Kinh Thi Việt Nam và Văn chương truyện Kiều ông chỉ dùng mỗi một dàn bài, mỗi một công thức: đảng cấp, thời đại, thân thế, cá tính, xã hội và tất cả cái tinh thần trên đều biểu lộ như thật trong các nhân vật trong truyện làm như tác giả đã để ra nhân vật như các sản phụ vậy.

Do cái đặc tính di truyền đó mà mỗi nhân vật trong truyện Kiều là một khía cạnh tâm tình của Nguyễn Du, mỗi bài thơ bài hát nói của Nguyễn công Trứ là một bước suy tàn của đảng cấp nho sĩ, mỗi câu thơ trong truyện Kiều là một mảnh bệnh tật của Nguyễn Du và mỗi câu ca dao là một khí cụ của giai cấp bị trị đánh vào đầu bọn nho sĩ thống trị. Cho nên ta không lạ lùng gì khi thấy một số người chỉ căn cứ vào vài câu thơ mà xỉ vả tờ tiên, bới nhọ văn học. Tóm lại theo quan điểm của Nguyễn Bách Khoa thì tất cả vấn nhân tiên bối của chúng ta chỉ là một bọn phá hoại hết. Có lẽ vì phá hoại hết cái hay cho nên mới sản xuất ra cái thứ Định mệnh kia chăng?



Như vậy trong phương diện cấu thành cảm hứng, sáng tạo tác phẩm lẽ nào ta lại vay mượn những tiêu chuẩn gò ép, những quy thức chết của một hệ thống tư tưởng mất hồn, đề tự sát. Sở dĩ tiêu chuẩn trên đã có một thời đặc dụng là vì cái tính cách thực nghiệm cụ thể của nó. Còn nếu một khi đã vượt quá phạm vi thực nghiệm để đi vào con đường cực đoan thì tất nhiên nó có tồn tại chăng nữa, ấy cũng nhờ có vũ lực yểm trợ. Nhà văn cũng như tác phẩm đều phải tiến theo con đường thẳng, con đường được gọi là « cao nhất, hiệu nghiệm nhất trong tư tưởng giới hiện đại của loài người ». Thật ra chỉ còn là một Định Mệnh vô hồn vì áp dụng cho nghệ sĩ làm tiêu chuẩn hay áp dụng cho học giả để nghiên cứu, giảng giải đều lệch lạc mà sự chối bỏ của các nhà văn nghệ, những nhà giáo dục Tây phương đã chứng tỏ rõ rệt. Nhưng chối bỏ định mệnh văn học đó cũng cần có ít nhiều can đảm vì ; ngoài những danh từ công thức dùng để khai thác, định mệnh này lại còn có một chuỗi danh từ ghê gớm đến rùng mình để kết tội những ai bất tuân. Những danh từ này một khi đã gán cho ai thì tất cả kẻ đó còn ngại ngần gập vạ lẫn những trường quy của khoa cử cổ.

Đề suy nghĩ, ta thấy hiện nay một số những nhà văn, nhà báo, nhà giáo mặc dù đã biết rõ, đã suy ngẫm, đã chứng nghiệm nhiều về khuyết điểm của thuyết Định Mệnh Văn Học trên, nhưng họ chưa chối bỏ nổi, phải chăng là vì thiếu một ít can đảm tối cần thiết ?

LỮ HỒ

KHU VƯỜN BÊN CỬA SỞ

DOÃN QUỐC SỸ

I

Chị...

Em chắc chị còn nhớ mười lăm năm trước đây, hồi gia đình nhà ta ở Cầu Giấy, ngoại ô Hà-nội và chị là cô gái vừa đôi tám tuy đã biết trang điểm mà còn quanh quẩn dưới gối cha mẹ. Đạo đó em mới lên bảy. Phải em lên bảy, Linh bên hàng xóm, hơn em hai tuổi, lên chín. Chị còn nhớ Linh chứ? Đã có lần chị quàng cho Linh chiếc khăn xanh để gọi Linh là « Cô bé quàng khăn xanh », và cho em chiếc khăn đỏ để gọi em là « Cô bé quàng khăn đỏ ». Ba, mẹ và cả chị nữa chỉ cho em chơi với Linh thôi, vì Linh thùy mị, hiền lành, ăn nói lễ phép. Hễ thấy em chạy nhảy tơi tả là ba, mẹ hay chị mắng : « Con gái gì mà như con gái sao chả trông gương Linh cũng là con gái mà lúc nào nó đi đứng cũng dịu dàng ! ». Em động nói to cười lớn là đã bị mắng : « Con gái gì mà như con gái sao chả bắt chước Linh cũng là con gái mà nó ăn nói thùy mị bao nhiêu ».

Cả nhà quý Linh ; còn em, khỏi phải nói, em quán quít bên Linh suốt ngày ; Linh hầu như cũng chỉ biết có em chỉ chơi với em.

Chị còn nhớ chứ, ngày ba Linh đi Thanh-Hóa, em và có lẽ cả Linh nữa chẳng bao giờ lại ngờ rằng có ngày hai đứa phải xa nhau. Một tuần trước đó, ba mẹ Linh vẫn thường nhắc chuyện « sắp ra đi » với ba mẹ chúng ta bằng giọng buồn rầu. Em không một giây thắc mắc, em đã hiểu thế nào là xa nhau đâu. Rồi một buổi chiều em ngồi chơi búp-bê với Linh ở góc phòng khách, em thấy bàn ghế nhà Linh đi đâu hết, chiếc đồng hồ trầm cầm vẫn treo trên tường đi đâu mất, chỉ thấy ở góc cửa ra vào, sát tường, tời bốn năm chiếc va-li lớn xếp chồng lên nhau. Em và Linh mừng rằng bớt đồ đạc đi như vậy càng dễ đưa nghếch. Buổi tối lúc em đã lên giường buồn ngủ riu riu mắt thì ba mẹ Linh sang nói với ba, mẹ đại ý : « Trông hai đứa lùn cùn chơi với nhau mà thương, giả sử được đi gần đây chúng tôi dám xin phép hai bác mang cháu cùng đến ở với cháu Linh ít lâu, đỡ tội nghiệp ! »

Sớm hôm sau như thường lệ em chạy sang nhà Linh. Cửa đóng ! Em gọi Linh, không thấy Linh thưa mà cũng chẳng thấy ai thưa. Lúc đó em mới nhận thấy thêm trước cửa có chiếc khóa lớn mạ kền. Mẹ cũng vừa đến âu yếm giắt em về và nói :

— Linh đi từ năm giờ sáng với ba mẹ Linh rồi con ạ. Sáng nay

con ăn gì nào, con ăn bánh sữa nhé?

Me nói với ba :

— Để bây giờ tàu đến Phủ Lý rồi ba nó nhỉ, liệu mấy giờ thì đến nơi ?

Ba đáp :

— Phải hơn mười giờ mới tới Thanh-Hóa được !

Rồi mấy lần nữa em chạy sang nhà Linh chiếc khóa mạ kền vẫn đó. Em hỏi mẹ liệu trưa Linh có về không ; mẹ lắc đầu bảo còn lâu. Em hỏi mẹ còn lâu là đến bao giờ, mẹ đáp là đến tết. Trí óc non nớt của em dạo đó nhắc em nhớ lại là bao giờ cũng phải chờ lâu lắm mới có một lần tết, nên khi nghe mẹ trả lời : « đến tết ! » em rưng rưng. Quả nhiên đến trưa em vẫn thấy chiếc khóa mạ kền treo nguyên chỗ cũ. Em về nằm vật trên giường quay mặt vào tường. Mẹ nói thầm với ba vừa đi làm về :

— Nó nhớ Linh đấy, thương quá.

Em thấy ghen cở.

Mẹ hỏi :

— Con nhớ Linh phải không ?

Nước mắt ràn rụa, em không trả lời càng nép vào tường và mím chặt hai môi lại để khỏi bật khóc.

Mẹ ngồi xuống, với tay kéo em quay lại, ôm em lên lòng và trong khi em gục vùi lên vai mẹ òa khóc, mẹ yên lặng vuốt tóc em.

Hình như hôm đó trời nhiều mây thì phải vì ánh sáng âm u và nhiều gió nữa. Ba ra xoa má em rồi âu yếm nói :

— Lớn lên con sẽ biết đời còn nhiều biệt ly con ạ.

Em chưa hiểu lời ba nói nhưng có điều em cảm thấy chắc chắn : em biết sợ cô độc từ đấy.

(Về sau em được chị cho biết theo như thư của ba mẹ Linh gửi về thì Linh cũng úp mặt vào thành ghế tàu hỏa tấm tức khóc suốt từ Hà Nội đến Thanh Hóa.)

« Đời còn nhiều biệt ly con ạ ! » Quả có thế, càng lớn em càng hiểu lời ba. Biệt ly với cô giáo, biệt ly với bạn cùng lớp cùng bàn, biệt ly với người thân yêu : ngày chị lên xe hoa, rời từ đấy theo chồng nay đây mai đó có khi hàng năm chị em mới gặp nhau một lần.

Dù đã biết bao lâu lòng em phải se lại vì biệt ly làm em cô độc nhưng thú thực với chị cảm giác buồn nhất thấm thía nhất khiến em nhớ lâu nhất — có lẽ nhớ mãi mãi — vẫn là cảm giác cô độc đầu tiên ngày xa Linh. Những cuộc biệt ly sau chỉ là những bông hoa sấu muôn nở thêm từng mùa, cuộc biệt ly đầu là chính thân cây hoa. Hoa nở rồi hoa

tàn, hình như mỗi độ hoa nở rồi hoa tàn như vậy chỉ để thân cây có dịp thêm lớn, đứng xa trông cũng rõ.

II

Gia đình Linh đi được hai hôm thì mọi gia đình mới đến ở, gia đình này về sau cũng thân với gia đình nhà nhưng không có con gái, chỉ có Đạm, cậu con trai lớn, hơn tuổi cả anh Minh của chúng ta và học trên anh Minh một năm ở trường thuốc. Không hiểu chị còn nhớ anh Đạm không, riêng em bao giờ em cũng giữ một niềm kính mến anh Đạm. Anh cao, thật là cao, da trắng, tóc hơi gợn sóng. Có lần anh cúi xuống vừa nói chuyện vừa làm điệu rất có duyên với anh Minh, anh nói một cách say mê rằng sau này khi học đến năm thứ năm được phép mổ, anh sẽ làm việc một cách say mê, đầy rung động vì công tác cứu người đó theo ý anh cũng là một công tác nghệ thuật. Em còn nhớ câu anh Đạm kết luận: «Không phải nghệ thuật vì nhân sinh mà trái lại nhân sinh phải vì nghệ thuật ! Ở đời này cái gì cũng phải có nghệ thuật mới được ». 1

Sau hai năm kháng chiến, ngày anh Minh đưa chị em mình chuyển dịch từ Tuyên Quang về Thái Nguyên với ba mẹ, chị nhớ chứ, chúng ta lại gặp anh Đạm ở một cái quán khoét sâu vào sườn đồi ngay bờ sông Lô. Khi đó anh Đạm đang ăn trứng luộc. Anh bắt tay anh Minh rồi mời mỗi người ăn một quả trứng luộc. Anh hăm hở khuyên chúng ta nếu có ăn quả thì nên ăn trứng luộc vì có nhiều Vitamine A và B. Anh lại cúi xuống vừa nói chuyện vừa làm điệu rất có duyên với anh Minh về chuyện mổ xẻ. Giác mộng mổ xẻ của anh đã thành rồi ! Vì hoàn cảnh kháng chiến nên mặc dầu mới học năm thứ năm anh đã thực sự được mổ tự năm thứ tư, mà mổ khéo ! Anh kết luận giọng tung bừng : « Nhất định không sinh viên y khoa một nước nào trên thế giới có thể sánh nổi với sinh viên Việt Nam về phương diện thực hành mổ xẻ ».

Rồi chia tay. Từ đây mỗi khi nhà ăn trứng luộc em lại nhớ đến anh Đạm. Bao giờ em cũng giữ một niềm kính mến đối với anh Đạm.

Tại sao em nhắc lại chuyện biệt ly thuở nhỏ với Linh rồi một chút ít về anh Đạm như vậy ? Vì em vừa tái ngộ với Linh ! Cuộc tái ngộ đó vui hay buồn, trong sáng hay âm u, cởi mở hay dè dặt em cũng không biết nói thế nào cho đúng xin chị cứ tiếp tục nghe câu chuyện. Năm lên bảy em cứ bị ba, mẹ và cả chị nữa mắng cả ngày vì tội « ăn nói như đàn ông... chạy nhảy như đàn ông... » Nhưng, chị biết đấy, kể từ năm lên mười trở đi em trở thành nhu mì hẳn, rồi càng lớn đức tính đó càng đi tới quá độ thành rút rút, điều này rất có thể đem lại thiệt thòi cho em. Về phần Linh, Linh cũng khác xưa, khác ngược hẳn với với em, ngày nay Linh hoạt bát, sắc sảo. Ngay cả khi nói chuyện với phái mạnh, Linh cũng giữ phần chủ động dẫn dắt mọi người hòa theo

câu chuyện. Em biết có những anh bạn thật là rút rứt mà cũng không hề cảm thấy lúng túng khi nói chuyện với Linh, bởi câu chuyện của Linh bao giờ cũng thành thực cởi mở, rất vui rất bay bướm. Đã khéo gợi chuyện, Linh còn hiểu rộng câu trả lời, biết được những điều người đối thoại muốn nói mà không nói hoặc chỉ nói được một phần nhỏ. Chị ơi, Linh chỉ hơn em có hai tuổi thôi mà em cứ nghĩ rằng cho đến ngày em gấp đôi tuổi Linh bây giờ, chưa chắc em đã khôn ngoan bằng Linh. Phải chăng vì Linh đã được đi nhiều? Đi một ngày đang học một sàng khôn! Ba năm trước đây, hồi đó Linh đã là giáo sư Anh văn tại trường trung học công lập nọ, Linh được Bộ Quốc Gia Giáo Dục cử đi Mỹ theo lớp tu nghiệp trong sáu tháng, khi về Linh lại ghé ở Paris hai tuần. Mãi đến năm ngoái khi ba từ Đà Lạt dời xuống Saigon em mới gặp Linh ở Đại Học Văn Khoa, Linh đã học tới năm thứ ba sắp thi cử nhân giáo khoa Anh văn. Lúc hai đứa nhận ra nhau vui đến muốn chảy nước mắt. Lập tức chúng em đi lại thăm nhau luôn. Cũng vì chúng em mà các cụ mới biết đề nối lại giây liên lạc xưa. Ôn lại chuyện cũ đề cùng cảm động thành thật, Linh còn nhiều lần tâm sự khá tỉ mỉ với em về một chuyện tình duyên và cho em xem nhiều ảnh. Với Linh — cũng như với mọi người — em thường chỉ nghe nhiều mà nói ít, riêng với Linh em còn nặng tự ti vì chẳng được đi đây đi đó như Linh.

Thế rồi... Đầu mới biến cố bắt đầu từ đây chị ạ.

Ngày đó em gặp « chàng ».

« Chàng », chị đề cho em được nói vậy, nghe xưa lắm, em biết, nhưng khi viết riêng đề chị đọc em ưa dùng chữ đó vì mỗi lần thốt lên như vậy em bồi hồi tưởng như còn đương ôm chàng và được chàng ôm em. Em chẳng cần phải nói tên chàng, em chẳng cần phải tả hình dáng chàng, em chỉ cần nói với chị: chàng đã xuất hiện như một cơn gió lốc bằng ánh sáng và khi ra đi cuốn theo hồn em.

Hôm đó chàng lái xe đưa người bạn tên là Hùng đến Đại Học Văn Khoa đón Thi, vợ hôn thê của Hùng. Thi cùng học lớp Dự Bị Văn Khoa với em. Khi hai người đến, lớp vừa tan, trời bắt đầu đổ mưa, các anh cùng lớp vội vã ra về, hầu hết các nữ sinh viên — chừng mười chị — nán lại chờ ngớt mưa. Thi giới thiệu hai người với các chị em.

Hùng nói với chàng :

— Trời mưa lớn quá không ra xe được, chờ một lát vậy nhé.

Chàng cười nhìn tất cả chúng em nói đùa:

— Phòng học đẹp thế này, trời không mưa cũng còn chẳng muốn về huống chi nữa là trời lại mưa.

Câu chuyện trở nên vui ngay vì ai nấy tìm lời trêu cợt tình nhân sắp thành đôi : Hùng, Thi. Tiếng cười không kịp ngớt, nhiều khi át cả tiếng mưa,

Thấy Hùng ra nhìn mưa qua cửa kính, một chị chế :

— Chắc anh Hùng đương đếm xem có bao nhiêu hạt mưa rơi.

Chàng tiếp :

Mưa bao nhiêu hạt thương nàng bấy nhiêu !

Hùng khoa tay :

— Rồi đây Quân y sẽ chỉ thông gia với Văn Khoa, tôi mở đầu chiến dịch.

Rồi quay sang nói với chàng :

— Cậu cũng nên kén vợ Văn khoa đi.

Chàng đáp :

— Được lắm trăm sự xin nhờ các chị đây làm mối cho. Quân Y là nước Tần, Văn khoa là nước Tấn :

Ngàn năm Tần Tấn kết đôi

Ngàn năm Tần Tấn khôn người lời thề.

Chúng em cũng bật cười tuy ai nấy cũng hơi ngượng. Trong câu chuyện em biết chàng đã học xong năm thứ năm Quân Y chuyên về ngành giải phẫu (trên Hùng hai lớp). Hiện chàng là Y sĩ Trung úy trong đại đội Quân y Biên hòa, vì có xe riêng, chàng thường sớm đi tối về : chàng ở Sài-gòn với chú thím. Cha mẹ chàng còn sống nhưng ở lại ngoài Bắc. Nguyên sau khi đã ký hiệp định Genève phân chia lãnh thổ, chàng phải theo trường vào Sài-gòn trước, cha mẹ hứa sẽ vào sau nhưng rồi các cụ nại tuổi già, ngại chuyển dịch ở lại.

Trận mưa lớn đã ngớt nhưng còn mưa bụi. Chàng mời mọi người lên xe để đưa về tận nhà, nhưng mấy chị nhà gần cảm ơn rồi đi trước. Lên xe chỉ còn em với hai chị bạn, không kể cặp Hùng Thi.

Lẽ ra chàng phải đưa Thi về trước, chàng bỗng đề nghị :

— Bây giờ mới có chín rưỡi mà chắc chiều nay thứ bảy thì cũng chẳng ai phải học hành gì, chi bằng các anh chị đi xem trại của tôi ở gần cầu Bình Lợi cách đây 12 cây số thôi.

Thấy mọi người im lặng ra chiều đồng ý chàng kết luận hỉ hủ :

— Các anh chị thỉnh thoảng nên ra khỏi Sài-gòn một lát để thấy rằng nắng gió đồng nội đẹp và rộng biết chừng nào.

III

Khi xe bắt đầu chạy, chàng giải thích :

— Xin các chị chờ tưởng xe này đã là của tôi. Một anh bạn commăng được chiếc xe mới bên gán « hần » cho tôi với giá ba vạn trả làm 10 tháng. Tôi mới dùng xe được ba tháng nghĩa là mới trả được ngót một phần ba. Lẽ ra số lương của tôi cũng không thể cặng đáng nỗi việc xử dụng ô-tô, cũng may Đại tá giám đốc Nha Quân Y biết tôi phải đi đi về về con đường Sài-gòn Biên-Hòa nên hàng tháng cấp cho

bông sáng. Kể cả khi phải cho xe vào ga-ra sửa chữa đại tá cũng chằm chước cho như vậy.

Em nói đùa (mãi tới lúc đó em mới dám nói đùa chàng) :

— Vậy ra đây là một « bản công xa » đó.

— Chị nói đúng! — chàng đáp — Thường thường thì xe làm đẹp người, đặc biệt hôm nay vì có các chị nên quả là người đã làm đẹp cho xe rất nhiều.

Chàng vội buông chân ga rồi từ từ dừng lại theo lời yêu cầu của Thi. Tiện trên đường qua nhà, Thi muốn tạt về cất sách vở và mang theo đi vài thức trái cây sẵn có. Nhà Thi là một villa khá lớn gần cuối đường Pasteur, phải qua một con đường giải cuội, hai bên trồng hoa và ít cây ăn quả rồi mới đến căn nhà chính hai tầng, ngoài cũng là hàng rào sắt, trên cửa sắt có treo tấm bảng nhỏ vẽ hình đầu chó béc-dê với hàng chữ: « Coi chừng chó dữ. »

Khi Thi đã đẩy cửa thoăn thoắt bước vào, chàng hỏi Hùng :

— Thật là thâm nghiêm kín cổng cao tường nhé, lại thêm có chó béc-dê nữa vậy mà không hiểu sao ông Kim Trọng Hùng nhà tôi vẫn gặp gỡ nàng Kiều được. Kim Trọng thời nguyên tử có khác !

Mọi người cũng tiếp lời riếu Hùng, trong khi Hùng làm vẻ trơ, gật gù ngậm :

Mấy lần cửa đóng then cài,

Đầy tường hoa rụng biết người ở đâu.

Thi ra xe, tay xách lẫnng quả nặng.

Chàng nói :

— « Người » đã ra kia rồi !

Xe chạy, chàng vừa lái vừa nói chuyện với Hùng, câu chuyện chuyện hương hẳn sang chuyện môn. Chàng kể tuần qua chàng vừa làm một opération césarienne (mổ dạ con lấy đứa trẻ).

Hùng hỏi :

— Thuộc về « ca » nào ?

— Cas : Présentation de l'épaule négligé !

Người đàn bà đau đẻ ba giờ rồi mới mang đến nhà thương. Tới nơi, một cánh tay đưa trẻ đã thò ra, mạch người mẹ lên tới một trăm, và nghe tim đập của cái thai tới 160 không đều, nước ối xanh vì có lẫn cứt xu.

Vẫn chằm chú nhìn thẳng về phía trước điều khiển đều tay lái, chàng tiếp tục kể lướt việc mổ tử cung, cứu được cả mẹ lẫn con. Đứa bé được mấy nữ phụ tá (không biết các cô có đẹp không, em tự hỏi) vừa dùng bình dưỡng khí, vừa làm cử động hô hấp nhân tạo ; chỉ năm phút sau đứa bé đã khóc thét lên được, khuôn mặt từ màu xám ngoét chuyển dần sang màu đỏ hồng như những đứa trẻ thường.

Lúc kể chuyện chàng như biến thành một nhân vật khác, giọng chàng say mê, trang trọng, quên hẳn chúng em ngồi bên dưới, rõ ra là một thanh niên nhiệt tâm yêu nghề. Y như anh Đạm !

Sau cùng chàng hỏi Hùng :

— Cậu có biết cuộc giải phẫu đó tôi làm xong trong bao lâu không ?

— Một giờ rưỡi ! — Hùng đáp.

Chàng lắc đầu khuôn mặt tươi hẳn, cải chính :

— Kể từ lúc bắt đầu đánh thuốc mê, rồi mổ tới tử cung lấy thai, rồi khâu tử cung, khâu phúc mạc péritoine, khâu bắp thịt bụng bằng chỉ ruột mèo *cat gut*, rồi khâu lần da ngoài cùng bằng chỉ *lin* : một giờ năm phút đúng !

— Chà — Hùng thốt lên — giỏi đấy !

Em đưa mắt nhìn hai bàn tay chàng trên tay lái. Bàn tay chàng khéo, chàng luôn luôn tươi vui như vậy, chắc ai lên bàn mổ cũng đỡ lo. Cao quý thay đôi bàn tay kia đã mổ, đã băng bó cho bao vết thương của đồng loại !

Em chợt nghe thấy em lên tiếng hỏi chàng :

— Chắc anh mổ giỏi lắm rồi nhỉ ?

Chàng đáp :

— Thực ra tôi cũng chưa được phép mổ đầu chị ạ, chỉ phụ thôi, đây là được bác sỹ yêu và tin đứng chứng kiến cho phép thực tập.

Qua cầu Băng Ky được một quãng chàng dừng xe lại rồi nói :

— Xin các vị chờ tôi vài phút, lần nào qua đây tôi cũng mua thêm một hai cây đề mang lên trại.

Chàng bỗng quay lại, không biết vô tình hay hữu ý nhìn em giây lâu, miệng như có mím cười, rồi mới sang bên kia đường, vào nhà bán cây. Mưa đã tạnh hoàn toàn, ánh nắng le lói làm xe hấp nóng. Trên đường trường các xe lớn nhỏ đủ cỡ qua vun vút để lại chút bụi cuốn và mùi xăng say nồng. Mưa xuân như lên men trong lòng em, chẳng biết có lên men trong lòng chàng ?

Chàng say mê với nghề chàng chọn y như anh Đạm. Với anh Đạm ngày xưa, em kính mến vì là bậc đàn anh của ông anh cả mình ; với chàng ngày nay không quá xa em về tuổi tác, chỉ hơn em năm tuổi là cùng, có lẽ em cũng kính mến chàng như đã kính mến anh Đạm nhưng em cảm thấy chàng như một trái chín vừa tầm em với. Em không dám tự kiểm soát rõ ý nghĩ hơn để khỏi ngỡ ngàng mà thấy rằng em đã mơ chuyện đôi lứa với chàng từ lúc đó.

Tiếng máy phóng thanh gần đấy hát bài gì quen quen. À phải em nhớ ra rồi bài hát ru « *Le loup et la biche* » mà ngày xưa anh Đạm vẫn hát làm vui cho em. Làm sao mà bài hát ru nay chuyển sang lời Việt lại thành bản tình ca :

*Đời người là một kiếp sầu,
Thương yêu nhau quên hết sầu đau...*

Lời yêu đương phả vào bài hát ru cũ nên khúc tình ca thoát tha đó cũng nhuộm màu sắc nhẹ nhàng đơn giản và cảm động. Khi chàng mang cây ra xe thì Hùng, Thi và hai chị bạn em đương nói đến chuyện Elizabeth Taylor thành góa bụa vì chồng vừa bị nạn máy bay và chuyện vị quốc vương trẻ tuổi Ba Tư buộc lòng phải ly dị nàng Soraya vì nàng không có con.

Chàng làm bộ ôm đầu thở dài rất náo ruột :

— Ôi chao, một tháng mà có tới hai người đẹp đau khổ thì mình vui sao được !

Thế là câu chuyện bắt đầu vui cùng với xe bắt đầu chạy. Điệp khúc bản tình ca còn kịp đuổi theo để nhắc nhở em một lần cuối :

*Đời người là một kiếp sầu,
Thương yêu nhau quên hết sầu đau...*

IV

Khi mọi người bắt đầu rẽ theo đường đất nhỏ vào trại, chàng lại giải thích :

— Xin các chị chờ tưởng trại này đã là của tôi. Nguyên vùng này trước là của nhà binh Pháp mua để dự định lập trung tâm huấn luyện cho quân đội Việt-nam. Nhưng sau hiệp định Genève chính phủ miền Nam tự do đòi quân đội viễn chinh phải rút lui hết. Khoảng đất nhỏ 22500 mét vuông này tới sang lại của chủ cũ còn đợi ngày chính phủ cào nhân viên địa chính tới đo và bắt đóng thuế lúc đó mới thiết hẳn của mình.

Hiện có một gia đình nghèo tới ở trại, họ được toàn quyền hưởng lợi về chăn nuôi hoặc hoa màu do chính họ xuất vốn hoặc khai phá, hàng tháng chàng cấp cho họ thêm 1500đ. trả công săn sóc trại.

Trại là khu đất vuông mỗi chiều 150 mét có hàng rào giầy thép gai vây quanh; chính giữa, một căn nhà vuông khá rộng, tường bằng vôi, mái lợp lá dừa nước. Mùi đất mới sỏi, mùi cỏ mục, mùi phân bón hòa lẫn thành một mùi đặc biệt quyến rũ của cuộc sống khỏe mạnh nơi trại. Mọi người theo chàng đem hai cây mới mua tới hố đào sẵn hạ thổ : một cây măng cụt và một cây măng cầu xiêm. Các cây ăn quả được giồng thành bốn hàng. Đã tới quá nửa trại được giồng như vậy. Rồi mọi người tản mát đi về cuối trại, riêng em vẫn đứng nguyên chỗ cũ bên chàng. Chàng chỉ cho em xem những lạch nước mới đào quanh trại, chiếc ao lớn mới đào ở sát cổng vào, màu nước khắp nơi đỏ như rỉ sắt vì còn nhiều chất phèn. Chàng trừ tính dùng gio cây gòn bón đất trong một năm để khử phèn. Rồi đầy nước sẽ trong, ao sẽ thả sen và thả cá.

Người cha của gia đình nghèo vừa đi đâu về thân mệt tới chào hàng và em bằng hai tiếng «ông, bà». Chàng vội vàng giới thiệu với ông rằng em là bạn học đến thăm trại. Chúng em vào nhà thăm đứa con gái ốm của ông, mười hai tuổi, bị rức đầu. Chàng lấy thuốc Aspirine, rồi cả chàng lẫn người cha phải vừa ngọt vừa đắng mới khiến được thằng bé uống.

Chàng quay lại lắc đầu nói với em :

— Thường thường cái anh con trưởng bao giờ cũng ngốc nghếch như vậy, chính tôi cũng là con trưởng đấy chị ạ, lắm khi mình tự nhận thấy mình có ngốc nghếch thế nào ấy.

Em chỉ biết thốt lên :

— Trời, anh mà ngốc nghếch !

Em tiếp tục theo chàng ra sân, chàng chỉ cho em chỗ đất cao mà chàng dự định làm nền bếp. Chúng em ngắm bốn hàng những soài, ổi, roi, cam, măng cầu, măng cụt... chàng mới giống. Em cao trên vai chàng một chút... em nghiêng đầu ngắm những luống đất màu đã gieo ngô, em yếu mền nhìn luống sắn đã cao được gang tay, những lá non xanh mướt, cuống lá màu đỏ, toàn thể luống sắn non mềm rung rinh một cách thơ ngây theo gió. Tình em quý chàng cũng vậy.

Em cố xua đuổi mà không được ý nghĩ sẽ là vợ chàng, rồi em có những đứa con xinh, em may cho chúng thứ quần áo trắng có viền chỉ màu. (Ngày đó chắc là những hàng cam, măng cầu, măng cụt... đã lớn). Chúng đẹp như em, thông minh như chàng, đuổi nhau dưới hàng cây đó. Chàng hẳn nhìn em sung sướng. Em có làm gì khiến chàng phải phật ý đâu ?

Nền trời cao xanh thẳm, bên dưới mây trắng trải loăng tung đọt thành vẩy tẻ tẻ. Một chiếc phi cơ bốn máy bời giữa khoảng đó thành thoi như một con cá no mồi. Chẳng biết những người ngồi trên ấy nhìn xuống có thấy em với chàng đứng bên nhau gần gốc mấy chuối có những lá khô sột soạt theo gió ?

Em nhớ lại một câu về thuở xưa :

Xột xoạt như lá chuối khô,

Đồn rằng xóm chợ có cô chưa chồng.

Mọi người đã từ cuối trại tới, ai nấy tìm một ghế gấp ngồi dưới hàng hiên. Thi chạy qua đầu hiên bên kia xách lồng hoa quả lại gọt gọt cắt cắt... Chiếc radio chạy bằng pin phát thanh tin tức quốc tế. Không khí đông người vui nhộn một cách đáng tiếc nhưng rồi em nghe cũng quen... Tiếng chàng xen với tiếng mọi người... Chàng phân phát hoa quả cho từng người và tuyên bố là theo ý chàng con gái Việt nam có hai điều đẹp nhất : lúc khóc và lúc ăn quả. Lúc khóc người con gái Việt thường quay đi sợ làm đau khổ người khác, đó là cái đẹp tình

thần, lúc ăn quà người con gái Việt thương hết sức nhỏ nhỏ, đó là cái đẹp... thể chất, cái đẹp thứ nhất lẽ cố nhiên chàng rất khó có dịp gặp, ngày nay chàng đành chiêm ngưỡng cái đẹp thứ hai vậy.

Thị nói đùa :

— Thị bây giờ anh đi tìm cô nào ưng ý rồi bỏ người ta khóc cho mà lau nước mắt.

— Đồng ý — chàng đáp — tôi vẫn cho là phải mạnh chúng tôi bao giờ cũng thó lỗ cục cằn so với phái đẹp các chị duy có một cử chỉ khiến sự hiện diện của người đàn ông trên cõi đời này còn đáng kể ấy chính là — nói ra khi xấu hổ — cái cử chỉ lau nước mắt cho người đẹp.

Thị cười lắc đầu :

— Thế thì xấu hổ thật !

Chàng hỏi Hùng :

— Chẳng hay Kim Trọng Hùng đã mấy lần lau nước mắt cho nàng Kiều Thị ?

Thị vội đánh trống lảng :

— Thôi đi ông tướng, chờ lau nước mắt cho tôi thì anh Hùng thất nghiệp to.

Chàng chỉ mỉm cười với tay cầm ống nhôm đưa lên mắt rọi về phía xa. Thấy em nhìn theo chàng trao ống nhôm cho rồi nói :

— Chị nhìn về phía bờ sông sẽ thấy rõ một rừng dừa thấp, đó là những cây dừa nước không có quả; lá dùng để lợp nhà.

Bên rừng dừa em còn thấy những cây mẫu đơn đại mọc theo bờ ruộng hoa đỏ ối. Hạ ống nhôm xuống em thoáng thấy có những nụ cười ranh mãnh. Chàng không để ý nói tiếp :

— Chị trông xem có cánh bướm trắng tiến từ từ thấp thoáng sau những lá dừa.

Em đưa ống nhôm lên nhìn chăm chú để khỏi lúng túng vì những nụ cười kia.

Tiếng chàng bên em :

— Trông cánh bướm khép nép như chiếc quạt xoè để che mặt mỹ nhân.

Tiếng nhạc ở radio rộn rập như gió thổi. Em theo dõi cánh bướm. Em không trông thấy dòng nước nhưng một niềm vui bằng khoáng tràn đến khiến em tưởng như có trông thấy hai bờ sông rộng, bãi cát trắng tinh.

Có thể nói chuyến đi chơi trại này đã đem lại cho em một cảm giác hoàn toàn đẹp. Kể ra thì em có thể trách chàng một điểm, đó là lúc chàng đứng ở đầu hiên nói chuyện riêng với Hùng. Chẳng biết Hùng nói gì, chàng vui vẻ đáp rất khẽ :

— Con trai như con tàu khao khát đường thiên lý, mỗi hình bóng đẹp mình gặp là một nhà ga, có lẽ nhà ga nào cũng là một hình ảnh đẹp của nghỉ ngơi nhưng không vì thế mà con tàu quên đi để lại được đồ ở một nhà ga khác.

Nghe chàng nói như thế em đã muốn giận ! Chàng tưởng nói khẽ em không nghe thấy, sự thực có điều nào chàng nói có thể nghe thấy được mà em bỏ qua đâu ! Nhưng thôi chuyện khó chịu nhỏ đó em cũng chẳng nghĩ đến. Thường thường đàn ông họ vẫn chềnh mảng, kém tế nhị so với đàn bà về lời ăn tiếng nói như vậy, chị nhỉ ?

Ở trại về xe qua nhà trước nhất. Xướng xe em chào tất cả mọi người rồi vội vã đi vào như thể vì em về quá muộn, sự thật em muốn ủ lấy trọn vẹn kỷ niệm tươi đẹp của cuộc đi chơi trại bất ngờ.

Bây giờ trên xe vắng em, thế nào những người còn lại chẳng kiếm lời chế chàng.

Buổi tối em đi xem kịch với ba ở rạp Thống Nhất. Màn mở như mở ra cả một chân trời và khi màn buông xuống, màu nhung hồng như nhuộm hồng cả niềm vui của em. Chiều chủ nhật hôm sau em đưa hai em nhỏ đi xi-nê. Hồn em như thấm vào màu xanh của da trời của nước của cây cỏ ; màu đá cẩm thạch như bị chói nhận và bị đẩy ra khỏi hồn em. Ở rạp xi-nê ra tiếng phi cơ trên cao như tỏa rộng cùng ánh nắng-chiều thành tiếng reo vui trùm lấy thành phố. Sớm thứ hai, trên đường đến Đại học, em say mê ngắm những hàng cây thẳng vút như những liàng cột bất tận của một thánh đường mệnh mệnh.

Cho đến ngày — cách đó một tuần sau — em đi dự tiệc cưới Hùng, Thi.

(còn một kỳ nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của : Mai Thào, Thól Tuón, Vj Xuyên, Nguyễn Đàng

BÁ CÁO của VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

Sáng Tạo vừa nhận được bản Báo cáo thành lập Thư viện của Viện Đại Học Huế. Xin đăng lại nguyên văn sau đây :

Viện Đại Học Huế dự định thiết lập tại Thư Viện Đại Học một kho sách để nghiên cứu về tất cả vấn đề tương quan đến nước Việt Nam như Lịch sử, Văn hóa, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Phong tục v.v... Kho sách này không những sẽ trở thành một trung tâm nghiên cứu riêng cho Viện Đại Học Huế mà còn chung cho tất cả các học-giả trong nước và ngoại quốc.

Nhận thấy công việc này rất to tát, cần phải có sự giúp đỡ của nhiều người mới mong đạt được kết quả tốt đẹp, chúng tôi tha thiết mong quý vị xa gần vui lòng góp sức với chúng tôi bằng cách hoặc biếu, hoặc nhượng lại các sách báo cũ nói về Việt Nam mà hiện nay chúng tôi không thể mua được ở các tiệm sách. Sách báo viết bằng bất cứ thứ tiếng gì chúng tôi đều mua cả và sẽ trả bằng một giá xứng đáng.

Nếu quý vị nào không muốn nhượng hoặc biếu thì xin vui lòng cho chúng tôi mượn để sao lại và làm giàu cho kho sách. Chúng tôi xin cam kết sẽ giữ gìn cẩn-thận và sau khi sao xong sẽ lập tức gửi trả lại. Ngoài ra, chúng tôi xin ghi tên vào sổ vàng danh sách các vị đã gửi sách báo đến tặng hoặc cho mượn. Viện Đại Học Huế xin thành thật cảm ơn Quý vị trước.

VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

TÌM VỀ SINH LỘ truyện dài
của *VĂN KỸ NGUYỄN*

Trên những tiêu chuẩn nghệ thuật nào giải thưởng về bộ môn

tiểu thuyết cuộc thi văn chương Văn hóa vụ 57 đã được dành cho *Tìm Về Sinh Lộ* của Kỳ văn Nguyễn? Đó là điều — đọc xong cuốn sách dày trên 300 trang — tôi đã tự hỏi và không trả lời được. Tôi biết có một số tác phẩm giá trị đã dự thi. Vậy, không lẽ một tác phẩm được giải thưởng chỉ vì cái chiều dày của nó? Chỉ vì nội dung đã đề cập tới cuộc chiến đấu chống cộng? Tôi nghĩ tác giả đã làm một việc can đảm, những người cho giải cũng vậy. Tôi cũng can đảm vì tôi đã đọc được hết *Tìm Về Sinh Lộ*. Có thể là sau này một hãng phim sẽ tìm đến tác giả, xin phép được thể hiện *Tìm Về Sinh Lộ* lên màn ảnh, bởi lối dựng truyện, lối tả người tả việc rõ rệt là hướng về kỹ thuật phân cảnh một truyện phim. Nhưng điều đó không có một liên quan nào để có thể căn cứ vào đó cứu vãn cho giá trị một tiểu thuyết đã viết hỏng. Hỏng toàn thể. Từ nội dung đến kỹ thuật. Về tâm lý nhân vật cũng như về cốt truyện. Nếu *Tìm Về Sinh Lộ* có nói được gì với chúng ta thì điều đó là : cả một lịch sử dân tộc tranh đấu với những nhân vật và bối cảnh của lịch sử đó đã được xây dựng lại theo kiểu một người thầy tuồng xây dựng việc đời trên một sân khấu cải lương nào đó. Lại phải hiểu cải lương theo ý nghĩa không hay không đẹp. Đó là điều làm tôi hết sức ngạc nhiên và cũng hết sức thất vọng. Vì Kỳ văn Nguyễn là một nhà văn và ông cũng không viết một vở tuồng. Tôi không có ác ý cũng không đi ra ngoài địa hạt phê bình. Nhưng, lồng câu chuyện vào một khung cảnh lịch sử — lịch sử Việt

Nam—cho nhân vật được cái vinh dự sống cho tất cả chúng ta những giờ phút lịch sử mà từng người chúng ta đã sống, tôi tưởng tôi có quyền bất mãn nếu sự sống ấy không đúng, lịch sử ấy không phản ánh sự thực, những mẫu người ấy giả tạo. Nói bất mãn rất chính đáng vì hai điểm nữa :

1) Có biết bao nhiêu tác giả nung nấu ý định thực hiện một tác phẩm lớn xây dựng trên những sự kiện và nhân vật lịch sử của giai đoạn mười năm chiến đấu vừa qua mà còn đắn đo còn thận trọng. Chỉ vì họ ý thức được tầm quan trọng, cái rộng lớn của đề tài. Sự dễ dàng vì thế không thể tha thứ.

2) Một tác phẩm có một nội dung như *Tim Về Sinh Lộ*, hoặc hay hoặc dở đều có một ảnh hưởng lớn lao đối với người đọc. Thử hỏi ai là người bỏ không đọc một tiểu thuyết trong đó nhân vật mang cuộc sống, số phận của mình trong những giờ phút quyết liệt và đau thương nhất? Bởi vậy mà viết thành công vinh dự càng lớn, thì ngược lại, thất bại trách nhiệm càng nặng.

Tôi không chối cãi thiếu chí của tác giả. Cũng không muốn tin ông đã thất bại trước một đề tài vượt ngoài sức ông. Tôi chỉ muốn nghĩ ông đã lằm, lằm vì đã giới hạn sáng tác trong phạm vi tuyên truyền nhỏ hẹp, cho rằng chỉ cần viết đúng đường lối, kết thúc một cách xây dựng là đủ. Nhưng nghệ thuật chúng ta hôm nay đã vượt khỏi những cái khung công thức tù ngục mà vẫn giữ được tính chất xây dựng và tranh đấu. Trước một nghệ thuật đã trưởng thành, người sáng tác không muốn thất

bại phải nhận thức thấy điều đó. Kỳ văn Nguyễn đã thất bại vì tiểu thuyết thiếu vắng tính chất nghệ thuật. Đề kết luận tôi chỉ cần đặt một câu hỏi thế theo lời mở đầu của tác giả : « Mười năm chiến đấu. Bao xương máu, bao tình trạng bi hùng đã đổi thay. Đây là một chuyện trình bày sự chiến đấu khắt khe của bao lớp người trước những tình trạng bi hùng đó, với mục đích duy nhất : đưa Việt-Nam tới chỗ Vinh Quang ».

Câu hỏi : Những Trần Vũ, Phụng Anh, Quỳnh Châu, Kiều Phong v.v... trong *Tim Về Sinh Lộ* có là những hình ảnh đúng và thực, có là những tâm trạng đúng và thực của lớp người chiến đấu trước những tình trạng bi hùng của lịch sử với mục đích duy nhất đưa Việt-Nam tới chỗ vinh quang không ?

Lịch sử đây là lịch sử Việt-Nam. Những tình trạng bi hùng đã được quy định trong một giai đoạn : 45—55. Bởi chúng ta đã làm nên lịch sử đó, đã sống cái tâm trạng, trường hợp, cuộc chiến đấu của những nhân vật đó, cho nên câu trả lời chỉ có thể là : không.

Nhưng nếu Kỳ văn Nguyễn đã thất bại trong địa hạt tiểu thuyết, tôi lại nhìn thấy ông sẽ thành công rực rỡ trong loại sáng tác truyện phim. *Tim Về Sinh Lộ* với lối phân cảnh rất thích hợp cho việc thể hiện một cuốn phim đã chứng minh điều đó.

M.T.

TRIỀM LÂM CỦA THUẬN HỒ

Ngót năm chục bức vẽ đã được đem trưng bày tại phòng Thông Tin Đỏ thành đường Tự do. Trong số đó có 16 bức tranh sơn dầu và

hơn ba chục bức khác, vẽ bằng bột màu. Kỳ này cũng như mọi kỳ triển lãm trước, tranh của Thuận Hồ vẫn thiên về lối vẽ phong cảnh và sở trường của họa sĩ vẫn là lối vẽ bằng bột màu. Trong nhiều bức có những đường nét đẹp. Màu sắc cũng đã có sự đổi thay chút ít, bạo dạn hơn các kỳ trước. Ở đám tranh bột màu có bức số 40 vẽ một khúc sông là khá hơn cả. Sơn dầu thì có bức tranh số 8 vẽ một bụi tre, đường nét thoải mái và linh động hơn những bức tranh khác. Nhìn chung các họa phẩm của Thuận Hồ, tôi nhận thấy một trường hợp đáng chú ý ở họa sĩ: cảm xúc của Thuận Hồ ghi nhận sự vật biến chuyển dễ dàng hơn là những cảnh vật ở thế tĩnh.

Trong khi ghi chép những cảnh vật đứng yên, nhiều trường hợp họa sĩ đã để cho cảm xúc bị kỹ thuật lấn áp. Bởi cảnh vật ở thế tĩnh ít kích động được cảm xúc của họa sĩ, mà sở dĩ như vậy, vì họa sĩ chỉ chú ý đến cái vẻ đẹp bên ngoài của nó. Bởi vậy cảm xúc, nếu có, thì nó cũng chỉ đến rất nhanh và đi cũng quá vội. Cũng vì thế nên lối vẽ bằng bột màu của họa sĩ nhẹ nhàng, thanh thoát hơn là tranh sơn dầu. Vẽ loại tranh sơn dầu, thường bao giờ công việc ghi chép cũng bị chậm chạp hơn các lối vẽ khác; cho nên nó đòi hỏi người xử dụng lối vẽ đó phải nuôi dưỡng cảm xúc của mình sao cho lâu bền hơn. Trong khi cảm xúc đã tan biến chúng ta có tiếp tục vẽ nốt cho xong bức họa thì lúc đó cũng chỉ còn trơ lại cái phần của kỹ thuật (nếu còn có kỹ thuật).

Ở tình trạng hiện tại của hội họa, kỹ triển lãm này của họa sĩ Thuận Hồ cũng chứng tỏ được sự

cố gắng không ngừng của họa sĩ và đã đem lại nhiều hứa hẹn ở những kỳ triển lãm sau.

T. T

TRIỂN LÃM TRẦN ĐÌNH THỤY

Qua các kỳ triển lãm, về phần màu là lối vẽ tương đối ít có người xử dụng, mà xử dụng cho được vững vàng lại cũng là một điều hiếm. Về lối vẽ này họa sĩ Trần Đình Thụy rất có nhiều khả năng. Sau cuộc du lịch trên những miền Thượng, họa sĩ đã đem về được nhiều tài liệu sắc thực và cụ thể, hiện đang được trưng bày tại Pháp Văn Đồng Minh Hội đường Gia Long Sài Gòn.

Họa sĩ đã xử dụng nhiều cách vẽ: sơn dầu, bột màu và phấn màu. Nhưng chỉ có phấn màu là cách vẽ tôi thấy hợp với sở trường của họa sĩ hơn cả; thứ đến là bột màu.

Trong hầu hết các bức vẽ, lối vẽ của họa sĩ thiên về tả thực; cái chiều thứ ba của cảnh vật được họa sĩ rất chú trọng. Nhưng hầu hết các bức họa, về cái nền (fond) lại không được họa sĩ chú ý đến. Cho nên những bộ mặt có nổi lên nhờ ở chiều thứ ba, lại bị đứng trên những cái nền thiếu chiều sâu. Giá họa sĩ chú trọng hơn lên ở điểm đó thì các nhân vật trong bức họa sẽ linh động hơn, và mỗi nhân vật sẽ nhờ ở cái không khí riêng biệt do cái nền tạo ra, sẽ có cá tính rõ rệt hơn.

Trong tất cả các bức vẽ có bức *Bầu sữa Mẹ* (số 23) làm tôi chú ý hơn cả. Tóm lại họa sĩ đã ghi nhận khá đúng sự vật mình trông thấy, chứ chưa diễn tả được cái phần mình cảm thấy. Về kỹ thuật thì với đường lối tả thực họa sĩ

rất có nhiều tài năng trong lối vẽ chân dung. Còn một điểm nữa là họa sĩ Thụy đã tỏ ra rất chân thành trong việc sáng tác, điều đó cũng là một điều đáng mến và cần thiết cho mọi người làm hội họa.

T.T.

XÂY DỰNG MỘT BAN KỊCH TUYÊN TRUYỀN của NGUYỄN HOÀI VĂN

Thỉnh thoảng ở một vài tờ báo, người ta vẫn đọc thấy tên Nguyễn Hoài Văn ký dưới những bài thơ và những truyện ngắn. Rất ít người được đọc kịch của ông cũng như được thấy ông trên sân khấu. Do đó, cái tên Nguyễn Hoài Văn ký trên một tập sách biên khảo: *Xây dựng một ban kịch tuyên truyền* có hơi làm tôi bỡ ngỡ. Tuy nhiên, khi cầm cuốn sách trên tay — cuốn sách khá dày (ngót 200 trang, in cỡ lớn) — tôi cũng đã đặt vào đấy ít nhiều hy vọng. Bởi vì, vấn đề mà tác giả đưa ra không mấy mới lạ song cái tên của tác giả thì lại quá mới lạ với vấn đề nên, ít ra, theo tôi nghĩ, cũng phải có nhiều khám phá mới lạ. Riêng cái công phu đem một vấn đề kịch (dù là kịch tuyên truyền) mang ra trong lúc này để viết nổi gần 200 trang cũng đáng kể lắm rồi.

Vậy, tác giả đã nói những gì trong bằng ấy trang? Chỉ là những kinh nghiệm rất tầm thường được gom góp lại mà ở tất cả những người làm kịch lưu động đều có thể có được. Tôi không muốn nói là tác giả đã làm một việc thừa. Sự thật thì viết được một cái gì trong lúc này đã là quý rồi. Nhất là những vấn đề học tập, những công phu biên khảo,

nguyên cứu như cuốn sách trên lại càng đáng được khuyến khích lắm. Thế nên, tôi đã đọc Nguyễn Hoài Văn với tất cả sự dễ dãi. Và, tôi chỉ muốn nói là Nguyễn Hoài Văn đã hơi hợt với vấn đề. Lẽ ra, câu chuyện xây dựng một ban kịch tuyên truyền còn có thể viết được khác hơn là tác giả đã viết. Những cái *nhén* và cái *tránh* mà tác giả đã khuyên diễn viên cùng những kinh nghiệm diễn xuất của tác giả thật là sơ đẳng và thiếu sót.

Một thí dụ: khi tác giả nói về cách diễn tả nét mặt:

a) *Tức giận*: Cằm hất về phía trước, lông mày nhíu lại, mắt mở to...

b) *Sợ hãi*: Đầu ngả về đằng sau, răng đánh cầm cập, nhìn chăm chú.

c) *Đau đớn*: Mắt hơi mở, đầu cúi thấp, môi mím chặt lại .v.v...

Tôi nghĩ: Người ta khi *tức giận* đâu có bắt buộc phải hất cằm về phía trước và mắt lại cứ phải mở to. Và khi *sợ hãi* thì tác giả lại khuyên người ta ngả đầu về đằng sau để mà «răng đánh cầm cập»? Ngả đầu về đằng sau như thế nào để khán giả nhìn thấy mặt diễn viên mà nhìn thấy răng đánh cầm cập. Hơn nữa, chỗ này tác giả đã tỏ ra thiếu kinh nghiệm về sân khấu mất rồi. Từ sân khấu đến chỗ khán giả ngồi tác giả định cho cái khoảng cách ấy xa bao nhiêu để mà khán giả có thể nhìn thấy răng của diễn viên đánh cầm cập?

Đại loại, những phương pháp diễn tả mà Nguyễn Hoài Văn đã dạy diễn viên ở các khoản xử dụng tay, chân, điệu bộ chung đều như vậy cả. Có thể, ông đã mang cái

óc tưởng tượng của một tiểu thuyết gia đề khuyên người ta đóng kịch. Hoặc là khi viết những điều đó ông đã mượn tưởng tượng hiện ra trước mặt những hình « gros plan » trên màn ảnh hơn là nghĩ đến những điều kiện sân khấu.

Ở trên, tôi quên chưa nói là cuốn sách chia làm hai phần, lý thuyết và một phần... (khó nói quá) một phần dùng để đăng hai vở kịch của tác giả. Một vở kịch thơ và một vở kịch xuôi.

Để các bạn được rõ thêm về tài soạn kịch của tác giả, tôi xin trích ra đây một đoạn ngắn — rất ngắn — trong vở kịch thơ *Khói lửa kinh thành* :

Cụ Nghè :

Ngài tha cho xin chớ dạy quá lời
Thêm túi thẹn.

Trần Huy (tỏ vẻ khó chịu) :

... Thôi thì xin nói rõ
Bao chiều qua lòng tôi luôn ước có
Vinh hạnh làm... (cười nịnh)... phu
tế của tiên sinh

Người nghĩ sao ? Kể mãi nỗi u tình
Và nói mãi e rằng thêm bất tiện
Cưới Ngọc Hoa, thưa người tôi xin
hiển

Gấm, nhung, vàng...

Cụ Nghè :

... Thưa tưởng hãy xin khoan
Ngài đã thương đâu kẻ lạ, nhưng, vàng
Lão đa tạ, nhưng mà...

Trần Huy : (Vờ làm mặt giận)

... Xin nói thẳng
Người định cho, trưa rồi trông bóng
nắng

Chiều nghiêng thêm...

Cụ Nghè :

... Xin được nói đôi câu
Lão gia tôi chỉ có đứa con đầu
Là con gái từ lâu tôi đã gả
Cho người ta và nó đã đi theo

... Vì không định góp ý kiến về
kịch thơ của tác giả, nên tôi xin

được ngừng ở đây.

Điều đáng nói sau cùng nữa là phần kịch của tác giả đã chiếm quá nhiều (ba phần tư cuốn sách).

V. X.

VĂN HÓA VỤ VỚI BỘ MÔN KỊCH

Tháng vừa qua, trong hai cuộc tiếp xúc giữa Văn Hóa Vụ và một số các nhà văn, nhà soạn kịch và đạo diễn ở thủ đô, vấn đề xây dựng sân khấu Việt-Nam đã được đem ra thảo luận. Hai buổi họp mặt tuy chỉ thu hẹp trong phạm vi trao đổi ý kiến và chưa đưa tới một kết quả cụ thể nào, nhưng rất nhiều vấn đề căn bản đã được nêu lên. Đặc biệt là những trở lực chính đã làm tê liệt mọi hoạt động sân khấu, không cho phép những ban kịch thành hình. Vấn đề giải quyết thuế du hí, mượn rạp, thành lập Hội Những Người Bạn Sân Khấu và vấn đề đi tới tổ chức một ủy ban chung chịu trách nhiệm điều động và giúp đỡ mọi hoạt động chính đáng của sân khấu đã được đặt lên mặt thâm. Trên những ý kiến quan niệm khác biệt mọi người đều đồng lòng công nhận rằng : Bằng cách này hay bằng cách khác, những người có thẩm quyền và trách nhiệm phải bắt tay vào việc làm sống lại một ngành nghệ thuật yên ngủ, để văn nghệ Việt Nam được phát triển mạnh mẽ trên một hình thái sinh hoạt toàn diện.

Giải quyết mọi trở lực của sân khấu, đi tới những biện pháp hữu hiệu, những tổ chức lâu dài đòi hỏi những cuộc thảo luận thấu đáo trên phạm vi rộng lớn hơn, nhưng hai lần tiếp xúc vừa qua cũng đã làm sáng tỏ được nhiều khía cạnh của một vấn đề, đến nay vẫn chưa được giải quyết.

N.Đ.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Sáng Tạo giới thiệu các báo bạn :

TRUYỆN PHIM

Tuần báo điện ảnh — kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ nhất của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc Tế.

ĐẠI HỌC

Nguyệt san nghiên cứu văn hóa và triết học của Viện Đại Học Huế do Nguyễn văn Trung chủ trương.

GIÓ MỚI

Bán nguyệt san. Với sự hợp tác thường xuyên của Thanh Nam, Đinh Hùng, Lê huy Oanh, Thế Viên, Nguyễn thiệu lâu v.v...

HỘP THƯ

Các bạn : Thanh hoài Văn, Đỗ Nguyên, Nguyễn duy Quang, Nguyễn thanh Sơn, Đinh Lang, Nguyễn Thụy, Lương hữu Khánh, Lan Khuê, Vũ Đình, Võ đông Ngân, Lê trọng Khanh, Tô Ngọc, Nguyễn thi Phương, Xuân Dương, Phạm văn Mai, Việt Hùng, Huy Luân, Nguyễn văn Phác, Phong luân Phương.

Đã nhận được thơ, văn các bạn. Cảm tạ.

Thao Trường : Đang đợi ơng vào số này. Chờ sáng tác mới. Thân ái.

Bạn Vũ Nguyên (Paris) : Cảm tạ. Sẽ đăng thơ.

Lan Đình : Đã nhận được thơ. Chờ truyện ngắn. Sẽ gửi báo. Thân ái.

Bạn Viễn Bằng : Không đăng « Về một người bạn ». Chờ sáng tác mới. Thân ái.

Em Trần Đức Thơ : Sẽ trao sang Gió Mới như ý em muốn. Không phải là S. B. đâu. Thân ái.

Hoàng Trúc Linh : Muốn biết lý thơ Nguyễn Sa không gì bằng nói truyện thẳng với tác giả. Cứ viết thơ về, tòa soạn sẽ chuyển giúp anh.

Ý Băng Tâm : Không đăng

Bạn Duy Linh : Rất đồng ý về nhiều điểm trong thư. Thân ái.